

NGÂN HÀNG TMCP
VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Số: 1827/2023/CV-VB

V/v: Công bố thông tin chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 đợt 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 09 tháng 06 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

- Mã cổ phiếu: VBB
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Số điện thoại: (0299) 362 1454 Số fax: (0299) 362 1858
- Website: <https://www.vietbank.com.vn/>.

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank) nhận được Văn bản số 3463/UBCK-QLCK..... của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo triển khai thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2 của Vietbank (tiếp tục triển khai theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 202/GCN-UBCK ngày 12/07/2022). Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank) công bố thông tin chào bán trái phiếu Vietbank ra công chúng năm 2022 đợt 2 như sau:

1. Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 đợt 2;
2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 202/GCN-UBCK ngày 12/07/2022;
3. Công văn của UBCKNN về tài liệu báo cáo triển khai chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2;
4. Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
5. Bản thông tin cập nhật Bản cáo bạch;
6. Các văn bản liên quan:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;



- Giấy phép thành lập và hoạt động;
- Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCD ngày 05/10/2021 của Đại hội đồng Cổ đông VietBank thông qua Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank) năm 2021 và Phương án niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
- Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank) năm 2021 đã được ĐHĐCD thông qua theo Nghị quyết 02/2021/NQ-ĐHĐCD ngày 05/10/2021.
- Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 14/03/2022 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank) năm 2022 đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021.
- Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCD ngày 26/04/2022 của Đại hội đồng Cổ đông VietBank thông qua việc tiếp tục triển khai chào bán trái phiếu ra công chúng.
- Nghị quyết số 85/2022/NQ-HĐQT ngày 29/11/2022 của Hội đồng Quản Trị VietBank thông qua Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu công chúng năm 2022 đợt 2.
- Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐQT ngày 06/03/2023 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi thời gian phát hành tại Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 85/2022/NQ-HĐQT ngày 29/11/2021.
- Điều lệ Vietbank;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2021, năm 2022; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý I năm 2023.
- Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.
- Báo cáo kết quả phát hành đợt 1.
- Báo cáo Báo cáo kiểm toán sử dụng vốn thu được từ Đợt 1 đã được kiểm toán.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Vietbank vào ngày 09./06/2023 tại đường dẫn: <https://www.vietbank.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kinh gửi;
- Lưu TT MKT



Dương Nhất Nguyên



Số: 1828 /2023/TB-TGD

Sóc Trăng, ngày 09 tháng 06 năm 2023

THÔNG BÁO

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2022 (ĐỢT 2)

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 202/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban
Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/07/2022)

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành: NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
2. Tên viết tắt: VIETBANK
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
4. Số điện thoại: (0299) 362 1454 Số fax: (0299) 362 1858 Website: <https://www.vietbank.com.vn/>
5. Vốn điều lệ: 4.776.826.690.000 đồng (Bằng chữ: Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai
mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng)
6. Mã cổ phiếu: VBB
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở Giao Dịch Ngân Hàng Nhà Nước
Số hiệu tài khoản: 120146 (Citad Code 79356001)
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27, ngày 09/05/2022.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác - Mã ngành: 6419
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Phụ lục 1 (đính kèm).
9. Ngân hàng được phép hoạt động từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 theo Giấy phép Hoạt động số
2399/QĐ/NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15/12/2006 (đã được thay thế bởi Giấy
phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805,
sửa đổi lần thứ 27, ngày 09 tháng 05 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp. Thời
hạn hoạt động theo giấy phép là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2006.

II. Mục đích chào bán của đợt chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn cấp 2 của VietBank, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, chi tiết sử dụng như sau:

STT	Mục đích sử dụng	Đợt 1 (tỷ VND)	Đợt 2 (tỷ VND)	Đợt 3 (tỷ VND)
1	Tăng vốn cấp 2			
	+ Hoạt động cho vay trung – dài hạn dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức	100	1.900	1.000
	+ Hoạt động đầu tư	-	-	-
	+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	-	-	-
2	Tăng quy mô vốn khác			
	+ Hoạt động cho vay	-	-	-
	+ Hoạt động đầu tư	-	-	-
	+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	-	-	-

III. Phương án chào bán

A. Thông tin chung về các đợt chào bán

Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thương Tín đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 202/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 12/07/2022. Theo đó thông tin về phương án chào bán đã được cấp như sau:

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022.
2. Loại trái phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietBank theo quy định hiện hành.
3. Mã trái phiếu đã chào bán Đợt 1: VBB122033
4. Mệnh giá trái phiếu: 10.000.000 VND (Mười triệu đồng)/Trái Phiếu

5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 300.000 (Ba trăm nghìn) Trái Phiếu, dự kiến phát hành 03 (ba) đợt:
- Đợt 1: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).
 - Đợt 2: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).
 - Đợt 3: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).

Trong đó: Đã chào bán thành công trái phiếu đợt 1 là 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng) và 900.000.000.000 VND (Chín trăm tỷ đồng) còn lại chưa phân phối hết được chuyển qua Đợt 2.

B. Thông tin về trái phiếu chào bán ra công chúng Đợt 2

1. Mã trái phiếu dự kiến: VBB123034

Mã trái phiếu sẽ được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp theo quy định hiện hành sau khi VietBank hoàn tất đợt chào bán và thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD.

2. Mệnh giá trái phiếu: 10.000.000 VND (Mười triệu đồng)/Trái Phiếu
3. Tổng số lượng trái phiếu chào bán Đợt 2 là: 190.000 (Một trăm chín mươi nghìn) Trái phiếu tương đương 1.900.000.000.000 VND (Một nghìn chín trăm tỷ đồng), trong đó: Số lượng trái phiếu Đợt 1 chưa được phân phối hết chuyển qua Đợt 2 là: 90.000 (Chín mươi nghìn) Trái phiếu;

Trường hợp số lượng Trái Phiếu Đợt 2 chưa được phân phối hết như dự kiến thì số lượng Trái Phiếu chưa được phân phối hết sẽ được chuyển qua Đợt chào bán tiếp theo (Đợt 3).

4. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá Đợt 2 là: 1.900.000.000.000 VND (Một nghìn chín trăm tỷ đồng), trong đó: Bao gồm 900.000.000.000 VND (Chín trăm tỷ đồng) của Đợt 1 chưa phân phối hết.
5. Kỳ hạn trái phiếu: Trái Phiếu Đợt 2 có kỳ hạn: 07 (Bảy) năm.
6. Lãi suất:

Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định phương thức xác định và mức lãi suất Trái Phiếu (Lãi Suất Tham Chiếu, Biên độ) áp dụng phù hợp tùy vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành Trái Phiếu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ.

Lãi suất áp dụng cho Trái phiếu Đợt 2 là lãi suất thả nổi được quy định như sau:

- Năm năm đầu: Lãi Suất Tham Chiếu + 2,50%.
- Hai năm cuối: Lãi Suất Tham Chiếu + 3,50%.

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn



tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.

Ngày xác định lãi suất:

- + Đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Ngày Công Bố Thông Tin.
- + Đối với Kỳ Tính Lãi tiếp theo: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Kỳ Thanh Toán Lãi.

Lãi suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi đầu tiên của Trái Phiếu Đợt 2 là: 9,3 % (Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm).

7. Kỳ trả lãi: Định kỳ 01 (một) năm một lần.
8. Giá chào bán: 10.000.000 VND (Mười triệu đồng)/Trái Phiếu.
9. Phương thức phân phối: Phân phối trực tiếp cho Nhà Đầu Tư thông qua các kênh phân phối tại Trụ sở chính/Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
10. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: 05 (Năm) Trái Phiếu, tương đương 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Để tránh nhầm lẫn, Nhà Đầu Tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu chẵn đến hàng đơn vị.
11. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ ngày 09/06/2023 đến ngày 29/06/2023.
12. Địa điểm nhận đăng ký mua trái phiếu: Tại Trụ sở chính/Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
13. Thời gian nhận tiền mua trái phiếu: Từ ngày 09/06/2023 đến ngày 29/06/2023.
14. Ngày phát hành dự kiến: 30/06/2023.
15. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu
Số tài khoản: 1021511768.

Tên chủ tài khoản: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.

Mở tại: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây.

16. Địa điểm công bố Bản cáo bạch: Bản cáo bạch được đăng tải trên:
 - Trang thông tin điện tử của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín: <https://www.vietbank.com.vn/>
 - Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội: <https://hnx.vn/>

IV. Các tổ chức liên quan

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHÍNH: Không có

TỔ CHỨC ĐỒNG BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: Không có

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI: Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2019, 2020:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính : Lầu 28, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3824 5252 Fax: (028) 3824 5250

Website : <https://www.ey.com/>

Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2021, 2022:

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Trụ sở chính : Lầu 10, Tòa nhà Sunwah, Số 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 3821 9266 Fax: (028) 3821 9267

Website : <https://www.kpmg.com/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888 Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>



TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ, LUU KÝ:

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888 Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)

Trụ sở chính : Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 6283 6888

Fax: (028) 6283 8666

Website : <https://www.hdbs.vn/>

DR

Sóc Trăng, ngày 9 tháng 6 năm 2023.

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



M

Ngô Trần Đoàn Trinh

PHỤ LỤC 1



STT	TÊN SẢN PHẨM/DỊCH VỤ
1	<p>Hoạt động huy động vốn</p> <p>Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kì hạn, tiền gửi có kì hạn và các loại tiền gửi khác.</p> <p>Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khi được Thống đốc NHNN chấp thuận.</p> <p>Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài.</p> <p>Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>
2	<p>Hoạt động tín dụng</p> <p>Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>
3	<p>Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ</p> <p>Cung ứng các phương tiện thanh toán.</p> <p>Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng.</p> <p>Thực hiện các dịch vụ thu hộ, chi hộ.</p> <p>Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>Thực hiện dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng.</p> <p>Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước.</p> <p>Việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.</p>
4	<p>Các hoạt động khác</p> <p>Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc</p>

STT	TÊN SẢN PHẨM/DỊCH VỤ
	<p>quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý.</p> <p>Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hoạch toán độc lập bằng vốn tự có hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật.</p> <p>Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hoạch toán trực độc lập bằng vốn tự có để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.</p>
5	<p>Kinh doanh trái phiếu và các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>Mua, bán trái phiếu và giấy tờ có giá khác.</p> <p>Tham gia giao dịch trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ.</p> <p>Các hoạt động kinh doanh trái phiếu, giấy tờ có giá khác phù hợp quy định pháp luật.</p>
6	Hoạt động kinh doanh, mua bán vàng miếng.
7	<p>Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.</p> <p>Dịch vụ môi giới tiền tệ.</p> <p>Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.</p> <p>Cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.</p>
8	Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định.
9	Đầu tư hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật và NHNN Việt Nam.

PHỤ LỤC 2

THÔNG BÁO

Vv: Lãi suất Trái phiếu VietBank phát hành ra công chúng năm 2022 (Đợt 2) - Áp dụng cho
Kỳ Tính Lãi thứ 01 (30/06/2023 – 30/06/2024)



- Căn cứ điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu được quy định trong Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng và Bản thông tin cập nhật bản cáo bạch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ngày 18/05/2023.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín xin thông báo mức lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi thứ 01 của Trái Phiếu Đợt 2 như sau:

- Tên Tổ Chức Phát Hành: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
- Ngày phát hành: 30/06/2023
- Ngày đáo hạn: 30/06/2030
- Kỳ tính lãi: từ ngày 30/06/2023 cho tới nhưng không bao gồm ngày 30/06/2024
- Lãi suất Trái phiếu cho Kỳ Tính Lãi thứ 01 được xác định bằng công thức:

$$\text{Lãi suất Trái phiếu} = \text{Lãi suất tham chiếu} + \text{biên độ } 2,50\% (\text{hai phẩy năm phần trăm})/\text{năm}$$

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.

- Ngày xác định lãi suất:
 - + Đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Ngày Công Bố Thông Tin.
 - + Đối với Kỳ Tính Lãi tiếp theo: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Kỳ Thanh Toán Lãi.
- Ngày Công Bố Thông Tin: 09/06/2023.
- Lãi Suất Trái phiếu cho Kỳ Tính Lãi thứ 01 được xác định theo bảng dưới đây:

1.	Ngày Xác Định Lãi Suất		31/05/2023
2.	Lãi Suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	6,80%/năm
		Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	6,80%/năm
		Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6,80%/năm
		Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	6,80%/năm
3.	Lãi Suất Tham Chiếu cho Kỳ Tính Lãi thứ 01		6,80%/năm
4.	Lãi Suất Trái Phiếu cho Kỳ Tính Lãi thứ 01		9,30%/năm

(bảng chữ: chín phẩy ba phần trăm một năm)

Số: 202 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 8 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng cho:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

– Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK;

– Tên công ty viết tắt: VIETBANK;

– Địa chỉ trụ sở chính: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam;

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 09 tháng 05 năm 2022;

– Vốn điều lệ: 4.776.826.690.000 đồng (*Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).



Điều 2. Trái phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín được chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản của Tổ chức phát hành.

2. Mệnh giá trái phiếu: 10.000.000 đồng/trái phiếu (*mười triệu đồng*).

3. Tổng số lượng trái phiếu chào bán ra công chúng: 300.000 trái phiếu (*Ba trăm nghìn trái phiếu*), trong đó: Đợt 1: 100.000 trái phiếu; Đợt 2: 100.000 trái phiếu; Đợt 3: 100.000 trái phiếu.

Trường hợp các đợt chào bán trước chưa bán hết số lượng như dự kiến, số trái phiếu chưa chào bán hết sẽ được chuyển sang đợt chào bán tiếp theo.

Sau khi kết thúc từng đợt chào bán, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả chào bán, bổ sung các tài liệu có liên quan đến đợt chào bán tiếp theo theo quy định.

4. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 3.000.000.000.000 đồng (*Ba nghìn tỷ đồng*).

5. Thời gian phân phối:

– Đợt 1: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;

– Các đợt chào bán tiếp theo: Thời gian chào bán của từng đợt không được kéo dài quá 90 ngày. Khoảng cách giữa các đợt chào bán không quá 12 tháng.

6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch.

7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán HD.

Điều 3. Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản chính: 01 bản cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.



Vũ Thị Chân Phương

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3463/UBCK-QLCB

V/v tài liệu báo cáo chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Về việc chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2 theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 202/GCN-UBCK ngày 12/7/2022 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank), Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) có ý kiến như sau:

1. VietBank thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2 theo nội dung Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 202/GCN-UBCK ngày 12/7/2022, phương án được HDQT thông qua tại Nghị quyết số 85/2022/NQ-HDQT ngày 29/11/2022 và Nghị quyết số 20/2023/NQ-HDQT ngày 06/3/2023.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày 09/6/2023, VietBank phải công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của VietBank, Sở Giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 5 Điều 41 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020. Bản dự thảo công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu phải được gửi cho UBCKNN trước khi thực hiện việc công bố thông tin ra công chúng.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, VietBank phải gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán kèm theo văn bản xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho UBCKNN theo quy định tại khoản 7 Điều 41 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

4. VietBank phải thực hiện các nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

UBCKNN thông báo để VietBank được biết và thực hiện./○

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT Hoàng Văn Thu (đề b/c);
- HNX;
- VSD;
- CTCP CK HD;
- Lưu: VT, QLCB (07b).

TL. CHỦ TỊCH
VỤ TRƯỞNG VỤ QUẢN LÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN



NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM
THƯƠNG TÍN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1500/2023/CV-VB

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 05 năm 2023

BẢN THÔNG TIN CẬP NHẬT BẢN CÁO BẠCH

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 202/GCN-UBCK do Chủ tịch
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/07/2022)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên tổ chức phát hành: NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN ("VBB")
2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, TP Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
3. Điện thoại: (0299) 362 1454 Fax: (0299) 362 1858 Website: <https://www.vietbank.com.vn/>.
4. Vốn điều lệ: 4.776.826.690.000 đồng (Bằng chữ: Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng)
5. Mã cổ phiếu: VBB
6. Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở Giao Dịch Ngân Hàng Nhà Nước
Số hiệu tài khoản: 120146 (Citad Code 79356001)
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27, ngày 09/05/2022.
 - Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác - Mã ngành: 6419
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Phụ lục 1 (đính kèm).
8. Giấy phép thành lập và hoạt động:

Ngân hàng được phép hoạt động từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 theo Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15/12/2006 (đã được thay thế bởi Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805,
sửa đổi lần thứ 27, ngày 09 tháng 05 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp. Thời hạn
hoạt động theo giấy phép là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2006.

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN ĐÃ ĐƯỢC CẤP:

Phương án phát hành trái phiếu VBB ra công chúng đã được Đại hội đồng cổ đông VBB và Hội đồng

quản trị VBB thông qua các văn bản sau đây:

- Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021 của Đại hội đồng Cổ đông VietBank thông qua Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank) năm 2021 và Phương án niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
- Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank) năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021.
- Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 14/03/2022 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank) năm 2022 đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021.
- Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022 của Đại hội đồng Cổ đông VietBank thông qua việc tiếp tục triển khai chào bán trái phiếu ra công chúng.

Và phương án phát hành trái phiếu VBB ra công chúng đã được đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 202/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/07/2022. Theo đó thông tin về phương án chào bán đã được cấp như sau:

Loại chứng khoán: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản của Tổ chức phát hành.

Mệnh giá trái phiếu: 10.000.000 đồng/trái phiếu (*mười triệu đồng*).

Tổng số lượng trái phiếu chào bán ra công chúng: 300.000 trái phiếu (Ba trăm nghìn trái phiếu), trong đó: Đợt 1: 100.000 trái phiếu; Đợt 2: 100.000 trái phiếu; Đợt 3: 100.000 trái phiếu.

Trường hợp các đợt chào bán trước chưa bán hết số lượng như dự kiến, số trái phiếu chưa chào bán hết sẽ được chuyển sang đợt chào bán tiếp theo.

Sau khi kết thúc từng đợt chào bán, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả chào bán, bổ sung các tài liệu có liên quan đến đợt chào bán tiếp theo theo quy định.

Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 3.000.000.000.000 đồng (*Ba nghìn tỷ đồng*).

Thời gian phân phối:

- Đợt 1: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;
- Các đợt chào bán tiếp theo: Thời gian chào bán của từng đợt không được kéo dài quá 90 ngày. Khoảng cách giữa các đợt chào bán không quá 12 tháng.

Phương thức phân phối: Bán trực tiếp cho Nhà Đầu Tư thông qua các kênh phân phối tại Trụ sở chính/Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.

Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán HD.

III. KẾT QUẢ CÁC ĐỢT CHÀO BÁN TRƯỚC

+ Đợt 1:

- Số lượng chứng khoán đã phát hành: 10.000 (Mười nghìn) trái phiếu.
- Ngày kết thúc đợt chào bán: 15/09/2022.
- Số lượng chứng khoán đợt 1 chưa được phân phối hết: 90.000 (Chín mươi nghìn) Trái phiếu. Số lượng chứng khoán chưa phân phối hết trong đợt 1 này được chuyển sang đợt chào bán tiếp theo là đợt 2.
- Mã trái phiếu: VBB122033.

IV. NHỮNG THÔNG TIN THAY ĐỔI TRONG BẢN CÁO BẠCH (cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 202/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/07/2022)

A. THÔNG TIN VỀ TÀI CHÍNH

1. Cập nhật nội dung Mục 7.Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

1.1 Bổ sung nội dung mục 7.1 Cổ phiếu phổ thông

Bảng 4. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/03/2023

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ phiếu phổ thông		
1	Cá nhân Trong đó:	148.748.897	31,14
A	Trong nước	148.726.773	31,136
B	Ngoài nước	22.124	0,004
2	Tổ chức Trong đó:	328.933.772	68,86
A	Trong nước	328.933.772	68,86
B	Ngoài nước	0	0,00
II	Cổ phiếu ưu đãi	0	0,00
III	Cổ phiếu quỹ	0	0,00
	Tổng cộng	477.682.669	100,00

Nguồn: Tổ Chức Phát hành

1.2 Bổ sung nội dung mục 7.3 Các loại chứng khoán khác

Tại ngày 31/03/2023, ngoài cổ phiếu phổ thông, Tổ Chức Phát Hành có các chứng khoán khác theo danh sách tại bảng sau:

Bảng 5. Trái phiếu tại ngày 31/03/2023

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản quan trọng khác
VBB122033	Trái phiếu tĩnh vào vốn cấp 2	100.000	05 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm 02 năm cuối: Lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm	16/09/2022	7 năm	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

2. Cập nhật nội dung Mục 8 Hoạt động kinh doanh

2.1 Cập nhật nội dung 8.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

a. Cập nhật nội dung a. Loại sản phẩm, dịch vụ

Bảng 6. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng doanh thu (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Sản phẩm, Dịch vụ	2021		2022		Quý I/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6.086.498	86,43%	7.117.428	90,57%	2.305.427	95,64%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	147.804	2,10%	201.718	2,56%	40.222	1,67%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	117.406	1,67%	198.804	2,52%	33.861	1,40%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	499.327	7,09%	63.287	0,83%	6.066	0,25%
5	Thu nhập từ hoạt động khác	190.909	2,71%	277.187	3,52%	24.960	1,04%
Tổng cộng		7.041.944	100%	7.858.424	100%	2.410.536	100%

Nguồn : BCTC Hợp nhất Kiểm toán năm 2022 và BCTC Hợp nhất Quý I năm 2023 của TCPH

Kết thúc năm 2022, doanh thu hợp nhất của VietBank tăng trưởng tích cực đạt hơn 7.858 tỷ đồng. Cụ thể, so với thời điểm năm 2021, thu nhập lãi đạt hơn 7.117 tỷ đồng (tăng 16,94%), thu nhập từ hoạt động dịch vụ đạt hơn 201 tỷ đồng (tăng 36,48%) và thu nhập từ kinh doanh ngoại hối đạt hơn 198 tỷ đồng (tăng 70,09%).

Đến thời điểm 31/03/2023, Doanh thu Hợp nhất đạt 2.410 tỷ đồng, trong đó thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự đạt 2.305 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 95,64%.

Bảng 7 . Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng doanh thu (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Sản phẩm, Dịch vụ	2021		2022		Quý I/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	6.086.498	86,43%	7.117.428	90,57%	2.305.427	95,64%
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	147.954	2,10%	201.719	2,57%	40.222	1,67%
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	117.406	1,67%	198.804	2,53%	33.861	1,40%
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	499.327	7,09%	63.287	0,81%	6.066	0,25%
5	Thu nhập từ hoạt động khác	190.909	2,71%	277.188	3,53%	24.960	1,04%
Tổng cộng		7.042.094	100%	7.858.426	100,00%	2.410.536	100%

Nguồn: BCTC Riêng lẻ Kiểm toán năm 2022 và BCTC Riêng lẻ Quý I năm 2023 của TCPH

Cập nhật đến 31/12/2022, doanh thu riêng lẻ của VietBank tăng trưởng tích cực, đạt hơn 7.858 tỷ đồng. Các thu nhập lãi, thu nhập từ hoạt động dịch vụ, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối đều tăng trưởng mạnh, chiếm lần lượt 90,57%, 2,53% trên tổng doanh thu.

Đến thời điểm 31/03/2023, Doanh thu Riêng lẻ đạt 2.410 tỷ đồng, trong đó thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự đạt 2.305 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 95,64%.

Bảng 8. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)
Đơn vị: triệu đồng

STT	Sản phẩm, Dịch vụ	2021		2022		Quý I/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu nhập lãi thuần	1.486.208	65,83%	1.810.880	77,90%	479.360	87,97%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	94.808	4,20%	121.714	5,24%	21.636	3,97%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	11.767	0,52%	55.610	2,39%	12.927	2,37%
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	475.575	21,06%	61.667	2,65%	6.030	1,11%
5	Lãi thuần từ hoạt động khác	189.323	8,39%	274.699	11,82%	24.960	4,58%
Tổng cộng		2.257.681	100%	2.324.570	100,00%	544.913	100%

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán năm 2022 và BCTC Hợp nhất Quý I năm 2023 của TCPH

Theo BCTC Hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán, nhìn chung tỷ trọng của mỗi hoạt động trên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của VietBank có sự biến động như sau:

- Tỷ trọng Thu nhập lãi thuần đạt 77,90% tăng mạnh 21,85% so với năm 2021. Ngược lại, tỷ trọng Lãi thuần từ MBCK đầu tư giảm mạnh so với 2021 là 87,03%.
- Tỷ trọng Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng so với năm 2021 (28,38%) .
- Tỷ trọng Lãi thuần từ hoạt động khác so với 2021 là 45,10%.

Đến thời điểm 31/03/2023, tỷ trọng của mỗi hoạt động trên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của

VietBank như sau:

- Tỷ trọng Thu nhập lãi thuần đạt 87,97%.
- Tỷ trọng Lãi thuần từ MBCK đạt 1,11%.
- Tỷ trọng Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 3,97% .
- Tỷ trọng Lãi thuần từ hoạt động khác đạt 4,58%.

Bảng 9. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong Tổng thu nhập hoạt động (Riêng lẻ)
Đơn vị: triệu đồng

STT	Sản phẩm, Dịch vụ	2021		2022		Quý I/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
1	Thu nhập lãi thuần	1.486.190	65,99%	1.810.864	78,02%	479.341	87,97%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	89.722	3,98%	118.237	5,09%	21.636	3,97%
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	11.767	0,52%	55.610	2,40%	12.927	2,37%
4	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	475.575	21,11%	61.667	2,66%	6.030	1,11%
5	Lãi thuần từ hoạt động khác	189.323	8,40%	274.700	11,84%	24.960	4,58%
Tổng cộng		2.252.577	100%	2.321.078	100,00%	544.894	100%

Nguồn: BCTC Riêng lẻ Kiểm toán năm 2022 và BCTC Riêng lẻ Quý I năm 2023 của TCPH

Theo BCTC riêng lẻ năm 2022 đã được kiểm toán, cơ cấu lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của VietBank có sự thay đổi khá tương đồng với biến động trên BCTC hợp nhất, cụ thể như sau:

- Tỷ trọng Thu nhập lãi thuần đạt 78,02%, về giá trị đạt 1.811 tỷ đồng, tăng mạnh 21,85% so với năm 2021. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng 372% so với năm trước. Ngược lại, Lãi thuần từ MBCK đầu tư giảm mạnh so với 2021 là 87,03%.
- Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ và Lãi thuần từ hoạt động khác đều tăng so với năm 2021 tăng lần lượt 31,78% và 45,10%.

Đến thời điểm 31/03/2023, tỷ trọng của mỗi hoạt động trên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của VietBank như sau:

- Tỷ trọng Thu nhập lãi thuần đạt 87,97%.
- Tỷ trọng Lãi thuần từ MBCK đạt 1,11%.
- Tỷ trọng Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 3,97% .
- Tỷ trọng Lãi thuần từ hoạt động khác đạt 4,58%.

b. Cập nhật nội dung b. Huy động vốn

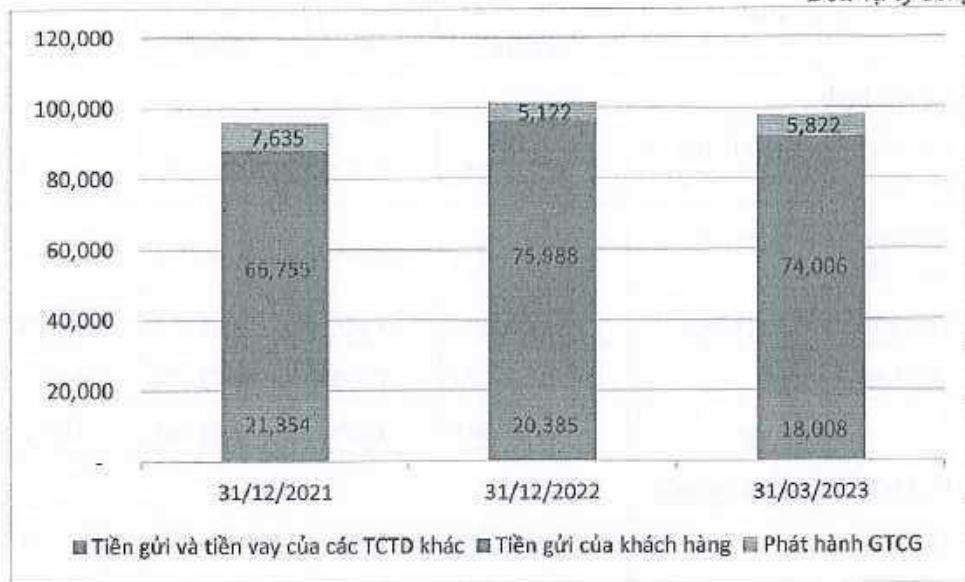
Huy động vốn là nghiệp vụ Ngân hàng huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của khách hàng là tổ chức và cá nhân trên nguyên tắc có hoàn trả gốc và lãi để hình thành nên nguồn vốn huy động đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Hoạt động huy động vốn của VietBank tăng trưởng qua các năm. Tổng nguồn vốn huy động của VietBank tại ngày 31/12/2022 đạt 101,5 nghìn tỷ đồng, tăng 6,06% so với cùng thời điểm năm 2021. Trong năm 2022, VietBank tập trung tăng cường huy động vốn bằng phát hành chứng chỉ tiền gửi. Điều này giúp VietBank bớt phụ thuộc vào nguồn vốn từ phát hành trái phiếu và nâng cao năng lực tài chính của ngân hàng.

Tại thời điểm 31/03/2023, Tổng nguồn vốn huy động của VietBank là 97.836 nghìn tỷ.

Hình 3. Tình hình huy động vốn của Vietbank

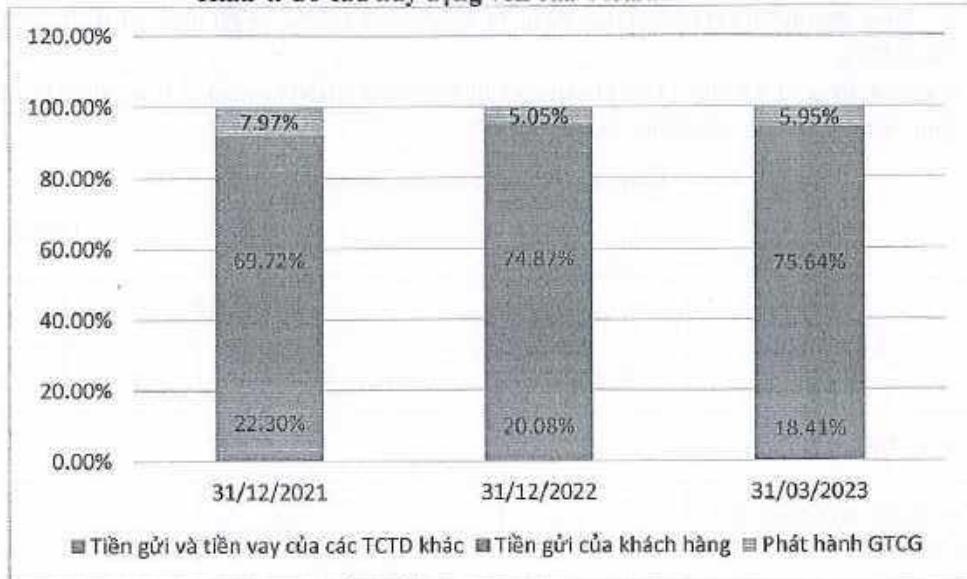
Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Cơ cấu huy động vốn đa dạng, linh hoạt cân đối, đảm bảo an toàn thanh khoản và hiệu quả kinh doanh của toàn hệ thống của VietBank nhưng vẫn tuân thủ các quy định của NHNN theo từng thời kỳ. Xét về cơ cấu huy động vốn tại thời điểm 31/03/2023, khoản mục tiền gửi của khách hàng, tiền gửi và cho vay các TCTD khác, phát hành GTCG có tỷ trọng lần lượt là 75,64%; 18,4%; 5,96%. Tại thời điểm 31/12/2022, các tỷ trọng này lần lượt là 74,86%; 20,1% và 5,04%. Tại thời điểm cuối năm 2021, các tỷ trọng này lần lượt là 69,72%; 22,30% và 7,97%.

Hình 4. Cơ cấu huy động vốn của Vietbank



Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

VietBank chủ động trong công tác nguồn vốn, khai thác nguồn vốn dồi dào cả VND và ngoại tệ với chi phí hợp lý. Huy động vốn bằng VND luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu huy động của VietBank.

Bảng 10. Nguồn vốn huy động (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
I. Loại hình						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	11.663	0,01%	1.266.389	1,23%	9.987	0,01%
Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác	21.353.634	22,30%	20.384.708	19,84%	18.007.978	18,40%
Tiền gửi của khách hàng	66.755.406	69,71%	75.988.224	73,95%	74.006.490	75,64%
Phát hành GTCG	7.635.170	7,97%	5.122.170	4,98%	5.822.170	5,95%
Tổng cộng	95.755.873	100%	102.761.491	100%	97.846.625	100%
II. Trong nước/Ngoài nước						
Trong nước	95.691.909	99,93%	102.443.051	99,74%	97.355.930	99,50%
Ngoài nước	63.964	0,07%	268.440	0,26%	490.695	0,50%
Tổng cộng	95.755.873	100%	102.761.491	100%	97.846.625	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Tiền gửi của khách hàng: Chủ yếu là nguồn tiền trong nước và chiếm tỷ trọng lớn là Tiền gửi của Khách hàng và Tiền gửi/tiền vay từ các TCTD khác, cụ thể:

- Tỷ trọng tiền gửi khách hàng luôn duy trì ở mức 69% - 74%, tại ngày 31/12/2022 tỷ trọng này là 73,95%, tại ngày 31/03/2023 tỷ trọng đạt là 75,64%.
- Tỷ trọng tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác ở mức 18% - 22%, tại ngày 31/12/2022 tỷ trọng này là 19,84%, và tại ngày 31/03/2023 tỷ trọng đạt là 18,40%
- Tỷ trọng Phát hành GTCG tại thời điểm 31/12/2022 là 4,98%, và tại ngày 31/03/2023 tỷ trọng này đạt 5,95%.
- Tại thời điểm 31/12/2022, Các khoản nợ Chính phủ và NHNN chiếm tỷ trọng thấp là 1,23%, và tại thời điểm 31/03/2023, tỷ trọng chỉ còn 0,01%.

Bảng 11. Nguồn vốn huy động (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
I. Loại hình						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	11.663	0,01%	1.126.389	0,13%	9.987	0,01%
Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác	21.353.634	22,30%	20.384.708	22,03%	18.007.978	18,40%
Tiền gửi của khách hàng	66.757.140	69,71%	75.988.810	69,75%	74.008.508	75,64%
Phát hành GTCG	7.635.170	7,97%	5.122.170	8,09%	5.822.170	5,95%

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Tổng cộng	95.757.607	100%	102.762.077	100%	97.848.643	100%
II. Trong nước/Ngoài nước						
Trong nước	95.693.643	99,94%	100.762.077	99,74%	97.357.948	99,50%
Ngoài nước	63.964	0,07%	268.440	0,26%	490.695	0,50%
Tổng cộng	95.757.607	100%	102.447.183	100%	97.848.643	100%

Nguồn: Tờ Chức Phát Hành

Tiền gửi của khách hàng: Chủ yếu là nguồn tiền trong nước và chiếm tỷ trọng lớn là Tiền gửi của Khách hàng và Tiền gửi/tiền vay từ các TCTD khác, cụ thể:

- Tỷ trọng tiền gửi khách hàng luôn duy trì ở mức 69% - 74%, tại ngày 31/12/2022 tỷ trọng này là 73,95%, tại ngày 31/03/2023 tỷ trọng đạt là 75,64%.
- Tỷ trọng tiền gửi, tiền vay từ các TCTD khác ở mức 18% - 22%, tại ngày 31/12/2022 tỷ trọng này là 19,84%, và tại ngày 31/03/2023 tỷ trọng đạt là 18,40%
- Tỷ trọng Phát hành GTCG tại thời điểm 31/12/2022 là 4,98%, và tại ngày 31/03/2023 tỷ trọng này đạt 5,95%.
- Tại thời điểm 31/12/2022, Các khoản nợ Chính phủ và NHNN chiếm tỷ trọng thấp là 1,23%, và tại thời điểm 31/03/2023, tỷ trọng chỉ còn 0,01%.

Bảng 12. Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Phân theo khách hàng							
1	Tổ chức kinh tế	8.405.561	12,59%	12.138.579	15,97%	7.603.274	10,27%
	Cá nhân	58.349.845	87,41%	63.849.645	84,03%	66.403.216	89,73%
Tổng tiền gửi khách hàng		66.755.406	100%	75.988.224	100%	74.006.490	100%
Phân theo kỳ hạn							
2	Tiền gửi không kỳ hạn	3.091.184	4,63%	5.181.225	6,82%	2.429.022	3,29%
	Tiền gửi có kỳ hạn	7.602.517	11,39%	9.421.655	12,40%	7.028.303	9,5%
	Tiền gửi tiết kiệm	55.930.474	83,78%	61.273.532	80,64%	64.326.977	86,92%
	Tiền gửi ký quỹ	107.062	0,16%	95.490	0,13%	95.671	0,12%
	Tiền gửi vốn chuyên dùng	24.169	0,03%	16.322	0,02%	126.517	0,17%

STT	Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
	Tổng tiền gửi khách hàng	66.755.406	100%	75.988.224	100%	74.006.490	100%
3	Phân theo loại tiền						
	VND	66.445.545	99,54%	75.175.946	98,93%	73.215.400	98,93%
	Ngoại tệ	309.861	0,46%	812.278	1,07%	791.090	1,07%
	Tổng tiền gửi khách hàng	66.755.406	100%	75.988.224	100%	74.006.490	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND luôn đóng góp trên 80% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn. Tại thời điểm 31/12/2022, tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng (bao gồm tiền gửi tiết kiệm) đạt 70,69 nghìn tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 11,27% so với thời điểm 31/12/2021. Tính đến 31/03/2023, mặc dù lãi suất tiền gửi ngân hàng giảm tinh hapse dần so với các loại hình đầu tư khác, nhưng tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng vẫn đạt 71,3 nghìn tỷ đồng.

Tiền gửi nội tệ chiếm tỷ trọng gần tuyệt đối trong cơ cấu tiền gửi khách hàng của VietBank. Tại 31/03/2023, tổng tiền gửi nội tệ là 73,2 nghìn tỷ đồng, tương ứng 98,93% tổng tiền gửi khách hàng.

Bảng 13. Cơ cấu tiền gửi của khách hàng (Riêng lẻ)

STT	Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
	Phân theo khách hàng						
1	Tổ chức kinh tế	8.407.295	12,59%	12.139.165	15,97%	7.605.292	10,28%
	Cá nhân	58.349.845	87,41%	63.849.645	84,03%	66.403.216	89,72%
	Tổng tiền gửi khách hàng	64.558.047	100%	66.757.140	100%	74.008.508	100%
2	Phân theo kỳ hạn						
	Tiền gửi không kỳ hạn	3.092.918	4,63%	5.181.811	6,82%	2.431.040	3,3%
	Tiền gửi có kỳ hạn	7.602.517	11,39%	9.421.655	12,40%	7.028.303	9,5%
	Tiền gửi tiết kiệm	55.930.474	83,78	61.273.532	80,63%	64.326.977	86,91%
	Tiền gửi ký quỹ	107.062	0,16%	95.490	0,13%	95.671	0,12%
	Tiền gửi vốn chuyên dùng	24.169	0,04%	16.322	0,02%	126.517	0,17%
	Tổng tiền gửi khách hàng	64.558.047	100%	66.757.140	100%	74.008.508	100%
3	Phân theo loại tiền						
	VND	66.447.279	99,54%	75.176.532	98,93%	73.217.418	98,93%

STT	Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
		Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
	Ngoại tệ	309.861	0,46%	812.278	1,07%	791.090%	1,07%
	Tổng tiền gửi khách hàng	64.558.047	100%	66.757.140	100%	74.008.508	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND luôn đóng góp trên 80% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn. Tại thời điểm 31/12/2022, tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng (bao gồm tiền gửi tiết kiệm) đạt 70,69 nghìn tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 11,27% so với thời điểm 31/12/2021. Tính đến 31/03/2023, mặc dù lãi suất tiền gửi ngân hàng giảm tính hấp dẫn so với các loại hình đầu tư khác, nhưng tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng vẫn đạt 71,3 nghìn tỷ đồng.

Tiền gửi nội tệ chiếm tỷ trọng gần tuyệt đối trong cơ cấu tiền gửi khách hàng của VietBank. Tại thời điểm 31/12/2022, tổng tiền gửi nội tệ là 75,1 nghìn tỷ đồng, tương đương mức tăng khoảng 13,1% so với thời điểm 31/12/2021. Tại 31/03/2023, tổng tiền gửi nội tệ là 73,2 nghìn tỷ đồng, tương ứng 98,93% tổng tiền gửi khách hàng.

c. Cập nhật nội dung c) Hoạt động tín dụng

Vietbank cung cấp đầy đủ và kịp thời vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ khách hàng thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh, khuyến khích tiêu dùng, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững. Chất lượng tín dụng luôn được Vietbank kiểm soát chặt chẽ và tuân theo quy định của NHNN.

Xét về tổng thể, trong những năm gần đây, hoạt động cho vay của VietBank có sự tăng trưởng mạnh mẽ, tổng dư nợ năm sau luôn cao hơn năm trước. Đến 31/12/2022, tổng dư nợ cho vay (chưa trích lập dự phòng) đạt 63.633 nghìn tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 27% so với đầu năm.

Bảng 14. Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Nợ ngắn hạn	21.805.562	43,15%	32.096.231	50,44%	31.172.731	50,67%
Nợ trung hạn	11.673.335	23,10%	9.280.998	14,59%	12.084.887	19,65%
Nợ dài hạn	17.051.259	33,74%	22.255.737	34,98%	18.258.269	29,68%
Tổng dư nợ cho vay	50.530.156	100%	63.632.966	100%	61.515.887	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 15. Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	%	Giá trị	%
Nợ ngắn hạn	21.805.562	43,15%	32.096.231	50,44%	31.172.731	50,67%
Nợ trung hạn	11.673.335	23,10%	9.280.998	14,59%	12.084.887	19,65%
Nợ dài hạn	17.051.259	33,74%	22.255.737	34,98%	18.258.269	29,68%
Tổng dư nợ cho vay	50.530.156	100%	63.632.966	100%	61.515.887	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Tỷ lệ tăng trưởng cho vay của VietBank tại các kỳ hạn trong 2 năm gần đây chung tương đối đồng đều khi các khoản vay trung và dài hạn đều chiếm trên 50% tổng dư nợ.

Tính đến ngày 31/03/2023, các khoản vay ngắn, trung và dài hạn của VietBank chiếm tỷ trọng trên tổng dư nợ là lần lượt là 50,67%; 19,65% và 29,68%.

Bảng 16. Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị: triệu đồng					
	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	%	Giá trị	%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình	21.715.931	42,98%	29.307.435	46,06%	27.964.068	45,45%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	10.910.343	21,59%	13.105.257	60,60%	13.439.338	21,84%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	5.337.407	10,56%	5.639.993	8,86%	5.368.677	8,72%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	4.072.484	8,06%	3.885.496	6,11%	3.543.341	5,76%
Xây dựng	3.215.480	6,36%	2.675.746	4,20%	2.679.710	4,35%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.483.739	2,94%	2.498.980	3,93%	2.551.013	4,18%
Các ngành nghề khác	3.794.772	7,51%	6.514.935	10,24%	5.969.740	9,7%
Tổng cộng	50.530.156	100%	63.632.966	100%	61.515.887	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 17. Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Đơn vị: triệu đồng					
	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	%	Giá trị	%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình	21.715.931	42,98%	29.307.435	46,06%	27.964.068	45,45%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	10.910.343	21,59%	13.105.257	20,60%	13.439.338	21,84%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	5.337.407	10,56%	5.639.993	8,86%	5.368.677	8,72%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	4.072.484	8,06%	3.885.496	6,11%	3.543.341	5,76%

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	%	Giá trị	%
Xây dựng	3.215.480	6,36%	2.675.746	4,20%	2.679.710	4,35%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.483.739	2,94%	2.498.980	3,93%	2.551.013	4,18%
Các ngành nghề khác	3.794.772	7,51%	6.520.059	10,25%	5.969.740	9,7%
Tổng cộng	50.530.156	100%	63.632.966	100%	61.515.887	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Phân theo ngành kinh tế, các khoản cho vay hoạt động phục vụ hộ gia đình luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ cho vay của VietBank. Điều này cho thấy VietBank vẫn đang ưu tiên nguồn vốn cho vay mảng cá nhân và dịch vụ hộ gia đình.

Là ngân hàng bán lẻ, đối tượng khách hàng vay của VietBank tương đối đa dạng, bao gồm cá nhân và pháp nhân thuộc mọi loại hình kinh tế.

- Đối với nhóm khách hàng cá nhân: Được xác định là nhóm khách hàng mục tiêu, VietBank đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân rất đa dạng và phong phú với lãi suất ưu đãi, phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho VietBank. Có thể kể đến các sản phẩm tiêu biểu như:
 - Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống: VietBank cung cấp rất đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng, bao gồm: cho vay mua nhà, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; cho vay mua nhà dự án; cho vay mua nhà ở xã hội; cho vay mua ô tô; gói sản phẩm cho vay du học; cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của CBNV; cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao,...
 - Cho vay Sản xuất kinh doanh: Là giải pháp tài chính đối với KHCN phục vụ hoạt động kinh doanh với các nhu cầu đa dạng, như Cho vay đầu tư bất động sản nghỉ dưỡng và căn hộ dịch vụ; Cho vay Sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ; Cho vay thầu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng sổ dư tiền gửi, sổ thẻ tiết kiệm, GTCG phục vụ mục đích SXKD,...
- Đối với Khách hàng Doanh nghiệp: Theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và hướng đến khách hàng mục tiêu, VietBank không ngừng phát triển sản phẩm mới. Các sản phẩm dành cho doanh nghiệp luôn được thiết kế linh hoạt phù hợp, dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn và bảo mật cao. Các sản phẩm điển hình như:
 - Cho vay ngắn hạn: bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại trong nước, tài trợ hợp đồng đầu ra trong nước, tài trợ xuất nhập khẩu, thầu chi tài khoản tiền gửi thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, tài trợ toàn diện đối với các đối tác liên kết,...
 - Cho vay trung dài hạn: đầu tư tài sản cố định, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, đầu tư Dự án mới,...
 - Bảo lãnh trong nước: phát hành các loại bảo lãnh mang đến nền tảng tài chính vững chắc để doanh nghiệp nhằm tối ưu chi phí vốn, nâng cao uy tín của doanh nghiệp với đối tác khi thực hiện giao dịch mua bán, đầu thầu,... gia tăng cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả nhất, bao gồm các loại bảo lãnh sau:
 - o Bảo lãnh dự thầu.
 - o Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
 - o Bảo lãnh thanh toán.
 - o Bảo lãnh tiền tạm ứng/hoàn trả tiền tạm ứng.

- o Bảo lãnh bảo hành/bảo đảm chất lượng sản phẩm.
- o Bảo lãnh cho nhà thầu liên danh.

Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng bảo đảm bằng tiền tạm ứng.

Bảng 18. Phân loại nợ cho vay theo chất lượng (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023		<i>Đơn vị: triệu đồng</i>
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	
Nợ đủ tiêu chuẩn	47.541.836	94,09%	59.512.330	93,52%	56.033.617	91,09%	
Nợ cần chú ý	1.143.269	2,26%	1.796.347	2,82%	2.828.464	4,6%	
Nợ dưới tiêu chuẩn	331.042	0,66%	182.284	0,29%	304.338	0,5%	
Nợ nghi ngờ	592.140	1,17%	327.442	0,51%	369.749	0,6%	
Nợ có khả năng mất vốn	921.869	1,82%	1.814.563	2,85%	1.979.719	3,21%	
Tổng cộng	50.530.156	100%	63.632.966	100%	61.515.887	100%	

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 29. Phân loại nợ cho vay theo chất lượng (Riêng lẻ)

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023		<i>Đơn vị: triệu đồng</i>
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	
Nợ đủ tiêu chuẩn	47.541.836	94,09%	59.512.330	93,52%	56.033.617	91,09%	
Nợ cần chú ý	1.143.269	2,26%	1.796.347	2,82%	2.828.464	4,6%	
Nợ dưới tiêu chuẩn	331.042	0,66%	182.284	0,29%	304.338	0,5%	
Nợ nghi ngờ	592.140	1,17%	327.442	0,51%	369.749	0,6%	
Nợ có khả năng mất vốn	921.869	1,82%	1.814.563	2,85%	1.979.719	3,21%	
Tổng cộng	50.530.156	100%	63.632.966	100%	61.515.887	100%	

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

VietBank thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Điều 11 của Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 "Quy định về phân loại tài sản cố, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài"

Tính đến 31/12/2020, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn của VietBank được kiểm soát tại mức 1,34% trên tổng dư nợ, tăng nhẹ tỷ trọng so với năm 2019. Tuy nhiên số liệu này vẫn ở mức tương đối thấp so với toàn ngành. Trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng tại thời điểm này là 456,1 tỷ đồng. Dự phòng chung tại ngày 31/12/2020 cũng được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30/11/2020 của các

khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn. Tại 31/12/2021, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn xấp xỉ 1,82%, tăng nhẹ tỷ trọng so với năm 2020. Mặc dù tình hình Covid-19 còn diễn biến phức tạp nhưng VietBank vẫn luôn sát sao, thường xuyên quản lý chất lượng dư nợ của Ngân hàng một cách cẩn trọng và chính xác nhất. Dự phòng tại 31/12/2021 là 917.692. Dự phòng tại 31/12/2022 là 625.929 triệu đồng. Dự phòng tại 31/03/2023 là 669.561 triệu đồng.

VietBank chủ động sàng lọc khách hàng để phản ánh chất lượng nợ phù hợp với năng lực tài chính thực tế của khách hàng; thực hiện các biện pháp quản lý các khoản nợ sát sao, đa dạng các ứng dụng xử lý tín dụng, chất lượng nợ.

Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể được thực hiện theo quy định của NHNN, trong đó có loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

Bảng 20. Số dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị: triệu đồng		
	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Dự phòng cụ thể	545.629	162.291	223.040
Dự phòng chung	372.063	463.638	446.521
Tổng cộng	917.692	625.929	669.561

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 21. Số dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Đơn vị: triệu đồng		
	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Dự phòng cụ thể	545.629	162.291	223.040
Dự phòng chung	372.063	463.638	446.521
Tổng cộng	917.692	625.929	669.561

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Vietbank luôn đáp ứng tốt tiêu chuẩn những nguyên tắc quản trị rủi ro, và là thành viên thứ 14 được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt cho phép áp dụng trước hạn Thông tư 41 theo chuẩn Basel II.

Bảng 22. Tỷ lệ an toàn vốn (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Tỷ lệ an toàn vốn*	%	9,98	10,16	10,93

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 23. Tỷ lệ an toàn vốn (Riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Tỷ lệ an toàn vốn*	%	9,98	10,16	10,93

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

(*) Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của VietBank được tính toán theo thông tư 41/2016/TT-NHNN của NHNN

và luôn tuân thủ theo quy định của NHNN (trên 8%).

d. Cập nhật nội dung d. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

Bảng 24. Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	2021	2022	Quý I/2023
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	117.406	198.804	33.861
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(105.639)	(143.194)	(20.934)
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	11.767	55.610	12.927
Thu nhập từ hoạt động thanh toán	49.065	68.595	30.946
Chi phí từ hoạt động thanh toán	(8.289)	(12.955)	(18.260)
Lãi thuần từ hoạt động thanh toán	40.776	55.640	12.686

Nguồn: BCTC Hợp nhất Kiểm toán năm 2021, BCTC Hợp nhất năm 2022 và BCTC Hợp nhất Quý I năm 2023 của TCPH

Bảng 25. Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	Quý I/2023
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	117.406	198.804	33.861
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(105.639)	(143.194)	(20.934)
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	11.767	55.610	12.927
Thu nhập từ hoạt động thanh toán	49.065	68.595	30.946
Chi phí từ hoạt động thanh toán	(8.289)	(12.955)	(18.261)
Lãi thuần từ hoạt động thanh toán	40.776	55.640	12.685

Nguồn: BCTC Riêng lẻ Kiểm toán năm 2021, BCTC Riêng lẻ năm 2022 và BCTC Riêng lẻ Quý I năm 2023 của TCPH

Hoạt động kinh doanh ngoại hối và dịch vụ thanh toán trong nước và nước ngoài của Vietbank đã có bước phát triển rõ rệt những năm gần đây:

- **Hoạt động kinh doanh ngoại hối:**

Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối năm 2022 của VietBank đạt 55,61 tỷ đồng, tăng mạnh 372,6% so với năm 2021 nhờ vào tập trung tâm vào phát triển khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa

các loại ngoại tệ nhằm khai thác tối đa khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới ở các phân khúc. Tại 31/03/2023, lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối của VietBank đạt 12,927 tỷ đồng.

- **Hoạt động thanh toán**

Năm 2022, lãi thuần từ hoạt động thanh toán đạt 55,64 tỷ đồng, tăng 36,45% so với năm 2021. Tính đến ngày 31/03/2023, Lãi thuần từ hoạt động thanh toán đạt 12.685 tỷ đồng.

VietBank nỗ lực thúc đẩy công tác phát triển nhiều sản phẩm mới về Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại như cài tiền, thiết kế, cung ứng các sản phẩm chuyên biệt (Upas L/C, chuyển tiền ngoại tệ...) cho từng đối tượng khách hàng, đồng thời, nâng cấp và cải tiến hệ thống kỹ thuật phục vụ xử lý nghiệp vụ nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

- **e. Cập nhật nội dung e) Hoạt động Ngân hàng đại lý**

VietBank đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý rộng khắp toàn cầu, đáp ứng các nhu cầu giao dịch thiết yếu với ngân hàng quốc tế, trong đó chủ yếu là chuyên tiền và tài trợ thương mại cho các khách hàng với các thị trường trên thế giới được nhanh chóng, an toàn, và hiệu quả.

Tính đến 31/03/2023, VietBank có quan hệ đại lý với 192 ngân hàng đại lý tại 38 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Trong thời gian tới, VietBank tập trung duy trì, mở rộng và nâng cấp quan hệ đại lý với các đối tác truyền thống, chú trọng vào các thị trường tiềm năng với mục tiêu tăng huy động nguồn vốn với lãi suất tốt, chào bán sản phẩm dịch vụ của VietBank để tăng thu phí dịch vụ, kết nối kinh doanh để mở rộng cơ sở khách hàng.

- **f. Cập nhật nội dung f) Hoạt động kinh doanh khác**

Bảng 26. Kết quả hoạt động đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Tổng đầu tư chứng khoán	29.191.604	100,00%	23.480.203	100,00%	18.634.399	100,00%
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	10.941.516	37,48%	9.864.740	42,01%	9.812.957	52,66%
Chứng khoán Nợ do TCTD khác trong nước phát hành	4.551.734	15,59%	4.802.630	20,45%	4.802.285	25,77%
Chứng khoán Nợ do TCKT trong nước phát hành	6.148.224	21,06%	3.907.660	16,64%	718.623	3,86%
Chứng chi tiền gửi do TCTD khác trong nước phát hành	7.550.130	25,87%	4.905.173	20,89%	3.300.534	17,71%

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Góp vốn, đầu tư dài hạn	1.400	0,00%	1.400	0,00%	0	0,00%
Đầu tư dài hạn khác	1.400	0,00%	1.400	0,00%	1.400	0,00%
Tổng cộng	29.193.004	100%	23.481.603	100%	18.634.399	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 27. Kết quả hoạt động đầu tư tài chính (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		31/03/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Tổng đầu tư chứng khoán	29.191.604	99,98%	23.480.203	100%	18.634.399	100%
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	10.941.516	37,47%	9.864.740	42,01%	9.812.957	52,66%
Chứng khoán Nợ do TCTD khác trong nước phát hành	4.551.734	15,59%	4.802.630	20,45%	4.802.285	25,77%
Chứng khoán Nợ do TCCKT trong nước phát hành	6.148.224	21,06%	3.907.660	16,64%	718.623	3,86%
Chứng chỉ tiền gửi do TCTD khác trong nước phát hành	7.550.130	25,86%	4.905.173	20,89%	3.300.534	17,71%
Góp vốn, đầu tư dài hạn	6.400	0,02%	6.400	0,02%	0	0%
Đầu tư vào công ty con	5.000	0,02%	5.000	0,02%	0	0%
Đầu tư dài hạn khác	1.400	0,00%	1.400	0,00%	0	0%
Tổng cộng	29.198.004	100%	23.486.603	100%	18.634.399	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Quy mô hoạt động đầu tư của VietBank trong năm 2022 đạt 23,48 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 30,13% tổng tài sản, giảm hơn 5,71 nghìn tỷ đồng so với số dư cuối năm 2021. Tại thời điểm 31/03/2023, quy mô hoạt động đầu tư đạt hơn 18,6 nghìn tỷ đồng. Danh mục đầu tư liên tục được điều chỉnh theo hướng tối đa khả năng sinh lời, nhưng vẫn đảm bảo thanh khoản cho toàn hệ thống và tuân thủ theo quy định của NHNN.

2.2 Cập nhật nội dung mục 8.2 Tài Sản

Bảng 28. Chi tiết tài sản cố định (Hợp nhất)

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/ Nguyên giá
<i>Thời điểm 31/12/2020</i>			
1. TSCĐ hữu hình	963.139	566.887	58,86%
- Nhà cửa, vật kiến trúc	602.632	406.578	67,47%
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	177.634	117.395	66,09%
- Phương tiện vận tải	151.025	37.242	24,66%
- Tài sản khác	31.848	5.672	17,81%
2. TSCĐ vô hình	367.823	285.150	77,52%
- Quyền sử dụng đất	50.246	50.246	100,00%
- Phần mềm máy vi tính	317.577	234.904	73,97%
Tổng cộng	1.330.962	852.037	64,02%
<i>Thời điểm 31/12/2021</i>			
1. TSCĐ hữu hình	1.012.332	556.195	54,94%
- Nhà cửa, vật kiến trúc	631.384	407.923	64,61%
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	187.984	107.132	56,99%
- Phương tiện vận tải	160.518	35.628	22,20%
- Tài sản khác	32.446	5.512	16,99%
2. TSCĐ vô hình	375.874	256.994	68,37%
- Quyền sử dụng đất	50.246	50.246	100,00%
- Phần mềm máy vi tính	326.628	206.748	63,30%
Tổng cộng	1.388.206	813.189	58,58%
<i>Thời điểm 31/12/2022</i>			
1. TSCĐ hữu hình	1.138.986	622.994	54,70%
Nhà cửa, vật kiến trúc	676.260	428.856	63,42%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	263.280	155.470	59,05%
Phương tiện vận tải	166.694	32.970	19,78%
Tài sản khác	32.752	5.698	17,40%
2. TSCĐ vô hình	385.228	230.177	59,75%
Quyền sử dụng đất	59.600	59.600	100,00%
Phần mềm máy vi tính	325.628	170.577	52,38%

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/ Nguyên giá
Tổng cộng	1.524.214	853.171	55,97%
<i>Thời điểm 31/03/2023</i>			
1. TSCĐ hữu hình	1.139.253	608.052	53,37%
Nhà cửa, vật kiến trúc	676.351	422.639	62,48%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	263.719	148.424	56,28%
Phương tiện vận tải	166.818	31.863	19,1%
Tài sản khác	32.365	5.126	15,83%
2. TSCĐ vô hình	385.228	221.134	57,40%
Quyền sử dụng đất	59.600	59.600	100%
Phần mềm máy vi tính	325.628	161.534	49,60%
Tổng cộng	1.524.481	829.186	54,39%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 29. Chi tiết tài sản cố định (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/ Nguyên giá
<i>Thời điểm 31/12/2020</i>			
1. TSCĐ hữu hình	963.139	566.887	58,86%
- Nhà cửa, vật kiến trúc	602.632	406.578	67,47%
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	177.634	117.395	66,09%
- Phương tiện vận tải	151.025	37.242	24,66%
- Tài sản khác	31.848	5.672	17,81%
2. TSCĐ vô hình	367.823	285.150	77,52%
- Quyền sử dụng đất	50.246	50.246	100,00%
- Phần mềm máy vi tính	317.577	234.904	73,97%
Tổng cộng	1.330.962	852.037	64,02%
<i>Thời điểm 31/12/2021</i>			
1. TSCĐ hữu hình	1.012.332	556.195	54,94%
- Nhà cửa, vật kiến trúc	631.384	407.923	64,61%
- Thiết bị, dụng cụ quản	187.984	107.132	56,99%

Lý			
- <i>Phương tiện vận tải</i>	160.518	35.628	22,20%
- <i>Tài sản khác</i>	32.446	5.512	16,99%
2. TSCĐ vô hình	375.874	256.994	68,37%
- <i>Quyền sử dụng đất</i>	50.246	50.246	100,00%
- <i>Phần mềm máy vi tính</i>	325.628	206.748	63,49%
Tổng cộng	1.388.206	813.189	58,58%
<i>Thời điểm 31/12/2022</i>			
1. TSCĐ hữu hình	1.138.986	622.994	54,70%
<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	676.260	428.856	63,42%
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	263.280	155.470	59,05%
<i>Phương tiện vận tải</i>	166.694	32.970	19,78%
<i>Tài sản khác</i>	32.752	5.698	17,40%
2. TSCĐ vô hình	385.228	230.177	59,75%
<i>Quyền sử dụng đất</i>	59.600	59.600	100,00%
<i>Phần mềm máy vi tính</i>	325.628	170.577	52,38%
Tổng cộng	1.524.214	853.171	55,97%
<i>Thời điểm 31/03/2023</i>			
1. TSCĐ hữu hình	1.139.253	608.052	53,37%
<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	676.260	422.639	62,48%
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	263.719	148.424	56,28%
<i>Phương tiện vận tải</i>	166.818	31.863	19,1%
<i>Tài sản khác</i>	32.365	5.126	15,83%
2. TSCĐ vô hình	385.228	221.134	57,40%
<i>Quyền sử dụng đất</i>	59.600	59.600	100%
<i>Phần mềm máy vi tính</i>	325.628	161.534	49,60%
Tổng cộng	1.524.481	829.186	54,39%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

2.3 Cập nhật nội dung Mục 8.4.2 Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

a. Sửa đổi nội dung e. Vị thế của Tổ chức Phát Hành trong ngành

VietBank thực hiện khảo sát báo cáo tài chính đến ngày 31/12/2022 của 27 ngân hàng trong tổng số 35 Ngân hàng Thương mại (NHTM) của Việt Nam, trong đó có 04 Ngân hàng thuộc sở hữu Nhà nước và 23 ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP). gồm các ngân hàng sau: Vietcombank, VietinBank, VPBank, MBBank, Techcombank, ACB, SHB, HDBank, Sacombank, OCB, VIB, TPBank, LienViet Post Bank, MSB, Nam A Bank, EximBank, ABBank, NCB, VietCapital Bank, PGBank, KienLongBank, SaiGonBank, VietBank, Bac A Bank, BIDV, SeaBank, Viet A Bank.

- Về quy mô hoạt động của VietBank so với các TCTD khác tại thời điểm 31/12/2022:
 - + Tổng tài sản đạt 111.306 tỷ đồng xếp hạng 21/27 TCTD khảo sát. Tăng trưởng tổng tài sản VietBank so với năm 2021 đạt 7,86% xếp 20/27 TCTD.
 - + Dư nợ cho vay khách hàng đạt 63.007 tỷ đồng xếp hạng 21/27 TCTD khảo sát. Tuy nhiên tăng trưởng dư nợ cho vay khách hàng VietBank cuối 2022 so với cuối 2021 VietBank đạt 26,99% xếp thứ 3 /27 TCTD có tăng trưởng dư nợ cho vay.
 - + Huy động vốn từ khách hàng (Bao gồm phát hành GTCG) VietBank đến cuối 2022 đạt 81.110 tỷ đồng, xếp hạng 21/27 TCTD. So với năm 2021, tăng trưởng huy động VietBank đạt 9,03% xếp 17/27 TCTD.
 - + Vốn chủ sở hữu VietBank đến cuối năm 2022 đạt 6.266 tỷ đồng xếp thứ 22/27 TCTD. Trong năm 2022, Vốn chủ sở hữu VietBank tăng 522 tỷ so với cuối năm 2021.
- Về quy mô hoạt động của VietBank tại thời điểm 31/03/2023:
 - + Tổng tài sản đạt 106.932 tỷ đồng
 - + Dư nợ cho vay khách hàng đạt 60.846 tỷ đồng
 - + Huy động vốn từ khách hàng (Bao gồm phát hành GTCG) VietBank đạt 81.110 tỷ đồng,
 - + Vốn chủ sở hữu VietBank đạt 6,258 tỷ đồng.

Tuy là ngân hàng thành lập muộn trong các TCTD trên thị trường nhưng quy mô hoạt động VietBank ngày càng được cải thiện, xếp hạng các chỉ tiêu quy mô ở mức trung bình thuộc top 20-22 trong số 27 TCTD khảo sát. Các chỉ tiêu về tăng trưởng đều ở mức cao và ổn định so với năm 2021

- Về năng lực tài chính: Vốn chủ sở hữu VietBank nằm trong nhóm có năng lực tài chính thấp, tuy nhiên vẫn đáp ứng các chỉ tiêu về an toàn vốn theo quy định. Hệ số an toàn vốn (CAR) của VietBank trên 10% và xếp thứ 22 trên 27 ngân hàng khảo sát trong ngành
- Về tính thanh khoản: VietBank đáp ứng tốt chỉ tiêu an toàn về thanh khoản của NHNN với tỷ lệ LCR bình quân năm 2022 đạt 13,06%
- Về hiệu quả kinh doanh: Lợi nhuận trước thuế cuối năm 2022 đạt 649 tỷ, tăng 2,12% so với năm 2021; xếp vị trí 23/27 các TCTD (Giữ nguyên vị thế so với năm 2021). Biên lợi nhuận ròng (NIM) của VietBank năm 2022 là 1,87% được cải thiện so với năm 2021 là 1,05% (+0,82%), NIM VietBank xếp hạng 26/27 TCTD. Bên cạnh nguồn thu đến từ hoạt động kinh doanh lõi, tỷ lệ thu nhập từ các hoạt động khác của VietBank cũng cải thiện qua các năm nhờ nguồn thu đa dạng.
- Về quy mô kinh doanh trên một chi nhánh và trên một điểm giao dịch: Trong khi VietBank nằm trong nhóm ngân hàng có số lượng chi nhánh thấp nhất, chỉ có 25 chi nhánh, nhưng lại có 93 điểm giao dịch. Do đó, quy mô kinh doanh (huy động và cho vay) trên một chi nhánh của VietBank tương đối lớn. Tuy nhiên, nếu tính trên cơ sở tổng số các điểm giao dịch thì quy mô kinh doanh của mỗi điểm giao dịch lại thấp.
- Về mạng lưới và số lượng lao động: VietBank nằm trong nhóm các ngân hàng tương đối ít điểm giao dịch và số lượng nhân viên thấp so với toàn ngành. Bình quân trong năm 2022, VietBank có 2.529 nhân viên. Tính đến 31/03/2023, VietBank có 2.539 nhân viên.
- Về chất lượng tài sản: VietBank quản lý chất lượng tài sản theo hướng cẩn trọng, chủ động đẩy mạnh lộ trình xử lý nợ xấu, nợ tồn đọng và trích lập đủ dự phòng và quản lý tỷ lệ nợ xấu ở mức kế hoạch.
- Về hình ảnh và thương hiệu: Vietbank đang cố gắng xây dựng và củng cố hình ảnh cũng như thương hiệu của mình đối với khách hàng nhằm nâng cao vị thế và tạo sự tin tưởng đối với khách hàng.

Trên cơ sở những chỉ tiêu tài chính và phi tài chính, VietBank đang thuộc nhóm các ngân hàng có quy mô và năng lực tài chính chưa lớn, có mạng lưới hạn chế và số lượng lao động thấp, các đơn vị kinh doanh có quy mô hoạt động nhỏ. Tuy nhiên hiệu quả kinh doanh đã có nhiều sự cải thiện, quy mô ngân hàng mở rộng đem lại nhiều lợi thế và tiềm năng phát triển cho VietBank.

2.4 Cập nhật nội dung mục 8.6 Chiến lược kinh doanh

a. Sửa đổi nội dung a. Mục tiêu chiến lược

Quy mô Tổng tài sản đến năm 2026 đạt mức 200.000 tỷ đồng; Huy động vốn từ 14% - 20% và tăng trưởng tín dụng từ 12 – 17% trong giai đoạn 2023 – 2026.

Hoạt động an toàn, hiệu quả, đáo đàm thanh khoản và đáp ứng đầy đủ các chỉ số theo quy định của NHNN.

Chuyển dịch từ hoạt động ngân hàng truyền thống sang ngân hàng số, với định hướng tập trung phát triển bán lẻ và tăng tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ. Áp dụng triệt để các tiện ích ngân hàng số nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong hoạt động của Ngân hàng.

Nâng cao năng lực cạnh tranh toàn diện, tăng cường hiệu quả công tác quản trị và điều hành.

Phát triển đa dạng về mô hình hoạt động (liên doanh, công ty tài chính, chứng khoán, quỹ,...)

b. Sửa đổi nội dung d. Định hướng chiến lược phát triển trung hạn

Chiến lược phát triển giai đoạn 2023 đến 2026:

- Tổng tài sản: tăng bình quân 12 – 18%/năm; đến năm 2026 đạt mức 200.000 tỷ đồng.
- Tổng tài sản: tăng bình quân 12 – 18%/năm; đến năm 2026 đạt mức 200.000 tỷ đồng.
- Nguồn vốn: Tăng tổng tài sản dựa trên nền tảng chính từ tăng trưởng huy động vốn, tỷ lệ huy động trên tổng tài sản dao động gần 80 - 90%, đa dạng nguồn vốn huy động. Theo đó, không tập trung quá vào nguồn vốn truyền thống, mà nồng độ tìm thêm các nguồn vốn có kỳ hạn dài và giá hợp lý thông qua cá hình thức phát hành kỳ phiếu, trái phiếu. Thực hiện đồng bộ và quyết liệt các giải pháp nhằm cải thiện giá vốn, nâng cao các chỉ số hiệu quả hoạt động.
- Dư nợ tín dụng: tăng dù theo hạn mức Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phân bổ. Không ngừng nâng cao chất lượng tài sản, tiếp tục tái cấu trúc cơ cấu tài sản nợ, tài sản có theo hướng giảm tỷ trọng tài sản có rủi ro, cải thiện khả năng sinh lời.
- Tập trung phát triển sản phẩm dịch vụ bán lẻ đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ theo đó tăng dần tỷ trọng nguồn thu từ dịch vụ trong cơ cấu thu nhập. Từ đó, gia tăng các nguồn thu phi tín dụng.
- Tỷ trọng tổng thu thuần từ dịch vụ/tổng thu nhập thuần của Ngân hàng hàng năm sẽ đạt tỷ lệ bình quân 10-12%.
- Đáp ứng tất cả các nhu cầu của khách hàng về sản phẩm dịch vụ tài chính theo định hướng ngân hàng bán lẻ, trong đó chú trọng hoạt động bán chéo sản phẩm dịch vụ với các đối tác có liên kết, nhằm cung ứng cho thị trường các sản phẩm tài chính trọn gói với giá thành hợp lý. Tạo sự khác biệt trong SPDV nhằm mang lại hiệu quả thiết thực cũng như nâng cao tính cạnh tranh của Ngân hàng.
- Phát triển các sản phẩm mới trong lĩnh vực tiền tệ như sản phẩm phái sinh, các sản phẩm cơ cấu (structured products), các sản phẩm chứng khoán nợ....
- Tỷ lệ lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt trên 10%;
- Tỷ lệ Nợ xấu: thấp hơn 3%;
- Hệ số an toàn vốn tối thiểu (theo Thông tư 41/2016 của NHNN) đạt trên 8%. Đáp ứng đầy đủ các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN chuẩn Basel II (Thông tư 41 & Thông tư 13).
- Chiến lược nguồn nhân lực: Số lượng CBNV đến năm 2026 là 3.500 – 4.000 người. Theo đó:
 - Tuyển dụng được những nhân sự giỏi có năng lực đáp ứng yêu cầu tuyển dụng nội bộ.
 - Phát hiện nhân sự giỏi nội bộ, đào tạo chuẩn bị cho nhân sự kế thừa.
 - Xây dựng các chính sách tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhằm ổn định nhân sự
 - Xây dựng chính sách và tiêu chí đánh giá thi đua (KPI) tiên tiến, minh bạch và công bằng.

- Xây dựng chính sách lương, thưởng theo năng lực và hiệu quả của nhân sự toàn hệ thống.
- 3. Cập nhật nội dung Mục 12.Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại**
- Các khoản nợ đến hạn được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

Bảng 36. Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2019	2020	2021	2022	Quý I/2023
Dư nợ đầu kỳ	500	500	1.743	3.185	2.342
Phát hành thêm trong kỳ	-	1.743	1.442	500	0
Trả gốc trong kỳ	-	500	0	0	0
Trả lãi trong kỳ	37,50	37,50	109,96	221,49	32,92
Dư nợ cuối kỳ	500	1.743	3.185	2.342	2.342

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

- 4. Cập nhật nội dung Mục 13.Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành**

- + **Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi**
Tính đến 31/03/2023, dư nợ trái phiếu của VietBank là 2.342 tỷ đồng, trong đó trái phiếu riêng lẻ là 2.242 tỷ đồng:

a. Cập nhật nội dung Trái phiếu phát hành ra công chúng:

Bảng 37. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành ra công chúng

Đơn vị: tỷ đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Trái phiếu thường	Từ 1 năm đến 5 năm	-	-	-	-
	Từ 5 năm trở lên	-	-	100	100
Trái phiếu chuyển đổi	Từ 1 năm đến 5 năm	-	-	-	-
	Từ 5 năm trở lên	-	-	-	-

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

b. Cập nhật nội dung Trái phiếu phát hành riêng lẻ:

Bảng 38. Thông tin về các trái phiếu đã phát hành riêng lẻ

Đơn vị: tỷ đồng

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023

Trái phiếu thường	Từ 1 năm đến 5 năm	1.000	1.000	0	0
	Từ 5 năm trở lên	743	2.185	2.242	2.242
Trái phiếu chuyển đổi	Từ 1 năm đến 5 năm	-	-	-	-
	Từ 5 năm trở lên	-	-	-	-

Nguồn: Tờ Chiec Phát Hành

+ Các cam kết đưa ra

Bảng 39. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Bảo lãnh vay vốn	2.575	20.869	50	50
Cam kết giao dịch hồi đoái	6.404.854	32.610.009	6.902.521	31.942.408
- Cam kết mua ngoại tệ	230.900	1.117.200	116.250	1.025.808
- Cam kết bán ngoại tệ	230.900	778.275	116.250	519.852
- Cam kết giao dịch hoán đổi	5.943.054	30.714.534	6.670.021	30.396.748
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	150.240	39.922	24.793	32.126
Bảo lãnh khác	1.009.503	1.302.138	1.068.336	951.808
Cam kết khác	12.614.518	12.323.054	12.321.048	8.734.859
Tổng cộng	20.181.690	46.295.992	20.316.478	73.603.659

Nguồn: Tờ Chiec Phát Hành

Bảng 40. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Bảo lãnh vay vốn	2.575	20.869	50	50
Cam kết giao dịch hồi đoái	6.404.854	32.610.009	6.902.521	31.942.408
- Cam kết mua ngoại tệ	230.900	1.117.200	116.250	1.025.808
- Cam kết bán ngoại tệ	230.900	778.275	116.250	519.852
- Cam kết giao dịch hoán đổi	5.943.054	30.714.534	6.670.021	30.396.748
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	150.240	39.922	24.793	32.126
Bảo lãnh khác	1.009.503	1.302.138	1.068.336	951.808

Cam kết khác	12.614.518	12.323.054	12.321.048	8.734.859
Tổng cộng	20.181.690	46.295.992	20.316.478	73.603.659

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

+ Các cam kết khác

➤ Cập nhật nội dung Cam kết vốn

Bảng 41. Thông tin về cam kết vốn (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết vốn	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Các cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị	280.929	495.453	511.916	44.178

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 42. Thông tin về cam kết vốn (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết vốn	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Các cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị	280.929	495.453	512.479	44.178

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

➤ Cập nhật nội dung Cam kết thuê hoạt động

Bảng 43. Thông tin về cam kết thuê hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết thuê hoạt động	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Đến hạn trong 1 năm	84.076	104.215	135.415	123.890
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	163.465	212.914	224.493	213.991
Đến hạn sau 5 năm	36.061	28.151	27.488	23.161
Tổng cộng	283.602	345.280	387.396	361.042

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 44. Thông tin về cam kết thuê hoạt động của VietBank (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết thuê hoạt động	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Đến hạn trong 1 năm	84.076	104.215	135.415	123.890
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	163.465	212.914	224.493	213.991
Đến hạn sau 5 năm	36.061	28.151	27.488	23.161
Tổng cộng	283.602	345.280	387.396	361.042

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

➤ Cập nhật nội dung Cam kết cho thuê hoạt động

Bảng 45. Thông tin về cam kết cho thuê hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết cho thuê hoạt động	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Đến hạn trong 1 năm	9.889	5.168	2.435	89
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	7.798	5.938	7.105	1.100
Tổng cộng	17.687	11.106	9.540	1.189

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 46. Thông tin về cam kết cho thuê hoạt động (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Cam kết cho thuê hoạt động	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Đến hạn trong 1 năm	9.999	5.168	2.435	89
Đến hạn từ 1 đến 5 năm	7.798	5.938	7.105	1.100
Tổng cộng	17.797	11.106	9.540	1.189

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

5. Cập nhật nội dung Mục V.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH:

5.1 Cập nhật nội dung 1.Kết quả hoạt động kinh doanh

5.1.1 Cập nhật nội dung 1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

a. Cập nhật nội dung a.Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Bảng 47. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	%tăng/giảm	Quý I/2023
Tổng giá trị tài sản	91.505.109	103.377.281	111.306.635	7,67%	106.932.166
Thu nhập lãi thuần	569.759	1.486.208	1.810.880	21,85%	479.360
Tổng thu nhập hoạt động	1.680.593	2.257.681	2.324.570	2,96%	544.913
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	428.005	1.115.368	957.033	-14,20%	218.129
Lợi nhuận trước thuế	380.058	635.782	656.112	3,20%	197.340
Lợi nhuận sau thuế	299.545	506.595	522.627	3,16%	157.632
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	0,00%	0,00%	0,00%	/	0,00%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 48. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/giảm	Quý I/2023
Tổng giá trị tài sản	91.525.490	103.377.671	111.306.750	7,67%	106.933.789
Thu nhập lãi thuần	569.718	1.486.190	1.810.864	21,85%	479.341
Tổng thu nhập hoạt động	1.676.099	2.252.577	2.321.078	3,04%	544.894
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	427.975	1.114.651	957.779	-14,07%	218.245
Lợi nhuận trước thuế	380.028	635.065	656.858	3,43%	197.456
Lợi nhuận sau thuế	299.515	505.878	523.373	3,46%	157.748
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	0,00%	0,00%	0,00%	/	0,00%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Năm 2022, tổng thu nhập hoạt động của Vietbank đạt 2.321 tỷ đồng, trong đó thu nhập từ lãi thuần ghi nhận đạt 1.811 tỷ đồng, lợi nhuận hoạt động trước thuế đạt 656 tỷ đồng, tương đương đạt 82% kế hoạch năm 2022 và lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng đạt 523 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31/03/2023, Tổng thu nhập hoạt động của Vietbank đạt 544,9 tỷ đồng, trong đó thu nhập từ lãi thuần ghi nhận đạt 479,3 tỷ đồng, lợi nhuận hoạt động trước thuế đạt 197,5 tỷ đồng.

b. Cập nhật nội dung b.Các chỉ tiêu khác

Bảng 49. Cơ cấu thu nhập hoạt động (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Quý I/2023	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	%	Giá trị	%
Thu nhập lãi thuần	1.486.208	1.486.208	1.810.880	77,90%	479.360	87,97%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	94.808	94.808	121.714	5,24%	21.636	3,97%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	11.767	11.767	55.610	2,39%	12.927	2,37%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	475.575	475.575	61.667	2,65%	6.030	1,11%
Lãi thuần từ hoạt động khác	189.323	189.323	274.699	11,82%	24.960	4,58%
Tổng thu nhập hoạt động	2.257.681	2.257.681	2.324.570	100,00%	544.913	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 50. Cơ cấu thu nhập hoạt động (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Quý I/2023	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Thu nhập lãi thuần	1.486.190	65,98%	1.810.864	78,02%	479.341	87,97%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	89.722	3,98%	118.237	5,09%	21.636	3,97%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	11.767	0,52%	55.610	2,40%	12.927	2,37%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	475.575	21,11%	61.667	2,66%	6.030	1,11%
Lãi thuần từ hoạt động khác	189.323	8,40%	274.700	11,84%	24.960	4,58%
Tổng thu nhập hoạt động	2.252.577	100%	2.321.078	100,00%	544.894	100%

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Kết thúc năm 2022, Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của VietBank đạt gần 2.324 tỷ đồng tăng 67 tỷ tương đương tăng 2,96% so với năm 2021. Thu nhập lãi thuần năm 2022 đạt 1.811 tỷ đồng, tăng 325 tỷ tương đương tăng 21,85% so năm 2021; Lãi thuần từ dịch vụ đạt gần 122 tỷ đồng, tăng 27 tỷ tương đương tăng 28,38% so năm 2021; Lãi thuần từ hoạt động khác đạt 275 tỷ đồng, tăng 85 tỷ tương đương tăng 45,10% so năm 2021. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt 55,610 triệu đồng. Trong khi đó, Lãi thuần từ Mua bán chứng khoán đầu tư đạt 61.67 tỷ đồng, giảm so với năm 2021 lần lượt là 414 tỷ.

Đến hết Quý I/2023, tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của Ngân hàng ghi nhận đạt 544,9 tỷ đồng.

5.2 Cập nhật nội dung 2.Tình hình tài chính

5.2.1 Cập nhật nội dung 2.1.Các chỉ tiêu cơ bản

a. Cập nhật nội dung Tình hình công nợ

Bảng 51. Tình hình công nợ (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Tổng Nợ phải thu	47.746.369	53.771.599	67.235.771	63.113.412
Cho vay các TCTD khác	-	200.000	200.000	-
Cho vay khách hàng (gồm DP)	44.345.769	49.612.464	63.007.037	60.846.326
Các khoản phải thu	1.566.062	2.396.258	2.233.021	368.045
Các khoản lãi, phí phải thu	1.799.931	1.446.957	1.651.273	1.761.101
Tài sản Cố khác	142.475	134.956	162.916	156.416
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(107.868)	(19.036)	(18.476)	(18.476)
Tổng Nợ phải trả	86.227.359	97.633.115	105.039.842	100.511.241
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	13.730	11.663	1.266.389	9.987

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Tiền gửi và vay các TCTD khác	14.643.134	21.353.634	20.384.708	18.007.978
Tiền gửi của khách hàng	64.537.150	66.755.406	75.988.224	74.006.490
Phát hành giấy tờ có giá	4.993.000	7.635.170	5.122.170	5.822.170
Các khoản nợ khác	2.040.345	1.877.242	2.278.351	2.664.616

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

- Theo BCTC Hợp nhất, **Tổng nợ phải thu** tại ngày 31/12/2022 là 67.236 tỷ đồng, tăng 25,04% so với năm 2021, trong đó:

- + Chiếm tỷ trọng cao nhất là Cho vay khách hàng (bao gồm Dự phòng) tại ngày 31/12/2022 là 93,71% và duy trì ở mức 63.007 tỷ đồng, tăng 27% so với 2021.
- + Các khoản phải thu chiếm 3,32% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 2.233 tỷ đồng, giảm 6,81% so với năm 2021.
- + Các khoản lãi, phí phải thu khác chiếm 2,46% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 1.651 tỷ đồng, tăng 14,12% so với năm 2021.
- + Cho vay các TCTD khác chiếm 0,3% và đạt 200 tỷ đồng.
- + Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác là 18.5 tỷ đồng, giảm gần 3% so với năm 2021.

Tại ngày 31/03/2023, **Tổng nợ phải thu** là 63.113 tỷ đồng.

- + Chiếm tỷ trọng cao nhất là Cho vay khách hàng (bao gồm Dự phòng) tại ngày 31/03/2023 là 96,40% và duy trì ở mức 60.846 tỷ đồng,
 - + Các khoản phải thu chiếm 0,58% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 368.275 tỷ đồng.
 - + Các khoản lãi, phí phải thu khác chiếm 2,79% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 1.761 tỷ đồng.
 - + Cho vay các TCTD khác chiếm 0%.
 - + Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác là 18.476 tỷ đồng
- **Tổng nợ phải trả** tại ngày 31/12/2022 là 105.040 tỷ đồng, tăng 7,59% so với năm 2021, trong đó:
- + Tiền gửi của khách hàng đạt 75.988 tỷ đồng chiếm 72%, tăng 14% so với năm 2021.
 - + Tiền gửi và vay các TCTD khác ở mức 20.385 tỷ đồng chiếm 19% trong Tổng nợ phải trả, giảm 4,54% so với năm 2021.
 - + Phát hành giấy tờ có giá đạt 5.122 tỷ đồng chiếm 5% trong Tổng nợ phải trả, giảm 33% so với năm 2021.
 - + Các khoản nợ khác ở mức 2.278 tỷ đồng chiếm 2,17% trong Tổng nợ phải trả, tăng 21,37% so với năm 2021.

Tại ngày 31/03/2023, **Tổng nợ phải trả** là 100.511 tỷ đồng

- + Tiền gửi của khách hàng đạt 74.006 tỷ đồng chiếm 73,63%
 - + Tiền gửi và vay các TCTD khác ở mức 18.007 tỷ đồng chiếm 17,91% trong Tổng nợ phải trả,
 - + Phát hành giấy tờ có giá đạt 5.822 tỷ đồng chiếm 5,79% trong Tổng nợ phải trả.
 - + Các khoản nợ khác ở mức 2.664 tỷ đồng chiếm 2,65% trong Tổng nợ phải trả.
- VietBank luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn lãi và gốc của các khoản nợ đến hạn. Tình đến thời

điểm hiện tại, VietBank không có khoản nợ quá hạn.

Bảng 52. Tình hình công nợ (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Tổng Nợ phải thu	47.766.360	53.771.599	67.235.770	63.115.035
Cho vay các TCTD khác	-	200.000	200.000	-
Cho vay khách hàng	44.345.769	49.612.464	63.007.037	60.846.326
Các khoản phải thu	1.586.053	2.396.258	2.233.020	371.044
Các khoản lãi, phí phải thu	1.799.931	1.446.957	1.651.273	1.761.100
Tài sản Có khác	142.475	134.956	162.916	155.041
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(107.868)	(19.036)	(18.476)	(18.476)
Tổng Nợ phải trả	86.247.770	97.634.252	105.039.958	100.512.865
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	13.730	11.663	1.266.389	9.987
Tiền gửi và vay các TCTD khác	14.643.134	21.353.634	20.384.708	18.007.978
Tiền gửi của khách hàng	64.558.047	66.757.140	75.988.810	74.008.508
Phát hành giấy tờ có giá	4.993.000	7.635.170	5.122.170	5.822.170
Các khoản nợ khác	2.039.859	1.876.645	2.277.881	2.664.222

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

- Theo BCTC Riêng lẻ, Tổng nợ phải thu tại ngày 31/12/2022 là 67.236 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2021, trong đó:

- + Chiếm tỷ trọng cao nhất là Cho vay khách hàng (bao gồm Dự phòng) tại ngày 31/12/2022 là 93,71% và duy trì ở mức 63.007 tỷ đồng, tăng 27% so với 2021.
- + Các khoản phải thu chiếm 3,32% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 2.223 tỷ đồng, giảm 6,81% so với năm 2021.
- + Các khoản lãi, phí phải thu khác chiếm 2,46% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 1.651 tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2021.
- + Cho vay các TCTD khác chiếm 0,30% và đạt 200 tỷ đồng.

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác là 18,5 tỷ đồng, giảm 3% so với năm 2021.

Tại ngày 31/03/2023, Tổng nợ phải thu là 63.115 tỷ đồng.

- + Chiếm tỷ trọng cao nhất là Cho vay khách hàng (bao gồm Dự phòng) tại ngày 31/03/2023 là 96,40% và duy trì ở mức 60.846 tỷ đồng.
- + Các khoản phải thu chiếm 0,59% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 371.044 tỷ đồng.
- + Các khoản lãi, phí phải thu khác chiếm 2,79% trong Tổng nợ phải thu và ở mức 1.761 tỷ đồng.
- + Cho vay các TCTD khác chiếm 0%
- + Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác là 18,5 tỷ đồng.

- Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2022 là 105.040 tỷ đồng, tăng 7,59% so với năm 2021, trong đó:
 - + Tiền gửi của khách hàng đạt 75.988 tỷ đồng chiếm 72%, tăng 14% so với năm 2021.
 - + Tiền gửi và vay các TCTD khác ở mức 20.385 tỷ đồng chiếm 19% trong Tổng nợ phải trả, giảm 4,54% so với năm 2021.
 - + Phát hành giấy tờ có giá đạt 5.122 tỷ đồng chiếm 5% trong Tổng nợ phải trả, giảm 33% so với năm 2021.
 - + Các khoản nợ khác ở mức 2.278 tỷ đồng chiếm 2,17% trong Tổng nợ phải trả, tăng 21,38% so với năm 2021.

Tại ngày 31/03/2023, Tổng nợ phải trả là 100.512 tỷ đồng.

- + Tiền gửi của khách hàng đạt 74.008 tỷ đồng chiếm 73,63%.
- + Tiền gửi và vay các TCTD khác ở mức 18.007 tỷ đồng chiếm 17,91% trong Tổng nợ phải trả.
- + Phát hành giấy tờ có giá đạt 5.822 tỷ đồng chiếm 5,8% trong Tổng nợ phải trả.
- + Các khoản nợ khác ở mức 2.664 tỷ đồng chiếm 2,65% trong Tổng nợ phải trả.
- VietBank luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn lãi và gốc của các khoản nợ đến hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, VietBank không có khoản nợ quá hạn.

b. Cập nhật nội dung Trái phiếu chưa đáo hạn

Bảng 53. Danh sách Trái phiếu chưa đáo hạn tại 31/03/2023

Mã Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Thời điểm phát hành	Kỳ hạn	Thời hạn chuyển đổi	Điều khoản quan trọng khác
VBB122033	100.000	05 năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,50%/năm 02 năm sau: Lãi suất tham chiếu + 3,50%/năm	16/09/2022	7 năm	Không có	VietBank có quyền mua lại sau 02 năm kể từ ngày phát hành

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

c. Cập nhật nội dung Các khoản phải nộp theo luật định

Tổ Chức Phát Hành luôn hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Bảng 54. Các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Quý I/2023
Thuế giá trị gia tăng	2.113	2.487	1.428	1.305
Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.085	46.214	21.108	39.657
Thuế thu nhập cá nhân	2.350	1.917	3.146	2.186
Các loại thuế khác	2.661	-	-	-

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Quý I/2023
Thuế nhà thầu	2.661	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Tổng cộng	84.209	50.618	25.682	43.148

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 55. Các khoản phải nộp theo luật định (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Quý I/2023
Thuế giá trị gia tăng	1.844	2.282	1.411	1.305
Thuế thu nhập doanh nghiệp	77.085	46.214	21.108	39.340
Thuế thu nhập cá nhân	2.356	1.822	3.049	2.089
Các loại thuế khác	2.661	-	-	-
Thuế nhà thầu	2.661	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Tổng cộng	83.946	50.318	25.568	42.734

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

d. Cập nhật nội dung Trích lập các quỹ

Tổ Chức Phát Hành luôn thực hiện trích lập các quỹ theo đúng các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của Ngân hàng.

Bảng 56. Số dư các quỹ (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Quý I/2023
Quỹ dự phòng tài chính	161.723	212.311	264.648	264.648
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	82.659	107.953	134.122	134.122
Tổng cộng	244.382	320.264	398.770	398.770

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 57. Số dư các quỹ (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Quý I/2023
Quỹ dự phòng tài chính	161.723	212.311	264.648	264.648
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	82.659	107.953	134.122	134.122
Tổng cộng	244.382	320.264	320.264	398.770

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

5.2.2 Cập nhật nội dung 2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

a. Cập nhật nội dung a.Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 58. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Quý I/2023
1. Chỉ tiêu về vốn					
- Vốn điều lệ	triệu đồng	4.190.199	4.776.827	4.776.827	4.776.827
- Vốn tự có	triệu đồng	6.158.725	8.146.985	8.859.874	8.996.928
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	9,35	10,25	10,16	10,93
2. Chất lượng tài sản					
- Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,5 Theo TT02	3,65 Theo TT11	4,39 Theo TT11	6,01% Theo TT11
- Tỷ lệ nợ xấu	%	1,29 Theo TT02	2,25 Theo TT11	2,47 Theo TT11	2,91% Theo TT11
- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	48,96	49,07	57,03	57,53
- Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	95,26	95,76	95,07	97,13
3. Khả năng thanh khoản					
- Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,81	17,26	11,89	13,55
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	26,31	33,25	33,10	30,14
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	54,98	55,19	63,60	63,20
4. Kết quả hoạt động kinh doanh					

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Quý I/2023
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,38	11,54	10,81	3,11
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,47	0,65	0,60	0,18
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	0,76	1,60	1,75	0,46
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,37	0,52	0,48	0,15
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,82	9,19	8,61	2,50
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	715	1.061	1.094	332
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	5,08	6,55	3,78	7,38
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	16,45	14,91	18,33	10,96

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

Bảng 59. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Quý I/2023
1. Chỉ tiêu về vốn					
- Vốn điều lệ	triệu đồng	4.190.199	4.776.827	4.776.827	4.776.827
- Vốn tự có	triệu đồng	6.158.695	8.146.239	8.859.873	8.998.606
- Tỷ lệ an toàn vốn	%	9,35	10,05	10,16	10,93
2. Chất lượng tài sản					
- Tỷ lệ nợ quá hạn	%	2,5 Theo TT02	3,65 Theo TT11	4,39 Theo TT11	6,01% Theo TT11
- Tỷ lệ nợ xấu	%	1,29 Theo TT02	2,25 Theo TT11	2,47 Theo TT11	2,91% Theo TT11

- (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	48,95	49,07	57,35	57,53
- Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	95,24	95,76	95,61	97,13
3. Khả năng thanh khoản					
- Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	17,81	17,26	11,89	13,55
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	26,31	33,25	33,10	30,14
- Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	54,98	55,19	63,60	63,20
4. Kết quả hoạt động kinh doanh					
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,38	11,52	10,83	3,11
- Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,47	0,65	0,60	0,18
- Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	0,76	1,60	1,75	0,46
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,37	0,52	0,48	0,15
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,82	9,18	8,63	2,50
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng	715	1.059	1.096	332
- Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	5,11	6,57	3,79	7,38
- Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	15,28	14,13	17,16	10,96

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

5.3 Bổ sung nội dung Mục 3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành

Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng năm 2022 của VietBank được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn KPMG Việt Nam. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán như sau:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính"

Báo cáo tài chính riêng năm 2022

"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền trước hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính"

5.4 Cập nhật nội dung 5.Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

5.4.1 Cập nhật nội dung Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận:

Bảng 60. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện Năm 2022		Kế hoạch Năm 2023	
		Giá trị, %	% tăng giảm so với thực hiện năm 2021	Giá trị, %	% tăng giảm so với thực hiện năm 2022
Doanh thu thuần (hoặc Doanh số cho vay đối với tổ chức tín dụng)	Tỷ đồng	1.802	21,26%	2.445	35,67%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	517	2,04%	768	48,57%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	6.258	8,94%	6.996	11,79%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	28,7%	-15,85%	31,4%	9,51%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,3%	-6,34%	11,0%	32,89%
Cổ tức					

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

5.4.2 Sửa đổi nội dung c.Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận/cổ tức nêu trên:

- Quy mô Tổng tài sản đến năm 2026 đạt mức 200.000 tỷ đồng; Huy động vốn từ 14-20% và

tăng trưởng tín dụng từ 12-17% trong giai đoạn 2023-2026;

- Tái cấu trúc mạnh mẽ cơ cấu tài sản có và tài sản nợ nhằm gia tăng tỷ trọng tài sản có sinh lời và cải thiện mức cân đối về kỳ hạn giữa tài sản nợ - tài sản có thông qua việc đa dạng nguồn vốn huy động. Theo đó, không tập trung quá vào nguồn vốn truyền thống, mà nỗ lực tìm kiếm các nguồn vốn có kỳ hạn dài và giá hợp lý thông qua các hình thức phát hành kỳ phiếu, trái phiếu;
- Hoàn thiện cơ chế giá vốn nội bộ công bằng và minh bạch. Triển khai phân bổ chi phí theo dòng sản phẩm, mảng hoạt động, loại SPDV theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ nhằm giúp các quyết định kinh doanh chính xác hơn để phân bổ đủ các nguồn lực cho SPDV/mảng kinh doanh nào có hiệu quả cao và giảm thiểu việc phân bổ quá nhiều nguồn lực cho các SPDV/mảng kinh doanh kém hiệu quả giảm thiểu hiệu quả tài chính của toàn Ngân hàng;
- Tập trung mở rộng thị phần, tăng trưởng quy mô tổng tài sản về số lượng cũng như chất lượng, kiểm soát nợ quá hạn (nợ nhóm 2-5) dưới mức 3,5% tổng dư nợ theo quy định;
- Tập trung công tác tăng trưởng huy động, đặc biệt là nguồn vốn từ tổ chức kinh tế và dân cư, vốn huy động không kỳ hạn, phát hành giấy tờ có giá;
- Hoạt động an toàn, hiệu quả, đáo hạn thanh khoản và đáp ứng đầy đủ các chỉ số theo quy định của NHNN. Khẩn trương thực hiện mô hình ICAAP (đánh giá mức độ đủ vốn) và xếp hạng ngân hàng theo quy định của NHNN;
- Chuyển dịch từ hoạt động ngân hàng truyền thống sang ngân hàng số, với định hướng tập trung phát triển bán lẻ và tăng tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ. Áp dụng triệt để các tiện ích ngân hàng số nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong hoạt động của Ngân hàng;
- Từng bước chuyển dịch mô hình kinh doanh theo định hướng bán lẻ, giảm sử dụng vốn vào các ngành nghề nhiều rủi ro; đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng các nhu cầu khác nhau của khách hàng;
- Cải thiện tỷ lệ Chi phí điều hành/Tổng thu nhập thuần, tỷ trọng Chi phí lương/Tổng chi phí điều hành, từng bước nâng cao hiệu quả và hiệu suất lao động;
- Nâng cao tỷ trọng giao dịch bằng ngoại tệ (tăng huy động bằng đồng USD);
- Từng bước chuyển dịch việc phát triển khách hàng từ số lượng sang chất lượng;
- Công tác xây dựng và đánh giá kế hoạch phải gắn liền với chỉ tiêu năng suất và chất lượng hoạt động của các TTKD;
- Xây dựng và phát triển Vietbank theo định hướng Ngân hàng số, hoạt động dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, có khả năng cạnh tranh tốt hơn, mang đến tiện ích vượt trội cho khách hàng;
- Hoạt động minh bạch, an toàn, hiệu quả và tăng trưởng bền vững;
- Có năng lực quản trị, điều hành tiên tiến phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực của Việt Nam cũng như của quốc tế về hoạt động ngân hàng.

B. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Sửa đổi nội dung tại Mục I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản cáo bạch

1.1. Tổ chức phát hành

Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thương Tín (VietBank)

(Ông) Dương Nhất Nguyên

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

(Ông) Nguyễn Hữu Trung

Chức vụ: Quyền Tổng Giám đốc

(Bà) Võ Nguyễn Thanh Nhiên

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

1.2. Tổ Chức Tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán HD (HDS)

(Ông) Nguyễn Thành Trung

Chức vụ: Người đại diện theo pháp luật

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán HD tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 01.112021/HĐTVCC/VB-HDBS ngày 15 tháng 11 năm 2021 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín cung cấp.

2. Cập nhật Mục II. Các nhân tố rủi ro

2.1. Cập nhật nội dung mục 1. Rủi ro về kinh tế

a. Rủi ro về môi trường kinh doanh

Theo số liệu theo Tổng Cục Thống Kê Việt Nam, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2023 ước tính tăng 3,32% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 3,21% của quý I/2020 trong giai đoạn 2011-2023. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,52%, đóng góp 8,85% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 0,4%, làm giảm 4,76%; khu vực dịch vụ tăng 6,79%, đóng góp 95,91%.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp quý I/2023 tăng 2,43% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,22 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,66% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 0,06 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp quý I/2023 giảm 0,82% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất của cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2011-2023, làm giảm 0,28 điểm phần trăm trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,37%, làm giảm 0,1 điểm phần trăm. Ngành khai khoáng giảm 5,6% (sản lượng khai thác than giảm 0,5% và dầu mỏ khai thác giảm 6%), làm giảm 0,2 điểm phần trăm. Riêng ngành xâ

dụng tăng 1,95%, chỉ cao hơn tốc độ tăng 0,28% và 1,41% của cùng kỳ năm 2011 và 2012 trong giai đoạn 2011-2023, đóng góp 0,12 điểm phần trăm.

Khu vực dịch vụ trong quý I/2023 thể hiện rõ sự phục hồi nhờ hiệu quả của các chính sách kích cầu tiêu dùng nội địa, chính sách mở cửa nền kinh tế trở lại từ ngày 15/3/2022 khi dịch Covid-19 được kiểm soát, các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tới các nước trên thế giới được đẩy mạnh. Đóng góp của một số ngành dịch vụ vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của quý I năm nay như sau: Dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 25,98% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,64 điểm phần trăm; ngành bán buôn và bán lẻ tăng 8,09%, đóng góp 0,85 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,65%, đóng góp 0,45 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 6,85%, đóng góp 0,43 điểm phần trăm; ngành thông tin và truyền thông tăng 1,5%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

Về cơ cấu nền kinh tế quý I/2023, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,66%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 35,47%; khu vực dịch vụ chiếm 43,65%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,22% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2022 là 11,57%; 37,08%; 42,06%; 9,29%).

Về sử dụng GDP quý I/2023, tiêu dùng cuối cùng tăng 3,01% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 46,11% vào tốc độ tăng chung; tích lũy tài sản tăng 0,02%, đóng góp 0,14%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ giảm 8,33%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ giảm 10,52%, chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 53,75%.

Cập nhật Mục IV. Tình hình và đặc điểm của Tổ Chức Phát Hành

2.2. Cập nhật, bổ sung nội dung Ngành nghề kinh doanh chính trong mục 1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động trung gian tiền tệ khác – Mã ngành: 6419. Chi tiết như sau:
 - 1) Nhận tiền gửi của tổ chức, cá nhân và của các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác;
 - 2) Phát hành chứng chi tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước khi được Thủ trưởng Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
 - 3) Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài;
 - 4) Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam; các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - 5) Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - 6) Cung ứng các phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng, dịch vụ thu hộ, chi hộ, dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật, dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng; tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước, tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
 - 7) Hoạt động kinh doanh, mua bán vàng miếng;
 - 8) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - 9) Dịch vụ môi giới tiền tệ;
 - 10) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
 - 11) Cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính

trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- 12) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định;
- 13) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- 14) Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;
- 15) Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- 16) Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
- 17) Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý;
- 18) Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật;
- 19) Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật;
- 20) Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật;
- 21) Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật;
- 22) Mua, bán trái phiếu và giấy tờ có giá trị khác;
- 23) Tham gia giao dịch trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ;
- 24) Các hoạt động kinh doanh trái phiếu, giấy tờ có giá trị khác phù hợp với quy định pháp luật.

2.3. Sửa đổi nội dung 2.1 Quá trình hình thành và phát triển trong mục 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được phép hoạt động từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 theo Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ/NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15/12/2006 (đã được thay thế bởi Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805, sửa đổi lần thứ 27, ngày 09 tháng 05 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp. Thời hạn hoạt động theo giấy phép là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2006..

2.4. Bổ sung nội dung 2.2 Các cột mốc quan trọng.

Bảng 1. Chặng đường phát triển của Vietbank

Thời gian	Sự kiện quan trọng
2022	Năm 2022, Vietbank ghi dấu ấn mới bằng nhiều thành tựu ấn tượng: - Tổng tài sản trên 110.000 tỷ đồng; - Vốn điều lệ gần 4.777 tỷ đồng. - Nguồn nhân lực chuyên nghiệp và nhiệt huyết 2.600 CBNV

	<ul style="list-style-type: none"> - Mạng lưới hoạt động 118 Trung tâm kinh doanh trên toàn quốc. - Hàng trăm sản phẩm dịch vụ phục vụ hàng triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
--	--

2.5. Bổ sung nội dung 2.4 Các giải thưởng

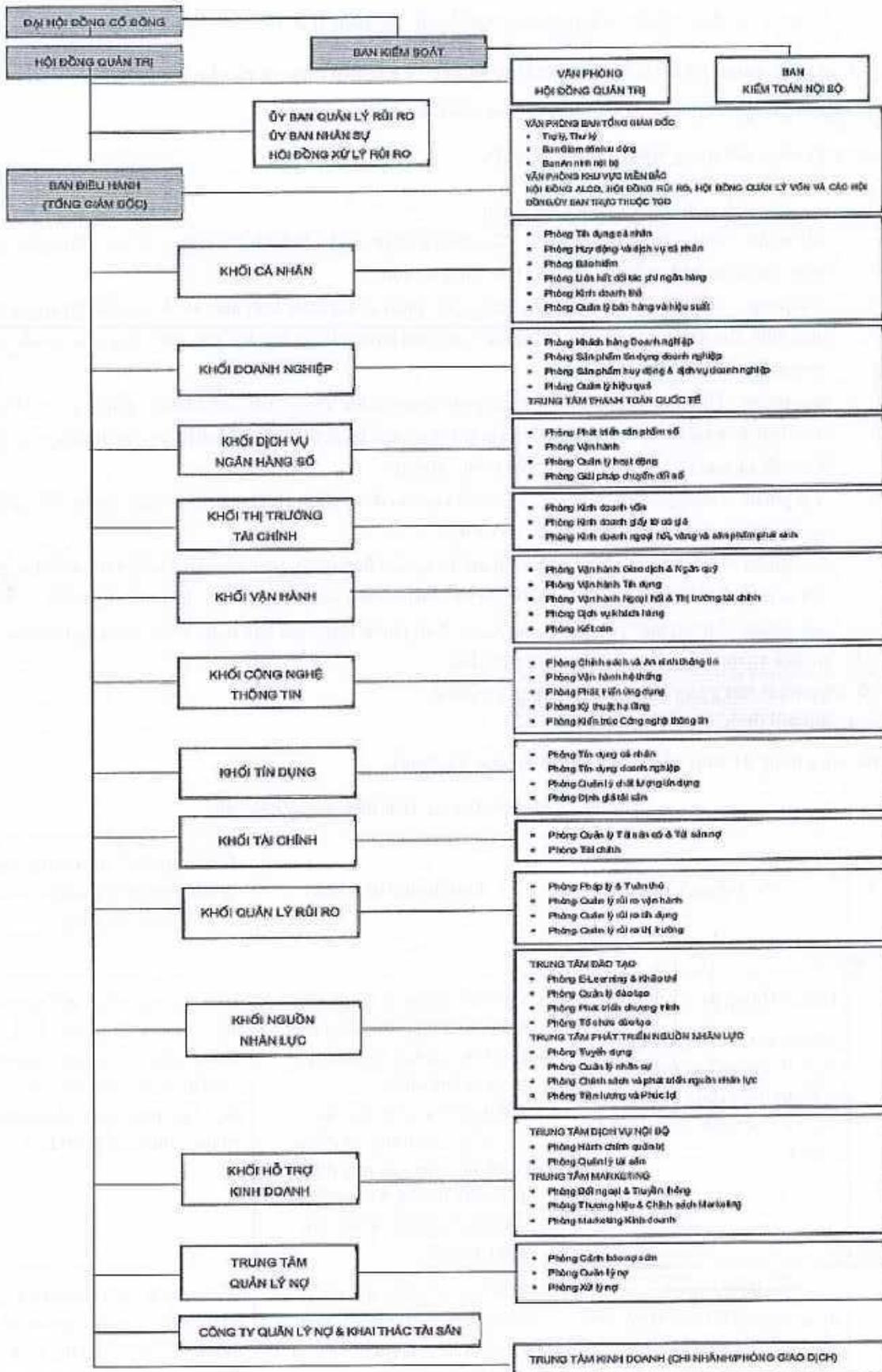
Bảng 2. Các danh hiệu & phần thưởng cao quý VietBank được trao trong thời gian qua

Năm	Giải thưởng	Cơ quan cấp
2021	Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tối đa Việt Nam 2021 (PROFIT500)	Vietnam Report và Báo VietnamNet
	Top 100 Thương hiệu mạnh Việt Nam 2021	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
2022	Top 50 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500)	Vietnam Report và Báo VietnamNet
	Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam 2022	Vietnam Report và Báo VietnamNet
	Top 100 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2022	Viet Research và Báo Đầu tư
	Top 10 Thương hiệu tăng trưởng ấn tượng 2022	Tạp chí Kinh tế Việt Nam - VnEconomy - Vietnam Economic Times

2.6. Cập nhật Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành

2.6.1. Sửa đổi Hình 2. Cơ cấu Quản trị của Tổ Chức Phát Hành

Hình 2. Cơ cấu Quản trị của Tổ Chức Phát Hành



2.6.2. Cập nhật nội dung 4.6 Các khối chức năng tại Hội sở chính

- #### *** Cập nhật nội dung Khối vận hành**

▪ Cập nhật nội dung Khối Tài Chính

a. Chuyển nội dung Phòng Kế toán sang mục Khối Vận hành theo Cơ cấu Quản trị mới

2.7. Cập nhật nội dung 8.4.2 Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

a) Cập nhật nội dung b. Các loại dịch vụ cho khách hàng

❖ Cập nhật nội dung Khách hàng cá nhân

a. Sửa đổi nội dung ii. Tiền gửi

Các sản phẩm tiền gửi của VietBank bao gồm:

- Sản phẩm “Tiết kiệm truyền thống”: Có nhiều kỳ hạn, và kỳ lĩnh lãi (lãi tháng, lãi quý, lãi cuối kỳ, lãi trước) để khách hàng lựa chọn theo nhu cầu phù hợp.
- Sản phẩm “Tiết kiệm Linh hoạt vốn Phát Lộc”: giúp khách hàng linh hoạt sử dụng vốn khi khách hàng phát sinh nhu cầu sử dụng vốn. Phần rút trước hạn hưởng lãi không kỳ hạn, phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi có kỳ hạn.
- Sản phẩm “Tiền gửi online”: Giải pháp giúp những Khách hàng bận rộn không có thời gian đến giao dịch trực tiếp tại Ngân hàng. Ngoài ra khi tham gia tiết kiệm Online, Khách hàng còn được hưởng thêm Lãi suất tại các kỳ hạn cao hơn truyền thống hiện tại.
- Sản phẩm “Tiết kiệm quyền chọn”: Khách hàng chủ động chọn chính xác ngày đến hạn mà khách hàng mong muốn và được hưởng lãi suất có kỳ hạn.
- Sản phẩm “Đa tiện ích” (VND): Sản phẩm trung dài hạn nhiều tiện ích và có nhiều ưu đãi như: giảm phí giao dịch tại quầy, miễn giảm phí gói tài khoản thanh toán, ưu đãi vay, hạn mức thấp chi.
- Sản phẩm “Tiết kiệm Trung Niên An Lộc”: Sản phẩm trung dài hạn dành cho khách hàng từ 40 tuổi trở lên và nhận ưu đãi gói bảo hiểm sức khỏe..

❖ Cập nhật nội dung Khách hàng doanh nghiệp

a. Bổ nội dung mục vii. Bảo hiểm

3. Bổ sung bảng 31 Một Số Dự Án tiêu biểu của Vietbank

Bảng 31 Một Số Dự Án tiêu biểu của Vietbank

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tình hình triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của VietBank
Năm 2022			
1	Dự án Thông tư 13, thông tư 41 (Tính tuân thủ, hợp lý của nguyên tắc và kết quả tính toán tỷ lệ an toàn vốn của giải pháp tính tỷ lệ an toàn vốn của ngân hàng)	Vietbank đã hoàn thành gần 98% các công việc về rà soát, xây dựng và sửa đổi/bổ sung các văn bản nhằm đáp ứng theo yêu cầu của TT13 Về xây dựng và điều chỉnh/bổ sung các quy định, quy trình nội bộ Vietbank và Đánh giá nội bộ về mức độ vốn (ICAAP)	Đảm bảo quy định nội bộ phù hợp với quy định pháp luật, duy trì tỷ lệ an toàn vốn và các chỉ số an toàn luôn đáp ứng theo nhu cầu kinh doanh và quy định của pháp luật
2	Chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking)	Phối hợp với Finastra triển khai dự án triển khai cài đặt corebanking; phân hệ DC và phân hệ Kondor +; Hoàn thành triển khai hệ thống Smart Teller,	VietBank là một trong những ngân hàng tiên phong đầu tư mô hình Core Banking hiện đại này, với nhiều tính năng và tiện ích vượt trội, tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động hiện tại và định hướng phát triển trong tương lai.

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tình hình triển khai	Đánh giá ảnh hưởng tới tình hình hoạt động kinh doanh của VietBank
3	Dự án triển khai định danh khách hàng trực tuyến (eKYC)	Mở tài khoản thanh toán online qua App Vietbank Digital, áp dụng công nghệ kỹ thuật eKYC định danh khách hàng trực tuyến. Khách hàng được đăng ký dịch vụ Mobile Banking và SMS Banking.	Gia tăng tệp khách hàng cũng như đa dạng kênh dịch vụ, mở rộng đối tượng phục vụ khách hàng của Vietbank.
4	Chấm điểm xếp hạng tín dụng khách hàng (Scoring)	<ul style="list-style-type: none"> - Đã thống nhất sơ bộ cách thức lấy dữ liệu vào hệ thống Scoring. - Đã hoàn thiện dữ liệu cho các tiêu chí chấm điểm KHCN, KHDN. <p>Hiện đang xây dựng bản mô tả hệ thống Scoring. Tiến đến thống nhất kết quả cuối cùng của bộ tiêu chí chấm điểm dành cho KHCN và KHDN.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại KH tốt/xấu, phân hạng được KH để phục vụ phê duyệt cấp tín dụng, đặc biệt là hỗ trợ phê duyệt nhanh đổi với tín dụng bán lẻ. <p>Phục vụ phân loại nhóm nợ, tính trích lập dự phòng rủi ro theo yêu cầu của NHNN.</p>

4. Cập nhật nội dung Mục 9 Thông tin về cổ đông lớn

Tại ngày 31/03/2023 VietBank không có cổ đông lớn

5. Cập nhật nội dung mục 10 Thông tin về thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán trưởng

a. Cập nhật nội dung 10.1 Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT Vietbank

❖ Cập nhật và sửa đổi nội dung của Ông Dương Nhất Nguyên – Chủ tịch HĐQT

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:

- + Sở hữu cá nhân: 14.592.000 cổ phần (chiếm 3,05% vốn điều lệ).
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ).
- + Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần sở hữu tại VietBank (tại ngày 31/03/2023)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Dương Ngọc Hòa	Bố	21.742.080	4,55
Trần Thị Lâm	Mẹ	114.000	0,02
Dương Mai Anh	Em gái	10.068.480	2,11
Dương Bảo Anh	Em gái	8.124.096	1,70

- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2023: Dư nợ thẻ là 87.814.523 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCD, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 1.155.755.544 đồng, 1.792.000 cổ phiếu tương ứng trị giá theo mệnh giá là 17.920.000.000

đồng

- Năm 2021: 1.338.383.833 đồng
- Năm 2022: 1.499.999.999 đồng

❖ Cập nhật và sửa đổi nội dung Ông Nguyễn Hữu Trung – Phó Chủ tịch HĐQT

- CMND/CCCD/HC: 001051007816 cấp ngày 10/07/2021 do Cục Cảnh sát QLHC về trật tự XH
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2023: Dư nợ thẻ là 47.467.525 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCD, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 600.000.000 đồng
 - Năm 2021: 1.638.383.837 đồng
 - Năm 2022: 2.361.486.756 đồng

❖ Cập nhật nội dung Bà Lương Thị Hương Giang – Thành viên HĐQT

- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCD, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 840.000 cổ phiếu tương ứng trị giá theo mệnh giá là 8.400.000.000 đồng.
 - Năm 2021: 450.661.620 đồng
 - Năm 2022: 943.947.474 đồng

❖ Cập nhật và sửa đổi nội dung Bà Quách Tố Dung – Thành viên HĐQT

- CMND/CCCD/HC: 079157013547 cấp ngày 16/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự XH
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2023: Dư nợ thẻ là 7.138.230 đồng.
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCD, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 482.051.284 đồng
 - Năm 2021: 866.666.671 đồng
 - Năm 2022: 911.111.115 đồng

❖ Cập nhật nội dung Bà Lê Thị Xuân Lan – Thành viên HĐQT

- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2023: Dư nợ thẻ là 11.775.700 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCD, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 630.500.004 đồng
 - Năm 2021: 726.464.652 đồng
 - Năm 2022: 777.777.783 đồng

b. Cập nhật nội dung 10.2 Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

❖ Cập nhật nội dung Ông Hứa Ngọc Nghĩa – Trưởng Ban Kiểm soát

- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCD, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 397.692.308 đồng
 - Năm 2021: 726.000.000 đồng
 - Năm 2022: 715.555.556 đồng

❖ Cập nhật và sửa đổi nội dung Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung – Thành viên Ban kiểm soát

- CMND/CCCD/HC: 079187012422 cấp ngày 22/11/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội.
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2023: Dư nợ thẻ là 287.074.603 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCD :
 - Năm 2020: 372.660.079 đồng
 - Năm 2021: 400.152.216 đồng
 - Năm 2022: 404.828.884 đồng

❖ Cập nhật và sửa đổi nội dung Ông Mạc Hữu Danh – Thành viên Ban kiểm soát

- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2023: Dư nợ thẻ là 2.878.000 đồng.
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của ĐHĐCD, có tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 852.313.513 đồng
 - Năm 2021: 971.835.336 đồng
 - Năm 2022: 888.555.560 đồng

c. Cập nhật nội dung 10.3 Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Điều hành

Bảng 34. Danh sách thành viên Ban Điều hành VietBank

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Hữu Trung	Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT độc lập kiêm Q.TGD *
2	Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Trọng Phúc	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Ngô Trần Đoan Trinh	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Phạm Danh	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Đỗ Khoa Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
8	Ông Lê Huy Dũng	Phó Tổng Giám đốc
9	Bà Võ Nguyễn Thanh Nhiên	Kế toán trưởng

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

❖ Cập nhật nội dung Ông Nguyễn Hữu Trung – Quyền Tổng Giám đốc

Dã trình bày tại mục 10.1

❖ Cập nhật và sửa đổi nội dung Ông Nguyễn Tiến Sỹ – Phó Tổng Giám đốc

- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2023: Dư nợ thẻ là 20.000.000 đồng

- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Uỷ ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 700 cổ phiếu tương ứng trị giá theo mệnh giá là 7.000.000 đồng
 - Năm 2021: 1.624.122.222 đồng
 - Năm 2022: 2.429.624.772 đồng
- ❖ **Cập nhật và sửa đổi nội dung Ông Nguyễn Trọng Phúc – Phó Tổng Giám đốc**
 - Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2023: Dư nợ thẻ là 0 đồng
 - Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Uỷ ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 1.769.063.237 đồng
 - Năm 2021: 2.022.934.292 đồng
 - Năm 2022: 2.395.810.515 đồng
- ❖ **Cập nhật và sửa đổi nội dung Bà Ngô Trần Đoan Trinh – Phó Tổng Giám đốc**
 - CMND/CCCD/HC: 056170000056 cấp ngày 22/12/2021 tại Cục CS QLHC về TTXH
 - Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2023: Dư nợ thẻ là 260.000 đồng
 - Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Uỷ ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 1.801.395.213 đồng, 2.800 cổ phiếu tương ứng trị giá theo mệnh giá là 28.000.000 đồng
 - Năm 2021: 1.841.192.500 đồng
 - Năm 2022: 1.979.318.710 đồng
- ❖ **Cập nhật và sửa đổi nội dung Ông Phạm Danh – Phó Tổng Giám đốc**
 - Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2023: Dư nợ thẻ là 31.361.899 đồng
 - Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Uỷ ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 1.924.829.812 đồng, 1.400 cổ phiếu tương ứng trị giá theo mệnh giá là 14.000.000 đồng
 - Năm 2021: 2.670.608.538 đồng
 - Năm 2022: 2.327.357.339 đồng
- ❖ **Cập nhật nội dung Ông Đỗ Khoa Hiệp – Phó Tổng Giám đốc**
 - Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2023: 30.745.495 đồng
 - Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - Thủ lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Uỷ ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 0 đồng
 - Năm 2021: 0 đồng
 - Năm 2022: 2.138.353.811 đồng
- ❖ **Cập nhật nội dung Ông Nguyễn Đăng Khoa – Phó Tổng Giám đốc**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 24/12/1972
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- CMND/CCCD/HC: 025083178 cấp ngày 12/05/2014 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 261/12 Ngô Quyền, Phường 06, Quận 10, TP HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP. HCM
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + 10/1996-06/2007: Cán bộ Phòng dự án/ Phó phòng tín dụng/ Trưởng phòng bán lẻ/ PGĐ Chi nhánh TP HCM kiêm Giám đốc PGD Thắng Lợi - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.
 - + 07/2007-12/2013: Giám đốc Khu vực kiêm Giám đốc chi nhánh Thắng Lợi - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.
 - + 01/2014-04/2019: Giám đốc Vùng 12 – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.
 - + 05/2019-08/2021: Giám đốc Thúc đẩy bán và chất lượng dịch vụ/ Giám đốc tư vấn tài chính và dịch vụ khách hàng/ Giám đốc Phát triển năng lực miền Nam - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.
 - + 09/2021-11/2022: Cố vấn – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.
 - + 12/2022 – nay: Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
 - Sở hữu của người có liên quan: không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2023: Dư nợ thè là 62.444.360 đồng.
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Uỷ ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 0 đồng
 - Năm 2021: 0 đồng
 - Năm 2022: 0 đồng

Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Ông Nguyễn Đăng Khoa và người có liên quan với Vietbank: Không có.

❖ Cập nhật nội dung Ông Lê Huy Dũng – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 12/12/1967
- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND/CCCD/HC: 001067008177 cấp ngày: 19/11/2021 tại : Cục trưởng CCS QLHC về TTXH

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 702/A3 TT Làng Quốc tế Thăng Long, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngân hàng
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác; không có
- Quá trình công tác:
- + 10/1989-03/1991: Nhân viên tín dụng và kế hoạch – Ngân hàng Habubank.
- + 04/1991-09/1997: Nhân viên tín dụng – Ngân hàng Vietcombank.
- + 10/1997-12/2001: Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng tín dụng – Ngân hàng ACB chi nhánh Hà Nội.
- + 01/2002-09/2004: Giám đốc – Ngân hàng ACB chi nhánh Hải Phòng.
- + 10/2004-12/2006: Phó Giám đốc chi nhánh Hà Nội kiêm Giám đốc chi nhánh Hưng Yên – Ngân hàng ACB.
- + 01/2007-08/2009: Giám đốc chi nhánh (Sở giao dịch) – Ngân hàng ACB.
- + 09/2009-05/2013: Tổng Giám đốc – Ngân hàng Đại Á.
- + 06/2013- 07/2017: Giám đốc Vùng/ Trưởng văn phòng đại diện tại Hà Nội – Ngân hàng ACB.
- + 05/2015-01/2020: Chủ tịch HĐTV – Công ty TNHH ĐT TMDV Đại Á.
- + 08/2017-03/2020: Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- + 03/2020-03/2021: Q.Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- + 03/2021-10/2021: Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- + 11/2021 – 12/02/2023: Cố vấn HDQT - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- + 13/02/2023 – nay: Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:
 - Sở hữu cá nhân: 99.180 cổ phần (chiếm 0.02% vốn điều lệ).
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ).
- Người có liên quan:
 - Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2023: Dư nợ thẻ là: 6.041.660 đồng.
 - Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - Thủ lao nhận được theo quyết định của Thường trực HDQT/Thường trực Uỷ ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 0 đồng
 - Năm 2021: 0 đồng
 - Năm 2022: 0 đồng
 - Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa ông Lê Huy Dũng và người có liên quan với Vietbank: Không có.

❖ **Cập nhật nội dung Bà Võ Nguyễn Thanh Nhiên – Kế toán trưởng**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 02/11/1981
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND/CCCD/HC: 079181024957 cấp ngày 03/08/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 15-23 Chung cư Phương Việt, đường Tạ Quang Bửu, Phường 6, Quận 8, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính tín dụng - Đại học Ngân hàng TP. HCM
- Chức vụ hiện nay tại VietBank: Kế toán trưởng
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:
 - + 02/2004 – 05/2004: Kiểm tra viên – Công ty Viettel post, bưu cục Quận 5;
 - + 06/2004 – 05/2022:
 - Kế toán viên – Nam Á Bank – Hội sở & PGD Tân Bình
 - Kiểm soát viên – Nam Á Bank – PGD Tân Bình
 - Trưởng nhóm kế toán – Ban Dự án Công nghệ Ngân hàng – Nam Á Bank – Hội sở
 - Phó Phòng kế toán – Nam Á Bank – Hội sở
 - Trưởng phòng Quản lý Giao dịch & kho quỹ – Nam Á Bank – Hội sở
 - Trưởng phòng Quản lý chất lượng – Nam Á Bank – Hội sở
 - Phó Giám đốc Khối Công nghệ thông tin – Nam Á Bank – Hội sở
 - + 02/06/2022 – nay: Kế toán trưởng – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2023:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ)
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Các khoản nợ đối với VietBank tại thời điểm 31/03/2023: Dư nợ thẻ là 0 đồng
- Lợi ích liên quan đối với VietBank:
 - + Thủ lao nhận được theo quyết định của Thường trực HĐQT/Thường trực Uỷ ban nhân sự, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần, cổ tức được nhận theo tỷ lệ cổ phần:
 - Năm 2020: 0 đồng
 - Năm 2021: 0 đồng
 - Năm 2022: 592.019.546 đồng

Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa bà Võ Nguyễn Thanh Nhiên và người có liên quan với Vietbank: Không có.

6. Bổ sung nội dung Bảng 35. Tình hình chi trả cổ tức của VietBank tại Mục 11 Chính sách chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức

Bảng 35. Tình hình chi trả cổ tức của VietBank

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/mệnh giá cổ phần	Ghi chú
2022	Không có	

Nguồn: Tổ Chức Phát Hành

7. **Bổ sung nội dung VI.THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN**

Bổ sung nội dung vào Mục Việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng của VietBank được thông qua tại:

- Nghị quyết số 85/2022/NQ-HĐQT ngày 29/11/2021 của Hội đồng Quản Trị VietBank thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 đợt 2.
- Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐQT ngày 06/03/2023 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi thời gian phát hành tại Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 85/2022/NQ-HĐQT ngày 29/11/2021.

Sửa đổi nội dung Mục “Định nghĩa”

- “Ngày Đáo Hạn” có nghĩa là ngày tròn 07 (bảy) năm kể từ Ngày Phát Hành đối với Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 2). Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Vietbank cân đối kỳ hạn phát hành Trái phiếu theo từng đợt.

7.1. **Sửa đổi nội dung 5.Tổng số lượng trái phiếu chào bán**

Tổng số lượng trái phiếu chào bán cho cả ba (03) đợt đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán và đã công bố thông tin trong Bản cáo bạch ngày 01/06/2022 là 300.000 (Ba trăm nghìn) Trái Phiếu, cụ thể số lượng chào bán từng đợt là:

Đợt 1: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).

Đợt 2: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).

Đợt 3: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).

Trong đó: Đã chào bán thành công trái phiếu đợt 1 là 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng) và 900.000.000.000 VND (Chín trăm tỷ đồng) còn lại chưa phân phối hết được chuyển qua Đợt 2.

Tổng số lượng trái phiếu chào bán Đợt 2 là: 190.000 (Một trăm chín mươi nghìn) Trái phiếu tương đương 1.900.000.000.000 VND (Một nghìn chín trăm tỷ đồng).

Đợt phát hành kéo dài tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định của pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng.

Trường hợp trong mỗi đợt chào bán, các Trái Phiếu chưa được phân phối hết như dự kiến của từng đợt thì số Trái Phiếu chưa được phân phối hết sẽ được chuyển qua đợt chào bán kế tiếp.

7.2. **Cập nhật nội dung 6.Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá**

3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng). Trong đó:

- Đợt 1: 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng) đã phân phối thành công và đã Báo cáo kết quả phát hành.
- Đợt 2 (lần này): 1.900.000.000.000 VND (Một nghìn chín trăm tỷ đồng), trong đó: Bao gồm 900.000.000.000 VND (Chín trăm tỷ đồng) của Đợt 1 chưa phân phối hết.
- Đợt 3: 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng) chưa chào bán.

7.3. **Bổ sung nội dung 7.Kỳ hạn trái phiếu**

Trái phiếu Đợt 2 có kỳ hạn: 07 (Bảy) năm (theo Nghị quyết số 85/2022/NQ-HĐQT ngày 29/11/2021 của Hội đồng Quản Trị VietBank thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 đợt 2 và Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐQT ngày 06/03/2023 của Hội đồng Quản Trị VietBank sửa đổi thời gian phát hành tại Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết

7.4. Bổ sung nội dung 8.2 (a) Lãi suất Trái phiếu

Lãi suất áp dụng cho Trái phiếu Đợt 2 là lãi suất thả nổi được quy định như sau:

- Năm năm đầu: Lãi Suất Tham Chiếu + 2,50%.
- Hai năm cuối: Lãi Suất Tham Chiếu + 3,50%.

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.

7.5. Sửa đổi, bổ sung nội dung 16. Đăng Ký Mua Trái Phiếu

i. Sửa đổi, bổ sung nội dung (b) Số lượng

Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán ra công chúng là 300.000 (Ba trăm nghìn) Trái Phiếu, trong đó:

Đợt 1: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng), trong đó: đã phân phối thành công 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng), 900.000.000.000 VND (Chín trăm tỷ đồng) còn lại được chuyển qua đợt tiếp theo.

Đợt 2: 190.000 (Một trăm chín mươi nghìn) Trái phiếu tương đương 1.900.000.000.000 VND (Một nghìn chín trăm tỷ đồng), trong đó có: 900.000.000.000 VND (Chín trăm tỷ đồng) chưa phân phối hết từ Đợt 1 chuyển sang.

Đợt 3: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng) Trường hợp trong mỗi đợt chào bán, các Trái Phiếu chưa được phân phối hết như dự kiến của từng đợt thì số Trái Phiếu chưa được phân phối hết sẽ được chuyển qua đợt chào bán kế tiếp.

7.6. Sửa đổi nội dung 17. Lịch Trình Dự Kiến Phân Phối Trái Phiếu

Sau khi nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chứng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành phân phối các Trái Phiếu thành 03 đợt, dự kiến thời gian phát hành từng đợt như sau:

Đợt 1: đã phân phối thành công 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng) giá trị Trái Phiếu, còn lại 900.000.000.000 VND (Chín trăm tỷ đồng) chuyển sang Đợt 2.

Đợt 2: Dự kiến trong Quý II năm 2023.

Đợt 3: dự kiến Quý II/2023 & Quý III/2023.

8. Cập nhật nội dung Mục VIII KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn cấp 2 của VietBank, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, chi tiết sử dụng như sau:

STT	Mục đích sử dụng	Đợt 1 (tỷ VND)	Đợt 2 (tỷ VND)	Đợt 3 (tỷ VND)
1	Tăng vốn cấp 2			
	+ Hoạt động cho vay trung – dài hạn dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức	100	1.900	1.000
	+ Hoạt động đầu tư	-	-	-
	+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	-	-	-
2	Tăng quy mô vốn khác			
	+ Hoạt động cho vay	-	-	-

+ Hoạt động đầu tư	-	-	-
+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	-	-	-

Số tiền thực tế giải ngân đối với từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh trong từng Đợt Phát Hành phụ thuộc vào khối lượng Trái phiếu phát hành thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế.

- Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán:

- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi thu được từ các lĩnh vực mà VietBank dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành trái phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ hết chi phí sẽ được sử dụng để thanh toán lãi trái phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của VietBank bị lỗ;
- Thanh toán gốc trái phiếu: VietBank sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) huy động vốn từ nền kinh tế, (ii) lợi nhuận kinh doanh của VietBank và/hoặc (iii) các nguồn khác để thanh toán gốc trái phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trái phiếu trước hạn.

[phần còn lại của trang này được chú ý để trống]

V. CHỦ KÝ

Sóc Trăng, ngày 18...tháng 05... năm 2023

Đại diện Tổ Chức Phát hành

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Dương Nhất Nguyên

DN

QUYỀN TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Võ Nguyễn Thanh Nhiên

Đại diện Tổ Chức Tư Vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HD

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Thành Trung

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 2200269805

Dăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 01 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 27, ngày 09 tháng 05 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

Tên công ty viết tắt: VIETBANK

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Điện thoại: (0299) 3621454

Fax: (0299) 3621858

Email: vietbank@vietbank.com.vn

Website: www.vietbank.com.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 4.776.826.690.000 đồng

Bằng chữ: Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cỗ phần: 477 682 669

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: ĐƯƠNG NHẤT NGUYỄN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 21/10/1983 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 051083009999

Ngày cấp: 24/04/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 284/25/17-19 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 39 Tú Xương, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG

Số: 05 /GP-NHNN

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

THÔNG ĐỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung);

Xét Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép hoạt động số 91/2022/CV-HĐQT ngày 07/12/2022 và hồ sơ kèm theo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín như sau:

1. Tên Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Việt Nam Thương Tín.

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Viet Nam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: Vietbank.

2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 Tòa nhà số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Vốn điều lệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín là 4.776.826.690.000 đồng (Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín là 50 năm kể từ ngày 15/12/2006.

Điều 4. Nội dung hoạt động

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - d) Bao thanh toán trong nước.
3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
 - a) Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
5. Mở tài khoản:
 - a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
11. Dịch vụ môi giới tiền tệ.

12. Phát hành chứng chi tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

17. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

18. Kinh doanh mua, bán vàng miếng.

19. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

20. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra về việc khôi phục lại hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần nông thôn Phú Tâm; Quyết định số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006 của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra về việc cấp giấy phép hoạt động cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín; Quyết định số 2441/QĐ-NHNN ngày 28/10/2008 của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra về việc chấp thuận đề nghị mở rộng nội dung và địa bàn hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín; Quyết định số 2499/QĐ-NHNN ngày 18/11/2011 của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động đối với việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín; Quyết định số 2699/QĐ-NHNN ngày 22/12/2011 của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín; Quyết định số 2126/QĐ-NHNN ngày 10/10/2017 của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra về việc bổ sung nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín; Quyết định số 2283/QĐ-NHNN ngày 30/10/2017 của Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra về việc sửa đổi, bổ sung

Giấy phép của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín; Quyết định số 2114/QĐ-NHNN ngày 10/10/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín; Quyết định số 1495/QĐ-NHNN ngày 20/9/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.

Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng số 55/GP-NHNN ngày 01/9/2017 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Điều 7. Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín; một (01) bản để đăng ký kinh doanh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, một bản lưu tại hồ sơ cấp đổi Giấy phép Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín)./. *đoàn*

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Ban Lãnh đạo NHNN (để b/c);
- UBND tỉnh Sóc Trăng (để p/h);
- Sở Giao dịch (để p/h);
- Bộ Công an (để p/h);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để p/h);
- Lưu: VP, TTGSNH2. *✓*
- BĐVINH (03b).

KT.THỐNG ĐÓC
PHÓ THỐNG ĐÓC



Đoan Thái Sơn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng (TCTD) được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
- Căn cứ nội dung và kết quả kiểm phiếu của Hội đồng quản trị tại phiên họp ngày 05/10/2021;

Đại hội đồng cổ đông Vietbank nhất trí:

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng (đính kèm Nghị quyết này) và việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
2. Thông qua việc ủy quyền/giao Hội đồng quản trị/ Thường trực HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến từng đợt phát hành cụ thể, bao gồm nhưng không giới hạn số đợt phát hành; lãi suất từng đợt phát hành; lựa chọn công ty chứng khoán thực hiện dịch vụ có liên quan (tư vấn phát hành, đại lý phát hành, lưu ký, thanh toán, chuyển nhượng trái phiếu, niêm yết, ký các cam kết và các thủ tục hồ sơ niêm yết trái phiếu...) và các nội dung khác có liên quan trong phạm vi tổng giá trị phát hành đã được chấp thuận. Đồng thời, chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai chi tiết Phương án nêu trên theo Quy định của Pháp luật và báo cáo kết quả thực hiện cho Đại hội đồng cổ đông ở kỳ họp gần nhất.



DƯƠNG NHẤT NGUYỄN

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- TTSGNH – NHNN;
- NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng;

Lưu Thư ký HĐQT.



PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH RA CÔNG CHỨNG, PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN (VIETBANK) NĂM 2021

(V/v phát hành ra công chứng 3.000 tỷ VND Trái Phiếu Vietbank năm 2021)

Đính kèm theo Nghị quyết số 02/QĐ-NHNN ngày 05/10/2021 v/v Thông qua án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chứng và việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

A. Tổng quan về Tổ Chức Phát Hành:

Tên đầy đủ bằng Tiếng Việt	: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN.	
Tên viết tắt bằng tiếng Anh	: VIET NAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK.	
Tên viết tắt bằng Tiếng Anh	: VIETBANK	
Địa chỉ trụ sở chính	: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.	
Điện thoại	: 0299 3886666	Fax: 0299 3615666
Vốn điều lệ	: 4.776.826.690.000 đồng Việt Nam (Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng Việt Nam).	
Giấy phép thành lập	: Số 2391/QĐ-NHNN, ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	
Giấy phép hoạt động	: Số 2399/QĐ-NHNN, ngày 15/12/2006 do Thống đốc NHNN cấp; Và được sửa đổi, bổ sung bằng các Quyết định số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006; 2441/QĐ-NHNN ngày 28/10/2008; Quyết định số 2499/QĐ-NHNN ngày 18/11/2011; Quyết định số 2699/QĐ-NHNN ngày 22/12/2011; Quyết định số 2126/QĐ-NHNN ngày 10/10/2017; Quyết định số 2283/QĐ-NHNN ngày 30/10/2017; Quyết định số 2114/QĐ-NHNN ngày 10/10/2019; 954/QĐ-NHNN ngày 14/05/2020.	
Giấy CNĐKKD	: Số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 01/07/2021.	

- Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng cụ thể như sau:

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
1.	Hoạt động huy động vốn - Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác. - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được Thống đốc NHNN chấp thuận. - Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng



STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
	nước ngoài. - Vay vốn ngắn hạn của NHNN theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNN.
2.	Hoạt động tín dụng Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.
3.	Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ - Cung ứng các phương tiện thanh toán. - Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng. - Thực hiện các dịch vụ thu hộ, chi hộ. - Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN. - Thực hiện các dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật - Thực hiện dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng. - Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước. Việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế phải được NHNN chấp thuận.
4.	Các hoạt động khác - Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật. - Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của NHNN. - Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được NHNN chấp thuận. - Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý. - Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật. - Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật. - Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật. - Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
5.	Kinh doanh trái phiếu và các giấy tờ có giá khác: <ul style="list-style-type: none"> - Mua, bán trái phiếu và giấy tờ có giá khác. - Tham gia giao dịch trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ. - Các hoạt động kinh doanh trái phiếu, giấy tờ có giá khác phù hợp với quy định pháp luật.
6	- Hoạt động kinh doanh, mua bán vàng miếng.
7	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN. - Dịch vụ môi giới tiền tệ. - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư. - Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
8	- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định.
9	- Đầu tư hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật và NHNN Việt Nam

- Kết quả kinh doanh 03 năm gần nhất của Vietbank:

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2018
Tổng tài sản (tỷ đồng)	91.505	68.928	51.672
Tổng thu nhập hoạt động (tỷ đồng)	1.681	1.744	1.353
Tổng chi phí hoạt động (tỷ đồng)	1.253	1.077	873
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng rủi ro tín dụng (tỷ đồng)	48	54	79
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	5.278	5.018	4.105
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (tần)	16	13	11
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	300	486	322
LNTT/VCSH bình quân (%)	5,82	10,21	8,97
Số lượng CN/PGD (CN, PGD)	1 trụ sở chính, 25 CN, 93 PGD	1 trụ sở chính, 20 CN, 93 PGD	1 trụ sở chính, 15 CN, 80 PGD
Số lượng nhân viên (người)	2.512	2.300	1.921

B. Phương án phát hành Trái Phiếu

1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010; Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội ngày 17/06/2020("Luật Doanh nghiệp");
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội ngày 26/11/2019 ("Luật Chứng khoán");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("NĐ155/2020");
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ("TT96/2020");
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng ("TT118/2020");
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("TT41/2016");
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("TT22/2019"); Thông tư 08/2020/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN;
- Thông tư 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 của NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("TT01/2021");
- Các văn bản pháp luật sửa đổi/thay thế các văn bản trên trong từng thời kỳ;
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác;
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh và nhu cầu huy động và sử dụng vốn của Vietbank trong năm 2021.

2. Đánh giá điều kiện phát hành Trái Phiếu

Vietbank đáp ứng đủ các điều kiện phát hành Trái Phiếu theo quy định tại Luật Chứng khoán và NĐ155/2020 và các văn bản pháp luật sửa đổi/thay thế các văn bản trên trong từng thời kỳ, cụ thể:

- Vietbank là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Tài liệu chứng minh là Giấy phép thành lập Số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép hoạt động;
- Có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán: Vốn điều lệ của Vietbank tại thời điểm đăng ký chào bán là 4.776.826.690.000 đồng. Tài liệu chứng minh là Giấy CNĐKKD số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 01/07/2021.
- Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm. Tài liệu chứng minh là cam kết hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành;

- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua. Tài liệu chứng minh sẽ là Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Vietbank thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ngân hàng Vietbank;
- Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác. Tài liệu chứng minh là Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng. Tài liệu chứng minh là Hợp đồng tư vấn ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và tổ chức tư vấn;
- Tổ Chức Phát Hành (Vietbank) không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Tổ Chức Phát Hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán theo quy định của pháp luật.
- Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán. Tài liệu chứng minh là Văn bản cam kết của Hội đồng quản trị về việc triển khai niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.
- Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Tài liệu chứng minh là Báo cáo Công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn của Tổ Chức Phát Hành tại ngày 31/12/2020.

3. Trái Phiếu phát hành (Sau đây gọi là "Trái Phiếu")

a.	Tổ Chức Phát Hành	: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
b.	Loại hình doanh nghiệp	: Tổ chức tín dụng (Công ty cổ phần)
c.	Trụ sở chính	: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
d.	Giấy ĐKKD	: Số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 01/07/2021.
e.	Tên gọi Trái Phiếu	: Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
f.	Đồng tiền phát hành và thanh toán	: Đồng Việt Nam (VND)
g.	Mệnh giá	: Mệnh giá là mươi triệu (10.000.000 VND) đồng.
h.	Loại Trái Phiếu	: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành, thoả mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật.

i.	Tổng mệnh giá phát hành tối đa dự kiến	: 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng).
j.	Thời gian phát hành	: Dự kiến Trong Quý III, IV năm 2021, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
k.	Đối tượng mua Trái Phiếu	- Đối tượng mua giấy tờ có giá là các tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (<i>theo quy định tại Điều 4 TT01/2021</i>)
l.	Địa điểm phát hành	: Hội sở, các Trung tâm kinh doanh của Vietbank, và/hoặc các đại lý phát hành Trái Phiếu cho Vietbank.
m.	Phương thức phát hành	: Phát hành ra công chúng, thông qua phương thức trực tiếp phát hành và/hoặc các phương thức phát hành khác
n.	Hình thức phát hành	: Trái Phiếu định danh được phát hành ra công chúng theo hình thức bút toán ghi sổ.
o.	Kỳ hạn của Trái Phiếu	: Từ 06 đến 10 năm Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Vietbank cân đối kỳ hạn phát hành Trái phiếu theo từng đợt.
p.	Lãi suất trái phiếu hoặc nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu	: Lãi suất cố định; Lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa Lãi suất cố định và Lãi suất thả nổi. Lãi suất thả nổi được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND ("Lãi suất tham chiếu") được công bố tại Ngày xác định lãi suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TPCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ. Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định phương thức xác định và mức lãi suất Trái phiếu phù hợp tuỳ vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành Trái phiếu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ. Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Vietbank cân đối và quyết định lãi suất phát hành Trái phiếu theo từng đợt.
q.	Số đợt phát hành	: Dự kiến 02 đợt phát hành Đợt phát hành kéo tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng sẽ chuyển sang đợt phát hành sau;

r.	Phương thức trả lãi và gốc	<p>: Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán theo mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc Ngày Đến Hạn khác để thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn.</p> <p>Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, dự kiến định kỳ 01 (một) năm một lần.</p> <p>Ngân hàng được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ</p>
s.	Tổ chức tư vấn phát hành	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
t.	Đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển quyền sở hữu (nếu có)	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
u.	Đại lý phát hành (nếu có)	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
v.	Cam kết công bố thông tin	Vietbank cam kết thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo Quy định của Pháp luật có liên quan về phát hành Trái Phiếu doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác của thông tin công bố.
w.	Cam kết niêm yết Trái phiếu	Tổ chức phát hành cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định của Pháp luật
x.	Quy định liên quan:	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức phát hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị thua lỗ. - Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác. - Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp. Trong trường hợp Tổ chức phát hành thanh lý, phá sản, Người sở hữu Trái phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ chức phát hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp). Các Trái phiếu phát hành cùng một Đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái phiếu nào.

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ Chức Phát Hành không nhận chiết khấu Trái Phiếu hoặc mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành trừ trường hợp mua lại trước hạn theo điều khoản mua lại trước hạn. - Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền sở hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình sở hữu và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, cho, tặng, để thừa kế, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật. - Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng đó chấp thuận. Người Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật và quy định của Tổ Chức Phát Hành. - Tuỳ theo tình hình của thị trường và quyết định của Tổ Chức Phát Hành, Trái phiếu có thể kèm theo quyền mua lại trước hạn của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc quyền bán lại trước hạn của Người Sở Hữu Trái Phiếu. - Trái Phiếu phải được bảo quản cẩn thận, không tẩy xóa, sửa chữa, làm rách, nhau nát. Trái Phiếu bị sửa chữa, tẩy xóa sẽ không có giá trị thanh toán. Khi mất, hỏng Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo ngay bằng văn bản cho Vietbank. Nếu không thông báo kịp thời, mọi rủi ro phát sinh, Vietbank sẽ không đảm bảo điều kiện thanh toán theo quy định. - Khi nhận Trái Phiếu, Nhà Đầu Tư mặc nhiên đã đọc, hiểu đầy đủ, chính xác và cam kết sẽ tuân thủ theo quy định của đợt phát hành Trái Phiếu và quy định về phát hành Trái Phiếu trong nước của Vietbank. - Các quyền và nghĩa vụ khác quy định cụ thể trong Bản công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành và tuân thủ quy định Pháp luật Việt Nam.
y.	<i>Các điều khoản, điều kiện khác của Trái Phiếu</i>	Các điều khoản, điều kiện khác của Trái Phiếu phù hợp với quy định của Pháp luật và được quy định cụ thể trong Bản Công Bố Thông Tin phát hành Trái Phiếu.

Hội đồng quản trị (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông) được quyền quyết định các vấn đề liên quan tới nội dung của Trái phiếu với mục đích mang lại lợi ích cao nhất cho Vietbank.

C. Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu:

1. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu năm 2021 sẽ được Vietbank sử dụng tăng quy mô hoạt động và cho vay, chi tiết như sau:

	Mục đích sử dụng	Kế hoạch (tỷ VND)
1 Tăng vốn cấp 2		
+ Hoạt động cho vay		3.000
+ Hoạt động đầu tư		
+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành		
2 Tăng quy mô vốn khác		
+ Hoạt động cho vay		
+ Hoạt động đầu tư		
+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành		

Số tiền thực tế giải ngân đối với từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh trong từng Đợt Phát Hành phụ thuộc vào khối lượng Trái phiếu phát hành thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế.

2. Phương án thanh toán gốc và lãi trái phiếu

Nguồn thanh toán gốc và lãi trái phiếu được lấy từ các nguồn chính sau:

- **Thanh toán lãi trái phiếu:** lãi thu được từ các lĩnh vực mà Vietbank dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành trái phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ hết đi chi phí sẽ được sử dụng để thanh toán lãi trái phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của Vietbank bị lỗ.
- **Thanh toán gốc trái phiếu:** Vietbank sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) huy động vốn từ nền kinh tế, (ii) lợi nhuận kinh doanh của Vietbank và/hoặc (iii) các nguồn khác để thanh toán gốc trái phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trái phiếu trước hạn.

Sóc Trăng, ngày 24 tháng 11 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tin (Vietbank);
- Căn cứ Quy chế về Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Vietbank;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCD ngày 05/10/2021 của Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 24/11/2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị nhất trí nội dung sau:

- Thông qua nội dung tại Tờ trình số 345/2021/TT-TGD ngày 18/11/2021 của Quyền Tổng giám đốc về việc điều chỉnh nội dung trong phương án phát hành và chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín năm 2021 theo phương thức phát hành ra công chúng đợt 1. Theo đó, Hội đồng quản trị thông qua:
 - Sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng đã được ĐHĐCD thông qua theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCD như sau:

STT	Mục/tên nội dung	Nội dung theo Phương án đã được thông qua tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCD ngày 05/10/2021	Nội dung điều chỉnh
1	j. Thời gian phát hành	Dự kiến Trong Quý III, IV năm 2021, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.	Dự kiến trong Quý IV năm 2021, Quý I & Quý II năm 2022, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
2	q. Số đợt phát hành	Dự kiến 02 đợt phát hành	Dự kiến 03 đợt phát hành. Đợt phát hành kéo dài tối



STT	Mục/tên nội dung	Nội dung theo Phương án đã được thông qua tại Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021	Nội dung điều chỉnh
		Đợt phát hành kéo tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng sẽ chuyển sang đợt phát hành sau.	thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định của pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng sẽ chuyển sang đợt phát hành sau.

Đồng thời thống nhất ban hành Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng (sửa đổi) trên cơ sở Phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ có cập nhật các nội dung điều chỉnh như trên (*Chi tiết đính kèm Nghị quyết này*).

b. Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 1 theo lãi suất thả nổi với các thông tin chi tiết như sau:

1.	Tên trái phiếu	Trái phiếu phát hành ra công chúng của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ("Trái phiếu")
2.	Loại trái phiếu	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản của Vietbank, thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Vietbank theo quy định hiện hành của pháp luật.
3.	Mục đích phát hành	Để tăng quy mô vốn cấp 2 của Vietbank, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn để cho vay đáp ứng nhu cầu của Khách hàng, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
4.	Mệnh giá	Mệnh giá 01 Trái phiếu là 10.000.000 VND (mười triệu đồng).
5.	Tổng mệnh giá chào bán đợt 1	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).
6.	Kỳ hạn	07 năm Vietbank có quyền mua lại từ sau 02 năm kể từ ngày phát hành.
7.	Đối tượng mua Trái phiếu	Đối tượng mua giấy tờ có giá là các tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (<i>theo quy định tại</i>

		điều 4, Thông tư 01/2021/TT-NHNN của NHNN ngày 31/03/2021 ("TT01/2021")
8.	Mã trái phiếu
9.	Lãi suất	<p>Lãi suất áp dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Năm năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,50%/năm • Hai năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3,50%/năm <p>Lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi suất tham chiếu được làm tròn 2 chữ số sau phần thập phân.</p> <p>Lãi suất tham chiếu được xác định theo Bản công bố thông tin chào bán.</p>
10.	Phương thức thanh toán gốc, lãi	<p>Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán theo mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc Ngày Đến Hạn khác theo quy định trong điều kiện và điều khoản của trái phiếu.</p> <p>Tiền lãi Trái phiếu: Thanh toán trả sau, 01 (một) năm 01 (một) lần định kỳ vào ngày tròn năm kể từ Ngày phát hành.</p>
11.	Thời hạn tổ chức đợt phát hành	Tối thiểu 20 ngày, tối đa không quá 90 ngày kể từ ngày công bố thông báo phát hành.
12.	Hình thức chào bán và phân phối	Bán trực tiếp cho nhà đầu tư thông qua các kênh phân phối tại Hội Sở/ TTKD của Vietbank và/ hoặc đại lý phát hành.
13.	Khối lượng đặt mua tối thiểu và tối đa	<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng tối thiểu 1 hợp đồng: 5 trái phiếu, tương đương 50 triệu đồng; - Khối lượng tối đa 1 hợp đồng: Không vượt quá số lượng trái phiếu còn lại của đợt phát hành; - Tổng số nhà đầu tư: Không giới hạn.
14.	Cầm cố	Trái phiếu có thể được cầm cố/hoặc dùng làm TSĐB để đảm bảo cho các nghĩa vụ tín dụng tại Vietbank cũng như tại các Tổ Chức tín dụng khác (Nếu các Tổ chức tín dụng này đồng ý).
15.	Niêm yết	Trái phiếu được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định của Pháp



		luật
16.	Lưu ký, quản lý chuyển nhượng	<ul style="list-style-type: none"> - Trái phiếu trước khi được niêm yết sẽ được lưu ký và thực hiện chuyển nhượng thông qua Đại lý Đăng ký và Lưu ký Trái phiếu; - Trái phiếu sau khi được niêm yết sẽ được lưu ký thực hiện chuyển nhượng thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Các nội dung khác liên quan đến Trái phiếu phát hành: theo Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng (sửa đổi) đã được thông qua.

2. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện các nội dung phê duyệt trên của Hội đồng quản trị theo đúng quy định pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ khi triển khai thực hiện.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24.11.2021.

Điều 3. Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Văn phòng Hội đồng quản trị, các Khối/Trung tâm/Phòng/Ban Hội sở và các đơn vị trong toàn hệ thống Vietbank chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



DƯƠNG NHẤT NGUYÊN

Nơi nhận: Huy

- Cổ đông (đăng Website Vietbank);
- Như Điều 3;

Sao kính gửi:

- Ban Kiểm soát (để biết);

Lưu Thư ký HĐQT.

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH RA CÔNG CHỨNG, PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VÀ TRẢ LẠI VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN (VIETBANK) NĂM 2021 (SỬA ĐỔI)

(V/v phát hành ra công chứng 3.000 tỷ VND Trái Phiếu Vietbank năm 2021)

Đính kèm theo Nghị quyết số. 92/2021/NQ-HĐQT ngày 14/11/2021

A. Tổng quan về Tổ Chức Phát Hành:

Tên đầy đủ bằng Tiếng Việt	: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN.	
Tên viết tắt bằng tiếng Anh	: VIET NAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK .	
Tên viết tắt bằng Tiếng Anh	: VIETBANK	
Địa chỉ trụ sở chính	: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.	
Điện thoại	: 0299 3886666	Fax: 0299 3615666
Vốn điều lệ	: 4.776.826.690.000 đồng Việt Nam (Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng Việt Nam).	
Giấy phép thành lập	: Số 2391/QĐ-NHNN, ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	
Giấy phép hoạt động	: Số 2399/QĐ-NHNN, ngày 15/12/2006 do Thống đốc NHNN cấp; Và được sửa đổi, bổ sung bằng các Quyết định số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006; 2441/QĐ-NHNN ngày 28/10/2008; Quyết định số 2499/QĐ-NHNN ngày 18/11/2011; Quyết định số 2699/QĐ-NHNN ngày 22/12/2011; Quyết định số 2126/QĐ-NHNN ngày 10/10/2017; Quyết định số 2283/QĐ-NHNN ngày 30/10/2017; Quyết định số 2114/QĐ-NHNN ngày 10/10/2019; 954/QĐ-NHNN ngày 14/05/2020; Quyết định số 1495/QĐ-NHNN ngày 20/09/2021.	
Giấy CNĐKKD	: Số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 18/10/2021.	

- Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng cụ thể như sau:

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
1.	Hoạt động huy động vốn - Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác. - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được Thống đốc NHNN chấp thuận. - Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài.

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
	<ul style="list-style-type: none"> - Vay vốn ngắn hạn của NHNN theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNN.
2.	<p>Hoạt động tín dụng</p> <p>Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.</p>
3.	<p>Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung ứng các phương tiện thanh toán. - Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng. - Thực hiện các dịch vụ thu hộ, chi hộ. - Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN. - Thực hiện các dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật - Thực hiện dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng. - Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước. Việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế phải được NHNN chấp thuận.
4.	<p>Các hoạt động khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật. - Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của NHNN. - Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được NHNN chấp thuận. - Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý. - Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật. - Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật. - Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật. - Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.
5.	Kinh doanh trái phiếu và các giấy tờ có giá khác:

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
	<ul style="list-style-type: none"> - Mua, bán trái phiếu và giấy tờ có giá khác. - Tham gia giao dịch trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ. - Các hoạt động kinh doanh trái phiếu, giấy tờ có giá khác phù hợp với quy định pháp luật.
6	- Hoạt động kinh doanh, mua bán vàng miếng.
7	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN. - Dịch vụ môi giới tiền tệ. - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư. - Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
8	- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định.
9	- Đầu tư hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật và NHNN Việt Nam

- Kết quả kinh doanh 03 năm gần nhất của Vietbank:

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2018
Tổng tài sản (tỷ đồng)	91.505	68.928	51.672
Tổng thu nhập hoạt động (tỷ đồng)	1.681	1.744	1.353
Tổng chi phí hoạt động (tỷ đồng)	1.253	1.077	873
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng rủi ro tín dụng (tỷ đồng)	48	54	79
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	5.278	5.018	4.105
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (lần)	16	13	11
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	300	486	322
LNTT/VCSH bình quân (%)	5,82	10,21	8,97
Số lượng CN/PGD (CN, PGD)	1 trụ sở chính, 25 CN, 93 PGD	1 trụ sở chính, 20 CN, 93 PGD	1 trụ sở chính, 15 CN, 80 PGD
Số lượng nhân viên (người)	2.512	2.300	1.921

BL

B. Phương án phát hành Trái Phiếu

1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010; Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội ngày 17/06/2020("Luật Doanh nghiệp");
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội ngày 26/11/2019 ("Luật Chứng khoán");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("NĐ155/2020");
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ("TT96/2020");
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng ("TT118/2020");
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("TT41/2016");
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("TT22/2019"); Thông tư 08/2020/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN;
- Thông tư 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 của NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("TT01/2021");
- Các văn bản pháp luật sửa đổi/thay thế các văn bản trên trong từng thời kỳ;
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác;
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh và nhu cầu huy động và sử dụng vốn của Vietbank trong năm 2021.

2. Đánh giá điều kiện phát hành Trái Phiếu

Vietbank đáp ứng đủ các điều kiện phát hành Trái Phiếu theo quy định tại Luật Chứng khoán và NĐ155/2020 và các văn bản pháp luật sửa đổi/thay thế các văn bản trên trong từng thời kỳ, cụ thể:

- Vietbank là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Tài liệu chứng minh là Giấy phép thành lập Số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép hoạt động;
- Có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán: Vốn điều lệ của Vietbank tại thời điểm đăng ký chào bán là 4.776.826.690.000 đồng. Tài liệu chứng minh là Giấy CNĐKKD số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 18/10/2021.
- Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm. Tài liệu chứng minh là cam kết hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành

- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua. Tài liệu chứng minh sẽ là Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Vietbank thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ngân hàng Vietbank;
- Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác. Tài liệu chứng minh là Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng. Tài liệu chứng minh là Hợp đồng tư vấn ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và tổ chức tư vấn;
- Tổ Chức Phát Hành (Vietbank) không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Tổ Chức Phát Hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán theo quy định của pháp luật.
- Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán. Tài liệu chứng minh là Văn bản cam kết của Hội đồng quản trị về việc triển khai niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.
- Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ đạm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Tài liệu chứng minh là Báo cáo Công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn của Tổ Chức Phát Hành tại ngày 31/12/2020.

3. Trái Phiếu phát hành (Sau đây gọi là "Trái Phiếu")

a.	Tổ Chức Phát Hành	: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
b.	Loại hình doanh nghiệp	: Tổ chức tín dụng (Công ty cổ phần)
c.	Trụ sở chính	: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
d.	Giấy ĐKKD	: Số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 18/10/2021.
e.	Tên gọi Trái Phiếu	: Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
f.	Đơn vị tiền phát hành và thanh toán	: Đồng Việt Nam (VND)
g.	Mệnh giá	: Mệnh giá là mươi triệu (10.000.000 VND) đồng.
h.	Loại Trái Phiếu	: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành, thoả mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật.

i.	<i>Tổng mệnh giá phát hành tối đa dự kiến</i>	: 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng).
j.	<i>Thời gian phát hành</i>	: Dự kiến trong Quý IV năm 2021, Quý I & Quý II năm 2022, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
k.	<i>Đối tượng mua Trái Phiếu</i>	- Đối tượng mua giấy tờ có giá là các tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (<i>theo quy định tại Điều 4 TT01/2021</i>)
l.	<i>Địa điểm phát hành</i>	: Hội sở, các Trung tâm kinh doanh của Vietbank, và/hoặc các đại lý phát hành Trái Phiếu cho Vietbank.
m.	<i>Phương thức phát hành</i>	: Phát hành ra công chúng, thông qua phương thức trực tiếp phát hành và/hoặc các phương thức phát hành khác
n.	<i>Hình thức phát hành</i>	: Trái Phiếu định danh được phát hành ra công chúng theo hình thức bút toán ghi sổ.
o.	<i>Kỳ hạn của Trái Phiếu</i>	: Từ 06 đến 10 năm Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Vietbank cân đối kỳ hạn phát hành Trái phiếu theo từng đợt.
p.	<i>Lãi suất trái phiếu hoặc nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu</i>	: Lãi suất cố định; Lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa Lãi suất cố định và Lãi suất thả nổi. Lãi suất thả nổi được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND ("Lãi suất tham chiếu") được công bố tại Ngày xác định lãi suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TPCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ. Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định phương thức xác định và mức lãi suất Trái phiếu phù hợp tuỳ vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành Trái phiếu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ. Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Vietbank cân đối và quyết định lãi suất phát hành Trái phiếu theo từng đợt.
q.	<i>Số đợt phát hành</i>	: Dự kiến 03 đợt phát hành. Đợt phát hành kéo dài tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định của pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng sẽ chuyển sang đợt phát hành sau.
r.	<i>Phương thức trả lãi</i>	: Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán theo mệnh giá Trái

	<i>về gốc</i>	Phiếu vào Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc Ngày Đến Hạn khác để thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn. Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, dự kiến định kỳ 01 (một) năm một lần. Ngân hàng được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ
s.	<i>Tổ chức tư vấn phát hành</i>	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
t.	<i>Đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển quyền sở hữu (nếu có)</i>	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
u.	<i>Đại lý phát hành (nếu có)</i>	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
v.	<i>Cam kết công bố thông tin</i>	Vietbank cam kết thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo Quy định của Pháp luật có liên quan về phát hành Trái Phiếu doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác của thông tin công bố.
w.	<i>Cam kết niêm yết Trái phiếu</i>	Tổ chức phát hành cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định của Pháp luật
x.	<i>Quy định liên quan:</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức phát hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị thua lỗ. - Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác. - Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp. Trong trường hợp Tổ chức phát hành thanh lý, phá sản, Người sở hữu Trái phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ chức phát hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp). Các Trái phiếu phát hành cùng một Đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái phiếu nào. - Tổ Chức Phát Hành không nhận chiết khấu Trái Phiếu hoặc

		<p>mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành trừ trường hợp mua lại trước hạn theo điều khoản mua lại trước hạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền sở hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình sở hữu và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, cho, tặng, để thừa kế, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật. - Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng đó chấp thuận. Người Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật và quy định của Tổ Chức Phát Hành. - Tuỳ theo tình hình của thị trường và quyết định của Tổ Chức Phát Hành, Trái phiếu có thể kèm theo quyền mua lại trước hạn của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc quyền bán lại trước hạn của Người Sở Hữu Trái Phiếu. - Trái Phiếu phải được bảo quản cẩn thận, không tẩy xóa, sửa chữa, làm rách, nhau nát. Trái Phiếu bị sửa chữa, tẩy xóa sẽ không có giá trị thanh toán. Khi mất, hỏng Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo ngay bằng văn bản cho Vietbank. Nếu không thông báo kịp thời, mọi rủi ro phát sinh, Vietbank sẽ không đảm bảo điều kiện thanh toán theo quy định. - Khi nhận Trái Phiếu, Nhà Đầu Tư mặc nhiên đã đọc, hiểu đầy đủ, chính xác và cam kết sẽ tuân thủ theo quy định của đợt phát hành Trái Phiếu và quy định về phát hành Trái Phiếu trong nước của Vietbank. - Các quyền và nghĩa vụ khác quy định cụ thể trong Bản công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành và tuân thủ quy định Pháp luật Việt Nam.
y.	<i>Các điều khoản, điều kiện khác của Trái Phiếu</i>	Các điều khoản, điều kiện khác của Trái Phiếu phù hợp với quy định của Pháp luật và được quy định cụ thể trong Bản Công Bố Thông Tin phát hành Trái Phiếu.

Hội đồng quản trị (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông) được quyền quyết định các vấn đề liên quan tới nội dung của Trái phiếu với mục đích mang lại lợi ích cao nhất cho Vietbank.

C. Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu:

1. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu năm 2021 sẽ được Vietbank sử dụng tăng quy mô hoạt động và cho vay, chi tiết như sau:

	Mục đích sử dụng	Kế hoạch (tỷ VND)
1 Tăng vốn cấp 2		
+ Hoạt động cho vay		3.000
+ Hoạt động đầu tư		
+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành		
2 Tăng quy mô vốn khác		
+ Hoạt động cho vay		
+ Hoạt động đầu tư		
+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành		

Số tiền thực tế giải ngân đối với từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh trong từng Đợt Phát Hành phụ thuộc vào khối lượng Trái phiếu phát hành thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế.

2. Phương án thanh toán gốc và lãi trái phiếu

Nguồn thanh toán gốc và lãi trái phiếu được lấy từ các nguồn chính sau:

- **Thanh toán lãi trái phiếu:** lãi thu được từ các lĩnh vực mà Vietbank dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành trái phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ hết chi phí sẽ được sử dụng để thanh toán lãi trái phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của Vietbank bị lỗ.
- **Thanh toán gốc trái phiếu:** Vietbank sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) huy động vốn từ nền kinh tế, (ii) lợi nhuận kinh doanh của Vietbank và/hoặc (iii) các nguồn khác để thanh toán gốc trái phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trái phiếu trước hạn.



NGHỊ QUYẾT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank);
- Căn cứ Quy chế về Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị VietBank;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCDĐ ngày 05/10/2021 của Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021 của Hội đồng Quản trị VietBank;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 14/03/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị nhất trí nội dung sau:

1. Thông qua nội dung tại Tờ trình số 86/2022/TT-TGDĐ ngày 10/03/2022 của Quyền Tổng giám đốc về việc điều chỉnh nội dung trong phương án phát hành và chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín năm 2022 theo phương thức phát hành ra công chúng Đợt 1. Theo đó, Hội đồng quản trị thông qua:
 - a. Sửa đổi một số nội dung tại Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021 (mục B.3 j, mục B.3 q và mục C.1 – Phương án) như sau:

STT	Mục/tên nội dung	Nội dung theo Phương án đã được thông qua tại Nghị quyết số 92/2021/NQ- HĐQT ngày 24/11/2021	Nội dung điều chỉnh
1	j. Thời gian phát hành	Dự kiến Trong Quý IV năm 2021, Quý I & Quý II năm 2022, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.	Dự kiến trong Quý I, Quý II & Quý III năm 2022, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

STT	Mục/tên nội dung	Nội dung theo Phương án đã được thông qua tại Nghị quyết số 92/2021/NQ- HĐQT ngày 24/11/2021	Nội dung điều chỉnh
2	q. Số đợt phát hành	<p>Dự kiến 03 đợt phát hành</p> <p>Đợt phát hành kéo tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng sẽ chuyển sang đợt phát hành sau.</p>	<p>Dự kiến 03 đợt phát hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đợt 1: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng). - Đợt 2: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng). - Đợt 3: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng). <p>Đợt phát hành kéo dài tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định của pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng sẽ chuyển sang đợt phát hành sau.</p>
3	Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu	<p>Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu năm 2021 sẽ được VietBank sử dụng tăng quy mô hoạt động và cho vay, chi tiết như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động cho vay: 3.000 tỷ VND 	<p>Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn cấp 2 của VietBank, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, chi tiết như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động cho vay trung - dài hạn dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức:

STT	Mục/tên nội dung	Nội dung theo Phương án đã được thông qua tại Nghị quyết số 92/2021/NQ- HĐQT ngày 24/11/2021	Nội dung điều chỉnh
			<ul style="list-style-type: none"> + Đợt 1: 1.000 tỷ VND + Đợt 2: 1.000 tỷ VND + Đợt 3: 1.000 tỷ VND

Đồng thời thống nhất ban hành Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín (VIETBANK) năm 2022 (sửa đổi lần 2) trên cơ sở Phương án đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021 có cập nhật các nội dung điều chỉnh như trên. (*Chi tiết đính kèm Nghị quyết này*).

b. Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 1 theo lãi suất thả nổi với các thông tin chi tiết như sau:

1.	Tên trái phiếu	Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 1)
2.	Loại trái phiếu	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản của VietBank, thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietBank theo quy định hiện hành của pháp luật.
3.	Mục đích chào bán	Để tăng quy mô vốn cấp 2 của VietBank, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước.
4.	Mệnh giá	Mệnh giá 01 Trái phiếu là 10.000.000 VND (mười triệu đồng).
5.	Tổng mệnh giá chào bán đợt 1	1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).
6.	Kỳ hạn	07 năm VietBank có quyền mua lại từ sau 02 năm kể từ ngày phát hành.
7.	Đối tượng mua Trái phiếu	Đối tượng mua giấy tờ có giá là các tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (<i>theo quy định tại điều 4, Thông tư 01/2021/TT-NHNN của NHNN ngày 31/03/2021 ("TT01/2021")</i>)
8.	Lãi suất	<p>Lãi suất áp dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Năm năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,50%/năm • Hai năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3,50%/năm <p>Lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng</p>

026
CẨM LƯƠNG CỔ PHI
VIỆT THƯƠNG

THẮNG

		<p>Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi suất tham chiếu được làm tròn 2 chữ số sau phần thập phân.</p> <p>Lãi suất tham chiếu được xác định theo Bảng cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng.</p>
9.	Phương thức thanh toán gốc, lãi	<p>Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán theo mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc Ngày Đến Hạn khác theo quy định trong điều kiện và điều khoản của trái phiếu.</p> <p>Tiền lãi Trái phiếu: Thanh toán trả sau, 01 (một) năm 01 (một) lần định kỳ vào ngày tròn năm kể từ Ngày phát hành.</p>
10.	Thời hạn tổ chức đợt phát hành	Tối thiểu 20 ngày, tối đa không quá 90 ngày kể từ ngày công bố thông báo phát hành.
11.	Hình thức chào bán và phân phối	Bán trực tiếp cho nhà đầu tư thông qua các kênh phân phối tại Hội Sở/ TTKD của Vietbank và/ hoặc đại lý phát hành.
12.	Khối lượng đặt mua tối thiểu và tối đa	<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng tối thiểu 1 hợp đồng: 5 trái phiếu, tương đương 50 triệu đồng; - Khối lượng tối đa 1 hợp đồng: Không vượt quá số lượng trái phiếu còn lại của đợt phát hành; - Tổng số nhà đầu tư: Không giới hạn.
13.	Cầm cő	Trái phiếu có thể được cầm cő/hoặc dùng làm TSDB để đảm bảo cho các nghĩa vụ tín dụng tại Vietbank cũng như tại các Tổ Chức tín dụng khác (Nếu các Tổ chức tín dụng này đồng ý).
14.	Niêm yết	Trái phiếu được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định của Pháp luật
15.	Lưu ký, quản lý chuyển nhượng	<ul style="list-style-type: none"> - Trái phiếu trước khi được niêm yết sẽ được lưu ký và thực hiện chuyển nhượng thông qua Đại lý Đăng ký và Lưu ký Trái phiếu; - Trái phiếu sau khi được niêm yết sẽ được lưu ký thực hiện chuyển nhượng thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Các nội dung khác liên quan đến Trái phiếu phát hành: theo Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín (VIETBANK) năm 2022 (sửa đổi lần 2) đã được thông qua.

2. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện các nội dung phê duyệt trên của Hội đồng quản trị theo đúng quy định pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ khi triển khai thực hiện.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/10/2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Văn phòng Hội đồng quản trị, các Khối/Trung tâm/Phòng/Ban Hội sở và các đơn vị trong toàn hệ thống VietBank chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. *Nhật*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông (đăng Website VietBank);
- Như Điều 3;

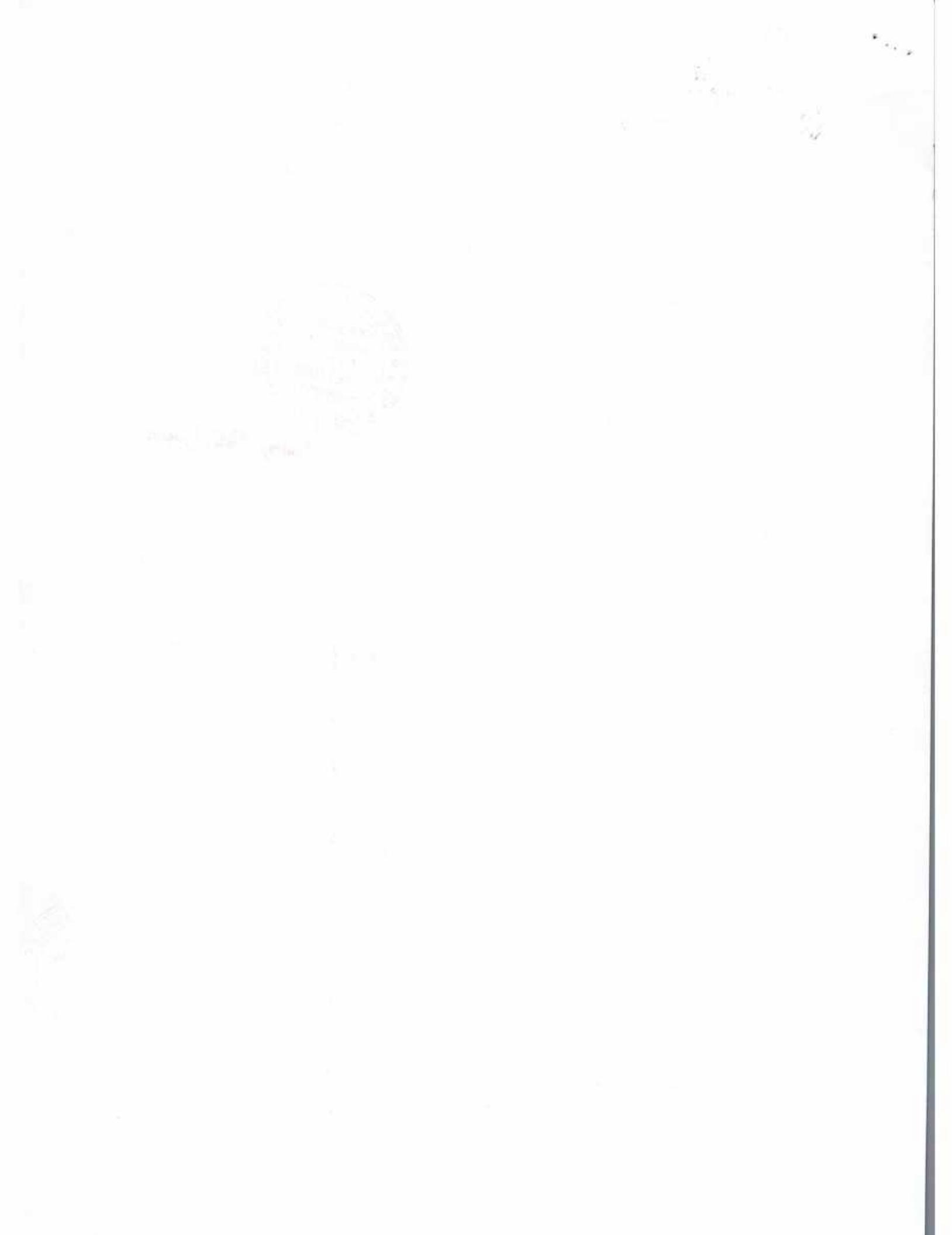
Sao kính gửi:

- Ban Kiểm soát (để biết);
- Lưu Thư ký HĐQT.



Dương Nhật Nguyên





**PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH RA CÔNG CHỨNG, PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG
VÀ TRẢ LỜI VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU NGÂN
HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN (VIETBANK) NĂM 2022
(SỬA ĐỔI LẦN 2)**

(V/v phát hành ra công chứng 3.000 tỷ VND Trái Phiếu VietBank năm 2022)

Đính kèm theo Nghị quyết số 15./2022/NQ-HĐQT ngày 14./03/2022

A. Tổng quan về Tổ Chức Phát Hành:

Tên đầy đủ bằng Tiếng Việt	: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN.	
Tên viết tắt bằng tiếng Anh	: VIET NAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK .	
Tên viết tắt bằng Tiếng Anh	: VIETBANK	
Địa chỉ trụ sở chính	: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.	
Điện thoại	: 0299 3886666	Fax: 0299 3615666
Vốn điều lệ	: 4.776.826.690.000 đồng Việt Nam (Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng Việt Nam).	
Giấy phép thành lập	: Số 2391/QĐ-NHNN, ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	
Giấy phép hoạt động	: Số 2399/QĐ-NHNN, ngày 15/12/2006 do Thống đốc NHNN cấp; Và được sửa đổi, bổ sung bằng các Quyết định số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006; 2441/QĐ-NHNN ngày 28/10/2008; Quyết định số 2499/QĐ-NHNN ngày 18/11/2011; Quyết định số 2699/QĐ-NHNN ngày 22/12/2011; Quyết định số 2126/QĐ-NHNN ngày 10/10/2017; Quyết định số 2283/QĐ-NHNN ngày 30/10/2017; Quyết định số 2114/QĐ-NHNN ngày 10/10/2019; 954/QĐ-NHNN ngày 14/05/2020; Quyết định số 1495/QĐ-NHNN ngày 20/09/2021.	
Giấy CNĐKKD	: Số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 18/10/2021.	

- Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng cụ thể như sau:

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
1.	Hoạt động huy động vốn
- Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền	

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
	<p>gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được Thống đốc NHNN chấp thuận. - Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài. - Vay vốn ngắn hạn của NHNN theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNN.
2.	Hoạt động tín dụng
	<p>Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.</p>
3.	Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ
	<ul style="list-style-type: none"> - Cung ứng các phương tiện thanh toán. - Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng. - Thực hiện các dịch vụ thu hộ, chi hộ. - Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN. - Thực hiện các dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật - Thực hiện dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng. - Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước. Việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế phải được NHNN chấp thuận.
4.	Các hoạt động khác
	<ul style="list-style-type: none"> - Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật. - Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của NHNN. - Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được NHNN chấp thuận. - Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
	<p>thác, đại lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật. - Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật. - Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật. - Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.
5.	<p>Kinh doanh trái phiếu và các giấy tờ có giá khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mua, bán trái phiếu và giấy tờ có giá khác. - Tham gia giao dịch trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ. - Các hoạt động kinh doanh trái phiếu, giấy tờ có giá khác phù hợp với quy định pháp luật.
6	<p>- Hoạt động kinh doanh, mua bán vàng miếng.</p>
7	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN. - Dịch vụ môi giới tiền tệ. - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư. - Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
8	<p>- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định.</p>
9	<p>- Đầu tư hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật và NHNN Việt Nam</p>

- Kết quả kinh doanh 03 năm và quý gần nhất của VietBank:

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2020	31/12/2019	31/12/2018
----------	------------	------------	------------	------------

Tổng tài sản (tỷ đồng)	103.780	91.505	68.928	51.672
Tổng thu nhập hoạt động (tỷ đồng)	2.350	1.681	1.744	1.353
Tổng chi phí hoạt động (tỷ đồng)	1.232	1.253	1.077	873
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng rủi ro tín dụng (tỷ đồng)	483	48	54	79
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	5.741	5.278	5.018	4.105
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (lần)	17	16	13	11
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	505	300	486	322
LNTT/VCSH bình quân (%)	11,54	7,38	12,87	10,23
Số lượng CN/PGD (CN, PGD)	1 trụ sở chính, 25 CN, 93 PGD	1 trụ sở chính, 25 CN, 93 PGD	1 trụ sở chính, 20 CN, 93 PGD	1 trụ sở chính, 15 CN, 80 PGD
Số lượng nhân viên (người)	2.562	2.512	2.300	1.921

B. Phương án phát hành Trái Phiếu

1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010; Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội ngày 17/06/2020 ("**Luật Doanh nghiệp**");
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội ngày 26/11/2019 ("**Luật Chứng khoán**");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("**NĐ155/2020**");
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ("**TT96/2020**");
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng ("**TT118/2020**");
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("**TT41/2016**");
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("**TT22/2019**"); Thông tư 08/2020/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN;
- Thông tư 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 của NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("**TT01/2021**");
- Các văn bản pháp luật sửa đổi/thay thế các văn bản trên trong từng thời kỳ;
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác;
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh và nhu cầu huy động và sử dụng vốn của VietBank trong năm 2022.

2. Đánh giá điều kiện phát hành Trái Phiếu

VietBank đáp ứng đủ các điều kiện phát hành Trái Phiếu theo quy định tại Luật Chứng khoán và ND155/2020 và các văn bản pháp luật sửa đổi/thay thế các văn bản trên trong từng thời kỳ, cụ thể:

- VietBank là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Tài liệu chứng minh là Giấy phép thành lập Số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép hoạt động;
- Có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán: Vốn điều lệ của VietBank tại thời điểm đăng ký chào bán là 4.776.826.690.000 đồng. Tài liệu chứng minh là Giấy CNDKKD số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 18/10/2021;
- Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm. Tài liệu chứng minh là cam kết hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành;
- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội

đồng cổ đồng hoặc Hội đồng quản trị thông qua. Tài liệu chứng minh sẽ là Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông VietBank thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ngân hàng Vietbank;

- Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác. Tài liệu chứng minh là Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng. Tài liệu chứng minh là Hợp đồng tư vấn ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Tổ Chức Tư Vấn;
- Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Tổ Chức Phát Hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán theo quy định của pháp luật;
- Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán. Tài liệu chứng minh là Văn bản cam kết của Hội đồng quản trị về việc triển khai niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán;
- Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Tài liệu chứng minh là Báo cáo Công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn của Tổ Chức Phát Hành tại ngày 31/12/2021.

3. Trái Phiếu phát hành (Sau đây gọi là "Trái Phiếu")

a.	Tổ Chức Phát Hành	: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank)
b.	Loại hình doanh nghiệp	: Tổ chức tín dụng (Công ty cổ phần)
c.	Trụ sở chính	: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
d.	Giấy ĐKKD	: Số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 18/10/2021.
e.	Tên gọi Trái Phiếu	: Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín chào bán ra công chúng năm 2022 theo 3 đợt, có các tên gọi như sau (được gọi chung là "Trái Phiếu"): <ul style="list-style-type: none"> - Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 1) - Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 2) - Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 3)
f.	Đồng tiền phát hành và thanh toán	: Đồng Việt Nam (VND)

<i>g.</i>	Mệnh giá	: Mệnh giá là mươi triệu (10.000.000 VND) đồng.
<i>h.</i>	Loại Trái Phiếu	: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành, thoả mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật.
<i>i.</i>	Tổng mệnh giá phát hành tối đa dự kiến	: 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng).
<i>j.</i>	Thời gian phát hành	: Dự kiến trong Quý I, Quý II & Quý III năm 2022, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
<i>k.</i>	Đối tượng mua Trái Phiếu	- Đối tượng mua giấy tờ có giá là các tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (<i>theo quy định tại Điều 4 TT01/2021</i>)
<i>l.</i>	Địa điểm phát hành	: Hội sở, các Trung tâm kinh doanh của VietBank, và/hoặc các đại lý phát hành Trái Phiếu cho VietBank.
<i>m.</i>	Phương thức phát hành	: Phát hành ra công chúng, thông qua phương thức trực tiếp phát hành và/hoặc các phương thức phát hành khác
<i>n.</i>	Hình thức phát hành	: Trái Phiếu định danh được phát hành ra công chúng theo hình thức bút toán ghi sổ.
<i>o.</i>	Kỳ hạn của Trái Phiếu	: Từ 06 đến 10 năm Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT VietBank cân đối kỳ hạn phát hành Trái phiếu theo từng đợt.
<i>p.</i>	Lãi suất trái phiếu hoặc nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu	: Lãi suất cố định; Lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa Lãi suất cố định và Lãi suất thả nổi. Lãi suất thả nổi được xác định bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau bằng VND ("Lãi suất tham chiếu") được công bố tại Ngày xác định lãi suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TPCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cộng biên độ. Tổ Chức Phát Hành sẽ quyết định phương thức xác định và mức lãi suất Trái phiếu phù hợp tuỳ vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành Trái phiếu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ.

		Theo ủy quyền của ĐHĐCD, HĐQT VietBank cân đối và quyết định lãi suất phát hành Trái phiếu theo từng đợt.
q.	Số đợt phát hành	<p>: Dự kiến 03 đợt phát hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đợt 1: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng). - Đợt 2: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng). - Đợt 3: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng). <p>Đợt phát hành kéo dài tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định của pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khôi lượng sẽ chuyển sang đợt phát hành sau.</p>
r.	Phương thức trả lãi và gốc	<p>: Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán theo mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc Ngày Đến Hạn khác để thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn.</p> <p>Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, dự kiến định kỳ 01 (một) năm một lần.</p> <p>Ngân hàng được ngừng trả lãi và chuyển lãi luỹ kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ</p>
s.	Tổ chức tư vấn phát hành	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
t.	Đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển quyền sở hữu (nếu có)	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
u.	Đại lý phát hành (nếu có)	Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.
v.	Cam kết công bố thông tin	VietBank cam kết thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo Quy định của Pháp luật có liên quan về phát hành Trái Phiếu doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác của thông tin công bố.
w.	Cam kết niêm yết	Tổ chức phát hành cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ

	Trái phiếu	thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định của Pháp luật
x.	Quy định liên quan:	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức phát hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị thua lỗ. - Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác. - Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp. Trong trường hợp Tổ chức phát hành thanh lý, phá sản, Người sở hữu Trái phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ chức phát hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp). Các Trái phiếu phát hành cùng một Đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái phiếu nào. - Tổ Chức Phát Hành không nhận chiết khấu Trái Phiếu hoặc mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành trừ trường hợp mua lại trước hạn theo điều khoản mua lại trước hạn. - Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền sở hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình sở hữu và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, cho, tặng, để thửa kẽ, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật. - Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng đó chấp thuận. Người Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật và quy định của Tổ Chức Phát Hành. - Tuỳ theo tình hình của thị trường và quyết định của Tổ Chức Phát Hành, Trái phiếu có thể kèm theo quyền mua lại trước hạn của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc quyền bán lại trước hạn của Người Sở Hữu Trái Phiếu. - Trái Phiếu phải được bảo quản cẩn thận, không tẩy xóa, sửa chữa, làm rách, nhau nát. Trái Phiếu bị sửa chữa, tẩy xóa sẽ không có giá trị thanh toán. Khi mất, hỏng Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo ngay bằng văn bản cho VietBank. Nếu không thông báo kịp thời, mọi rủi ro phát sinh, VietBank sẽ

		<p>không đảm bảo điều kiện thanh toán theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi nhận Trái Phiếu, Nhà Đầu Tư mặc nhiên đã đọc, hiểu đầy đủ, chính xác và cam kết sẽ tuân thủ theo quy định của đợt phát hành Trái Phiếu và quy định về phát hành Trái Phiếu trong nước của VietBank. - Các quyền và nghĩa vụ khác quy định cụ thể trong Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành và tuân thủ quy định Pháp luật Việt Nam.
y.	Các điều khoản, điều kiện khác của Trái Phiếu	Các điều khoản, điều kiện khác của Trái Phiếu phù hợp với quy định của Pháp luật và được quy định cụ thể trong Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng.

Hội đồng quản trị (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông) được quyền quyết định các vấn đề liên quan tới nội dung của Trái phiếu với mục đích mang lại lợi ích cao nhất cho VietBank.

C. Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu:

1. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn cấp 2 của VietBank, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, chi tiết như sau:

	Mục đích sử dụng	Đợt 1 (tỷ VND)	Đợt 2 (tỷ VND)	Đợt 3 (tỷ VND)
1 Tăng vốn cấp 2				
+ Hoạt động cho vay trung – dài hạn dành cho Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức	1.000	1.000	1.000	
+ Hoạt động đầu tư	-	-	-	
+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	-	-	-	
2 Tăng quy mô vốn khác				
+ Hoạt động cho vay	-	-	-	
+ Hoạt động đầu tư	-	-	-	
+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành	-	-	-	

Số tiền thực tế giải ngân đối với từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh trong từng Đợt Phát Hành phụ thuộc vào khối lượng Trái phiếu phát hành thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế.

2. Phương án thanh toán gốc và lãi trái phiếu

Nguồn thanh toán gốc và lãi trái phiếu được lấy từ các nguồn chính sau:

- **Thanh toán lãi trái phiếu:** lãi thu được từ các lĩnh vực mà VietBank dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành trái phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ hết đi chi phí sẽ được sử dụng để thanh toán lãi trái phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của VietBank bị lỗ.
- **Thanh toán gốc trái phiếu:** VietBank sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) huy động vốn từ nền kinh tế, (ii) lợi nhuận kinh doanh của VietBank và/hoặc (iii) các nguồn khác để thanh toán gốc trái phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trái phiếu trước hạn.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
- Căn cứ nội dung và kết quả biểu quyết các nội dung đệ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26/4/2022;

Đại hội đồng cổ đông thường niên Vietbank năm 2022 nhất trí:

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022:

- a. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

- Chỉ tiêu về quy mô:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2021	% KH 2021	+/- KH 2021
Tổng tài sản	103.377	120.000	86,1%	-16.623
Tổng dư nợ cho vay (bao gồm TPDN)	56.678	60.000	94,5%	-3.322
Tổng huy động vốn (bao gồm GTCG)	74.391	91.000	81,7%	-16.609
Vốn điều lệ	4.777			

- Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh:

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2021	% KH 2021	+/- KH 2021
1	Tổng TN hoạt động	2.258			

HN

STT	Chỉ tiêu	THỰC HIỆN 2021	KẾ HOẠCH 2021	% KH 2021	+/- KH 2021
2	Tổng CP hoạt động	1.142			
3	LN từ HĐKD trước DP (=1-2)	1.115			
4	CP (Hoàn nhập) DP RRTD	480			
5	LNTT (=3-4)	636	1.100	57,8%	-464

- Chỉ số về an toàn hoạt động:

CHỈ TIÊU	Năm 2021	Quy định NHNN	So với quy định	+/- TH Năm 2020
NPL (Tỷ lệ nợ xấu) theo qui định NHNN	2,25%	≤ 3%	Đạt	0,96%
CAR (HS an toàn vốn tối thiểu) -Theo TT41/NHNN	10,05%	≥ 8%	Đạt	0,70%
LDR (Tỷ lệ CV/Tổng HĐ)	55,19%	≤ 85%	Đạt	0,21%
Tỷ lệ nguồn vốn NH CV TDH	33,25%	≤ 37%	Đạt	6,94%

b. Kế hoạch kinh doanh năm 2022:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Mức tăng so với 2021	Tỷ lệ tăng so với 2021
Tổng Tài sản	103.377	133.000	29.623	28,7%
Tổng dư nợ cho vay	56.678	65.200	8.522	15,0%
Huy động từ khách hàng (gồm GTCG)	74.391	102.000	27.609	37,1%
Lợi nhuận trước thuế	636	1.090	454	71,4%
Tỷ lệ nợ xấu (N345 /Tổng dư nợ CTD theo TT11/NHNN)	2,25%	≤ 2,5%		

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán với các chỉ tiêu cơ bản trên BCTC năm 2021 đã được kiểm toán như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	
		BCTC riêng lẻ đã kiểm toán	BCTC hợp nhất đã kiểm toán
Về các chỉ tiêu liên quan đến kinh doanh			
1	Tổng tài sản	103.377.671	103.377.281
2	Tổng dư nợ khách hàng (Sau DPRRTD)	49.612.464	49.612.464
	Tổng dư nợ khách hàng (Trước DPRRTD)	50.530.156	50.530.156

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	
		BCTC riêng lẻ đã kiểm toán	BCTC hợp nhất đã kiểm toán
3	Tổng huy động		
	-Từ TCTD khác	16.815.939	16.815.939
	-Từ khách hàng	66.757.140	66.755.406
4	Lợi nhuận trước thuế	635.065	635.782
Về các chỉ tiêu liên quan đến vốn chủ sở hữu			
1	Vốn chủ sở hữu	5.743.419	5.744.166
2	Vốn điều lệ	4.776.827	4.776.827
3	Các quỹ dự trữ	320.264	320.264
4	Lãi (lỗ) lũy kế	646.328	647.075

3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị; kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, các Hội đồng, Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.
4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về: kết quả kinh doanh của Vietbank, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động các thành viên Ban kiểm soát.
5. Thông qua Báo cáo tiến độ triển khai hồ sơ tăng vốn năm 2020, thực hiện mua cổ phiếu quỹ, niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán theo Nghị quyết ĐHĐCD số 01/2020/NQ-DHĐCD ngày 25/5/2020 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-DHĐCD ngày 26/4/2021. Theo đó:
 - a. Đối với việc mua cổ phiếu quỹ:
 - (i) Không thực hiện mua cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-DHĐCD của Đại hội đồng cổ đông năm 2021.
 - (ii) Giao Hội đồng quản trị quyết định việc sử dụng số dư quỹ khen thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2018, 2019 theo đúng quy định.
 - b. Đối với việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán:
 - (i) Thực hiện niêm yết cổ phiếu Vietbank tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) khi thời điểm và điều kiện thị trường thuận lợi trên cơ sở đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.
 - (ii) Giao cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm niêm yết cụ thể, các tài liệu, hồ sơ chỉ đạo Ban điều hành, các Khối/Trung tâm/Phòng, Ban và Văn phòng HĐQT thực hiện các thủ tục liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

6. Thông qua Báo cáo tiến độ, kết quả phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2021 – Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCD, theo đó, Đại hội đồng cổ đông thống nhất: tiếp tục triển khai chào bán trái phiếu ra công chúng theo Phương án đã được thông qua ngay sau khi nhận được Văn bản chấp thuận từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
7. Thông qua Báo cáo tiến độ triển khai thực hiện đầu tư mua tài sản Lim 2 theo Nghị quyết ĐHĐCD số 01/2020/NQ-ĐHĐCD ngày 25/5/2020 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCD ngày 26/4/2021.
8. Thông qua Báo cáo các khoản cấp tín dụng đối với các đối tượng theo quy định khoản 1 Điều 127 Luật Các TCTD.
9. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, cụ thể như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC	THUYẾT MINH	TỶ LỆ	THÀNH TIỀN
1	Lợi nhuận (LN) trước thuế hợp nhất			635.782
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp			129.187
A	LN sau thuế hợp nhất chưa phân phối	(1)-(2)		506.595
B	LN sau thuế của công ty mẹ			505.878
C	Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	B x	5%	25.294
D	Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	B x	10%	50.588
E	LN còn lại sau thuế và trích các Quỹ bắt buộc	A-C-D		430.713
F	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			0
G	Chia cổ tức (Vốn điều lệ X Tỷ lệ chia cổ tức)		0%	0
H	LN giữ lại không chia	E-F-G		430.713

10. Thông qua Kế hoạch tăng vốn các năm tiếp theo giai đoạn từ 2023-2025, Phương án tăng vốn điều lệ năm 2022, cụ thể như sau:

a. Kế hoạch tăng vốn các năm tiếp theo giai đoạn từ 2023-2025:

Số	Kế hoạch tăng vốn	Đơn vị	2021	2022	2023	2024	2025
1	Vốn cấp 1	tỷ đồng	5.740	7.618	9.898	12.858	16.738
a)	Vốn cấp 1 theo kế hoạch kinh doanh	tỷ đồng	5.740	6.618	7.898	9.858	12.738
b)	Tăng vốn điều lệ (vốn góp mới)	tỷ đồng	0	1.000	1.000	1.000	1.000
2	Vốn cấp 2	tỷ đồng	2.403	3.814	6.995	10.439	13.245
a)	Vốn cấp 2 theo kế hoạch kinh doanh	tỷ đồng	2.403	2.314	1.995	1.739	1.545
b)	Phát hành TP tăng vốn cấp 2 mới	tỷ đồng	0	1.500	3.500	4.000	4.000

Số	Kế hoạch tăng vốn	Đơn vị	2021	2022	2023	2024	2025
I	Vốn tự có theo KH KD	tỷ đồng	8.143	8.931	9.893	11.597	14.284
II	Vốn tự có theo kế hoạch tăng vốn	tỷ đồng	8.143	11.431	16.893	23.297	29.984
III	Chênh lệch giữa vốn tự có theo kế hoạch tăng vốn và vốn mục tiêu						
	Chênh lệch = C _A - Ctarget	tỷ đồng	1.265	542	2.763	5.126	6.773
	CAR 41		9,99%	10,02%	11,39%	12,14%	12,29%
	CAR 13 (ICAAP)		9,59%	9,42%	10,73%	11,51%	11,59%

b. Kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2022:

a. Phương án tăng vốn điều lệ:

(i) Mức tăng Vốn điều lệ:

- Vốn Điều lệ tại thời điểm 31/12/2021: **4.776.826.690.000 đồng** (*Bốn ngàn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng chẵn*); **tất cả đều là cổ phần phổ thông**.
- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm: **1.003.000.000.000 đồng** (một nghìn không trăm lẻ ba tỷ đồng chẵn), tăng 21% so với cuối năm 2021;
- Vốn Điều lệ mới dự kiến sau khi hoàn tất việc tăng vốn trong năm 2022: **5.779.826.690.000 đồng** (*Năm ngàn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng chẵn*);

(ii) Thông tin về cổ phiếu:

- Loại chứng khoán phát hành: cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu (CP): 10.000 đồng (mười ngàn đồng chẵn)/ CP;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến: **100.300.000 CP** (một trăm triệu ba trăm ngàn cổ phiếu).

(iii) Nguồn và phương thức tăng vốn điều lệ:

- Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ: từ cổ đông góp mới **1.003.000.000.000 đồng** (một nghìn không trăm lẻ ba tỷ đồng chẵn)
- Vietbank phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ năm 2022.

(iv) Các thông tin về tăng vốn trong năm:

- Đối tượng: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Vietbank tại thời điểm chốt danh sách cổ đông theo quy định của pháp luật;
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ CP;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến: **100.300.000 CP** (một trăm triệu ba trăm ngàn cổ phiếu);
- Tổng giá trị cổ phiếu phát hành: **1.003.000.000.000 đồng** (một nghìn không trăm lẻ ba tỷ đồng chẵn);
- Tỷ lệ phân phối cổ phiếu phát hành: Dự kiến 21% số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2021. Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm với tỷ lệ

phân phối là 100 : 21 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ mua thêm 21 cổ phiếu phát hành thêm);

- Mục đích phát hành: Tăng vốn điều lệ;
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Thời điểm thực hiện: Dự kiến từ Quý 3 đến Quý 4 năm 2022. Thời gian thực hiện cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường.

(v) Nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ:

- Số lượng cổ phiếu phát hành được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu;
- Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) giao cho HĐQT quyết định.

(vi) Kế hoạch sử dụng vốn thu được:

Toàn bộ phần vốn tăng từ phát hành cổ phiếu năm 2022 là 1.003.000.000.000 đồng được dự kiến sử dụng toàn bộ cho việc mở rộng mạng lưới hoạt động, bảo đảm tuân thủ các tỷ lệ an toàn trong hoạt động, sinh lợi cho hoạt động kinh doanh Vietbank, đảm bảo phù hợp quy định của NHNN về tỷ lệ đầu tư tài sản cố định đối với tổ chức tín dụng.

(vii) Hiệu quả kinh doanh trên cơ sở mức Vốn điều lệ mới:

STT	Chỉ tiêu (đvt tỷ đồng, %)	Thực hiện 2021	KH 2022	
			Chỉ tiêu	% tăng trưởng
1	Vốn điều lệ	4.777	5.780	21%
2	Dư nợ tín dụng (a + b)	56.678	65.200	15%
a	Dư nợ cho vay khách hàng	50.530		
b	Số dư mua, đầu tư TP doanh nghiệp	6.148		
3	Huy động từ khách hàng (bao gồm GTCG)	74.391	102.000	37%
4	Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	14.639	20.645	41%
5	Tiền gửi của và vay các TCTD khác	21.354	20.914	-2%
6	Tổng Tài sản	103.377	133.000	28%
7	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	636	1.090	71%
8	Tỷ lệ nợ xấu (NPL) theo TT11/NHNN	2,25%	≤ 2,5%	
9	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo TT41	10,05%	≥ 9,7%	
10	Các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác	Tuân thủ quy định của NHNN	Đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN	
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	9,19%	12,00%	31%

12	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản Có bình quân (ROA)	0,52%	0,68%	31%
----	--	-------	-------	-----

- b. Chấp thuận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở kết quả triển khai thành công của Phương án.
- c. Giao và ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị quyết định, bao gồm nhưng không giới hạn:
- (i) Các vấn đề, thủ tục pháp lý cần thiết, kể cả việc sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh Phương án khi trình để được Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền xem xét và chấp thuận, dựa trên các nguyên tắc phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động của Vietbank; tuân thủ đúng quy định của pháp luật; và đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
 - (ii) Thời điểm phát hành kể cả thời điểm dừng đợt phát hành cổ phiếu phù hợp với thực tế và hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
 - (iii) Xử lý số cổ phiếu lẻ;
 - (iv) Sửa đổi, bổ sung kế hoạch sử dụng vốn thu được, để đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế kinh doanh và đem lại hiệu quả cho Vietbank;
 - (v) Sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký lưu ký, giao dịch đối với chứng khoán bổ sung theo hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
 - (vi) Thực hiện các thủ tục pháp lý về sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ và các giấy tờ pháp lý khác có liên quan đến cập nhật mức vốn điều lệ mới của Vietbank.

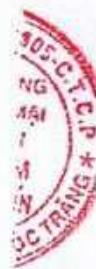
Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, Hội đồng quản trị có quyền quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được ủy quyền; Thực hiện và/hoặc chỉ đạo, phân công các đơn vị thuộc Vietbank thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật; Hoàn chỉnh, hoàn thiện và ký các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan; Làm việc với các Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và các Bên liên quan; Thực hiện mọi công việc và thủ tục cần thiết khác để triển khai nhiệm vụ được giao, phù hợp với quy định pháp luật.

11. Thông qua Tờ trình thù lao, thường, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022, cụ thể:

- Tổng ngân sách và thù lao hoạt động của HĐQT và BKS dự kiến năm 2022 là 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng chẵn*);
- Tổng mức thù lao của các thành viên HĐQT, Ban KS là chưa bao gồm thuế TNCN. Toàn bộ thuế TNCN liên quan theo quy định sẽ do Vietbank chi trả. Đồng thời Đại hội đồng Cổ đông thuận giao cho HĐQT/Thường trực HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể đối với từng thành viên.

12. Thông qua Tờ trình v/v lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ cho năm tài chính đối với năm tài chính 2022 và năm tài chính 2023, cụ thể:

- Đối với năm tài chính 2022 và năm 2023: chấp thuận chọn Công ty KPMG thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính, hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ và Vietbank AMC.



- Trong trường hợp có sự thay đổi đơn vị kiểm toán độc lập năm 2023, chấp thuận lựa chọn 01 (một) trong số 03 (ba) công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tại Việt Nam (bao gồm các công ty: PricewaterhouseCoopers-PWC, Deloitte, EY) hoặc 01 (một) trong 30 (ba mươi) công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Việc lựa chọn sẽ được Ban kiểm soát đề xuất cụ thể gửi đến Hội đồng quản trị và báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ Đại hội đồng cổ đông liền kề.
13. Thông qua Báo cáo về kết quả phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo quy định tại Thông tư 11/2021/TT-NHNN.
14. Thông qua Báo cáo công khai lợi ích liên quan của các TV HĐQT, BKS và Ban TGĐ định kỳ hàng năm (năm 2021).

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Cơ quan TTGSNH – NHNN;
- NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu Thư ký HĐQT.



NGHỊ QUYẾT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VietBank);
- Căn cứ Quy chế về Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị VietBank;
- Căn cứ Nghị quyết số 02/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 05/10/2021 của Đại hội đồng cổ đông VietBank;
- Căn cứ Nghị quyết số 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021 của Hội đồng quản trị VietBank;
- Căn cứ Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐQT ngày 14/03/2022 của Hội đồng quản trị VietBank;
- Nghị quyết số 01/2022/NQ-DHĐCĐ ngày 26/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông VietBank;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 28/11/2022,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị nhất trí nội dung sau:

1. Thông qua nội dung tại Tờ trình số 316/2022/TT-TGDĐ ngày 22/11/2022 của Quyền Tổng giám đốc về việc chào bán Trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín năm 2022 theo phương thức phát hành ra công chúng đợt 2. Đồng thời, thống nhất ban hành kèm theo Nghị quyết này Phương án phát hành ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín năm 2022 đợt 2.
2. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện các nội dung phê duyệt trên của Hội đồng quản trị theo đúng quy định pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ khi triển khai thực hiện.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/11/2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Văn phòng Hội đồng quản trị, các Khối/Trung tâm/Phòng/Ban Hội sở và các đơn vị trong toàn hệ thống VietBank chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận: *[Signature]*

- Cổ đông (đăng Website VietBank);
- Như Điều 3;

Sao kính gửi:

- Ban Kiểm soát (để biết);
- Lưu Thư ký HĐQT.





**PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH RA CÔNG CHỨNG, PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN (VIETBANK) NĂM 2022
ĐỢT 2**

(V/v phát hành ra công chứng 1.900 tỷ VND Trái Phiếu Vietbank năm 2022 đợt 2)

Đính kèm theo Nghị quyết số. 85/2022/NQ-HĐQT ngày 29/11/2022

V/v Thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chứng năm 2022 đợt 2

A. Tổng quan về Tổ Chức Phát Hành:

Tên đầy đủ bằng Tiếng Việt	: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN.	
Tên viết tắt bằng tiếng Anh	: VIET NAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK.	
Tên viết tắt bằng Tiếng Anh	: VIETBANK	
Địa chỉ trụ sở chính	: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.	
Điện thoại	: 0299 3886666	Fax: 0299 3615666
Vốn điều lệ	: 4.776.826.690.000 đồng Việt Nam (Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng Việt Nam).	
Giấy phép thành lập	: Số 2391/QĐ-NHNN, ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	
Giấy phép hoạt động	: Số 2399/QĐ-NHNN, ngày 15/12/2006 do Thống đốc NHNN cấp; Và được sửa đổi, bổ sung bằng các Quyết định số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006; 2441/QĐ-NHNN ngày 28/10/2008; Quyết định số 2499/QĐ-NHNN ngày 18/11/2011; Quyết định số 2699/QĐ-NHNN ngày 22/12/2011; Quyết định số 2126/QĐ-NHNN ngày 10/10/2017; Quyết định số 2283/QĐ-NHNN ngày 30/10/2017; Quyết định số 2114/QĐ-NHNN ngày 10/10/2019; 954/QĐ-NHNN ngày 14/05/2020.	
Giấy CNDKKD	: Số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 09/05/2022.	

- Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Ngân hàng cụ thể như sau:

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
1.	Hoạt động huy động vốn - Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác. - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được Thống đốc NHNN chấp thuận.

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
	<ul style="list-style-type: none"> - Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của tổ chức tín dụng nước ngoài. - Vay vốn ngắn hạn của NHNN theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNN.
2.	<p>Hoạt động tín dụng</p> <p>Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới các hình thức cho vay, chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.</p>
3.	<p>Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung ứng các phương tiện thanh toán. - Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng. - Thực hiện các dịch vụ thu hộ, chi hộ. - Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN. - Thực hiện các dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật - Thực hiện dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng. - Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước. Việc tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế phải được NHNN chấp thuận.
4.	<p>Các hoạt động khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật. - Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của NHNN. - Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được NHNN chấp thuận. - Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý. - Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật. - Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật. - Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật. - Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.

STT	Các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh
5.	Kinh doanh trái phiếu và các giấy tờ có giá khác: <ul style="list-style-type: none"> - Mua, bán trái phiếu và giấy tờ có giá khác. - Tham gia giao dịch trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ. - Các hoạt động kinh doanh trái phiếu, giấy tờ có giá khác phù hợp với quy định pháp luật.
6	- Hoạt động kinh doanh, mua bán vàng miếng.
7	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong các lĩnh vực có liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN. - Dịch vụ môi giới tiền tệ. - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư. - Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
8	- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định.
9	- Đầu tư hợp đồng tương lai Trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật và NHNN Việt Nam

- Kết quả kinh doanh 03 năm gần nhất của Vietbank:

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Tổng tài sản (tỷ đồng)	68.928	91.505	103.377
Tổng thu nhập hoạt động (tỷ đồng)	1.744	1.681	2.258
Tổng chi phí hoạt động (tỷ đồng)	1.077	1.253	1.142
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng rủi ro tín dụng (tỷ đồng)	54	48	480
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	5.018	5.278	5.744
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu (lần)	13	16	17
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	486	300	507
LNST/VCSH bình quân (%)	10,20	5,82	9,19
Số lượng CN/PGD (CN, PGD)	1 trụ sở chính, 20 CN, 93 PGD	1 trụ sở chính, 25 CN, 93 PGD	1 trụ sở chính, 25 CN, 93 PGD
Số lượng nhân viên (người)	2.300	2.512	2.561

B. Phương án phát hành Trái Phiếu

1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010; Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội ngày 17/06/2020("Luật Doanh nghiệp");
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội ngày 26/11/2019 ("Luật Chứng khoán");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("NĐ155/2020");
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ("TT96/2020");
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng ("TT118/2020");
- Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("TT41/2016");
- Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("TT22/2019"); Thông tư 08/2020/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN;
- Thông tư 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 của NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("TT01/2021");
- Các văn bản pháp luật sửa đổi/thay thế các văn bản trên trong từng thời kỳ;
- Các văn bản pháp luật có liên quan khác;
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh và nhu cầu huy động và sử dụng vốn của Vietbank trong năm 2021.

2. Đánh giá điều kiện phát hành Trái Phiếu

Vietbank đáp ứng đủ các điều kiện phát hành Trái Phiếu theo quy định tại Luật Chứng khoán và NĐ155/2020 và các văn bản pháp luật sửa đổi/ thay thế các văn bản trên trong từng thời kỳ, cụ thể:

- Vietbank là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam. Tài liệu chứng minh là Giấy phép thành lập Số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy phép hoạt động;
- Có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán từ 30 tỷ đồng trở lên tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán: Vốn điều lệ của Vietbank tại thời điểm đăng ký chào bán là 4.776.826.690.000 đồng. Tài liệu chứng minh là Giấy CNĐKKD số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 09/05/2022.
- Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán phải có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm. Tài liệu chứng minh là cam kết hoàn tất nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành;

- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua. Tài liệu chứng minh sẽ là Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Vietbank thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ngân hàng Vietbank;
- Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác. Tài liệu chứng minh là Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng. Tài liệu chứng minh là Hợp đồng tư vấn ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và tổ chức tư vấn;
- Tổ Chức Phát Hành (Vietbank) không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Tổ Chức Phát Hành phải mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán theo quy định của pháp luật.
- Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán. Tài liệu chứng minh là Văn bản cam kết của Hội đồng quản trị về việc triển khai niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.
- Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ đạm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Tài liệu chứng minh là Báo cáo Công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn của Tổ Chức Phát Hành tại ngày 31/12/2021.

3. Trái Phiếu phát hành (Sau đây gọi là "Trái Phiếu")

<i>a.</i>	<i>Tổ Chức Phát Hành</i>	: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
<i>b.</i>	<i>Loại hình doanh nghiệp</i>	: Tổ chức tín dụng (Công ty cổ phần)
<i>c.</i>	<i>Trụ sở chính</i>	: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
<i>d.</i>	<i>Giấy ĐKKD</i>	: Số 2200269805 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 09/05/2022.
<i>e.</i>	<i>Tên gọi Trái Phiếu</i>	: Trái Phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
<i>f.</i>	<i>Đồng tiền phát hành và thanh toán</i>	: Đồng Việt Nam (VND)
<i>g.</i>	<i>Mệnh giá</i>	: Mệnh giá là mười triệu (10.000.000 VND) đồng.
<i>h.</i>	<i>Loại Trái Phiếu</i>	: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản của Tổ Chức Phát Hành, thoả mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật.

i.	Tổng mệnh giá phát hành tối đa dự kiến	: 1.900.000.000.000 VND (Một nghìn chín trăm tỷ đồng). (Trong đó: 900 tỷ chào bán chưa thành công từ đợt 01 chuyển sang; 1000 tỷ của đợt 2 đã đăng ký).
j.	Thời gian phát hành	: Dự kiến từ Quý IV năm 2022 đến Quý I năm 2023 Đợt phát hành kéo tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết khối lượng sẽ chuyển sang đợt phát hành sau. Thời gian thực hiện cụ thể giao cho TT HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường.
k.	Đối tượng mua Trái Phiếu	: Đối tượng mua giấy tờ có giá là các tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (<i>theo quy định tại Điều 4 TT01/2021</i>)
l.	Địa điểm phát hành	: Hội sở, các Trung tâm kinh doanh của Vietbank, và/hoặc các đại lý phát hành Trái Phiếu cho Vietbank.
m.	Phương thức phát hành	: Phát hành ra công chúng, thông qua phương thức trực tiếp phát hành và/hoặc các phương thức phát hành khác
n.	Hình thức phát hành	: Trái Phiếu định danh được phát hành ra công chúng theo hình thức bút toán ghi sổ.
o.	Kỳ hạn của Trái Phiếu	: 07 năm Vietbank có quyền mua lại từ sau 02 năm kể từ ngày phát hành.
p.	Lãi suất trái phiếu hoặc nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu	Lãi suất áp dụng: <ul style="list-style-type: none"> • Năm năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,50%/năm • Hai năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3,50%/năm Lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi suất tham chiếu được làm tròn 2 chữ số sau phần thập phân. Lãi suất tham chiếu được xác định theo Bản công bố thông tin chào bán.

q.	<i>Phương thức trả lãi và gốc</i>	<p>: Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được thanh toán theo mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc Ngày Đến Hạn khác để thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn.</p> <p>Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, dự kiến định kỳ 01 (một) năm một lần.</p> <p>Ngân hàng được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ</p>
r.	<i>Tổ chức tư vấn phát hành</i>	<p>Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.</p>
s.	<i>Đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển quyền sở hữu (nếu có)</i>	<p>Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ đại lý đăng ký, lưu ký, thanh toán và quản lý chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.</p>
t.	<i>Đại lý phát hành (nếu có)</i>	<p>Tổ chức được phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ, được Tổ Chức Phát Hành lựa chọn.</p>
u.	<i>Cam kết công bố thông tin</i>	<p>Vietbank cam kết thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo Quy định của Pháp luật có liên quan về phát hành Trái Phiếu doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác của thông tin công bố.</p>
v.	<i>Cam kết niêm yết Trái phiếu</i>	<p>Tổ chức phát hành cam kết thực hiện niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định của Pháp luật</p>
w.	<i>Quy định liên quan:</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức phát hành được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị thua lỗ. - Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác. - Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp. Trong trường hợp Tổ chức phát hành thanh lý, phá sản, Người sở hữu Trái phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ chức phát hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp). Các Trái phiếu phát hành cùng một Đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái phiếu nào.

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ Chức Phát Hành không nhận chiết khấu Trái Phiếu hoặc mua bán có kỳ hạn Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành trừ trường hợp mua lại trước hạn theo điều khoản mua lại trước hạn. - Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền sở hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình sở hữu và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, cho, tặng, để thừa kế, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật. - Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng đó chấp thuận. Người Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật và quy định của Tổ Chức Phát Hành. - Tuỳ theo tình hình của thị trường và quyết định của Tổ Chức Phát Hành, Trái phiếu có thể kèm theo quyền mua lại trước hạn của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc quyền bán lại trước hạn của Người Sở Hữu Trái Phiếu. - Trái Phiếu phải được bảo quản cẩn thận, không tẩy xóa, sửa chữa, làm rách, nhau nát. Trái Phiếu bị sửa chữa, tẩy xóa sẽ không có giá trị thanh toán. Khi mất, hỏng Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo ngay bằng văn bản cho Vietbank. Nếu không thông báo kịp thời, mọi rủi ro phát sinh, Vietbank sẽ không đảm bảo điều kiện thanh toán theo quy định. - Khi nhận Trái Phiếu, Nhà Đầu Tư mặc nhiên đã đọc, hiểu đầy đủ, chính xác và cam kết sẽ tuân thủ theo quy định của đợt phát hành Trái Phiếu và quy định về phát hành Trái Phiếu trong nước của Vietbank. - Các quyền và nghĩa vụ khác quy định cụ thể trong Bản công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành và tuân thủ quy định Pháp luật Việt Nam.
x.	Các điều khoản, điều kiện khác của Trái Phiếu	Các điều khoản, điều kiện khác của Trái Phiếu phù hợp với quy định của Pháp luật và được quy định cụ thể trong Bản Công Bố Thông Tin phát hành Trái Phiếu.

Hội đồng quản trị (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông) được quyền quyết định các vấn đề liên quan tới nội dung của Trái phiếu với mục đích mang lại lợi ích cao nhất cho Vietbank.

C. Phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu:

1. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu

Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu năm 2022 sẽ được Vietbank sử dụng tăng quy mô hoạt động và cho vay, chi tiết như sau:

	Mục đích sử dụng	Kế hoạch (tỷ VND)
1 Tăng vốn cấp 2		
+ Hoạt động cho vay		1.900
+ Hoạt động đầu tư		
+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành		
2 Tăng quy mô vốn khác		
+ Hoạt động cho vay		
+ Hoạt động đầu tư		
+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành		

Số tiền thực tế giải ngân đối với từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh trong từng Đợt Phát Hành phụ thuộc vào khối lượng Trái phiếu phát hành thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế.

2. Phương án thanh toán gốc và lãi trái phiếu

Nguồn thanh toán gốc và lãi trái phiếu được lấy từ các nguồn chính sau:

- **Thanh toán lãi trái phiếu:** lãi thu được từ các lĩnh vực mà Vietbank dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành trái phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ hết đi chi phí sẽ được sử dụng để thanh toán lãi trái phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của Vietbank bị lỗ.
- **Thanh toán gốc trái phiếu:** Vietbank sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) huy động vốn từ nền kinh tế, (ii) lợi nhuận kinh doanh của Vietbank và/hoặc (iii) các nguồn khác để thanh toán gốc trái phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trái phiếu trước hạn



Sóc Trăng, ngày 16 tháng 03 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín (Vietbank);
- Căn cứ Quy chế về Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Vietbank;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 06/03/2023,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị nhất trí nội dung sau:

- Thông qua đề xuất của Quyền Tổng giám đốc tại Tờ trình số 58/2023/TT-TGD ngày 01/03/2023 về điều chỉnh nội dung trong Phương án phát hành và chào bán Trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín năm 2022 theo phương thức phát hành ra công chúng đợt 2, chi tiết như sau:
 - a. Thời gian phát hành: Dự kiến trong Quý IV năm 2022 đến Quý II năm 2023 sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
 - b. Các nội dung khác liên quan đến Trái phiếu phát hành: Theo Phương án phát hành đã được phê duyệt tại Nghị quyết số NQ 85/2022/NQ-HĐQT ngày 29/11/2022.
- Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện các nội dung phê duyệt trên của Hội đồng quản trị theo đúng quy định pháp luật, NHNN và Điều lệ khi triển khai thực hiện.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/03/2023.

Điều 3. Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Văn phòng HĐQT, các Khối/Trung tâm/Phòng/Ban Hội sở và các đơn vị trong toàn hệ thống Vietbank chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nơi nhận:

- Như Điều 3;

Sao kính gửi:

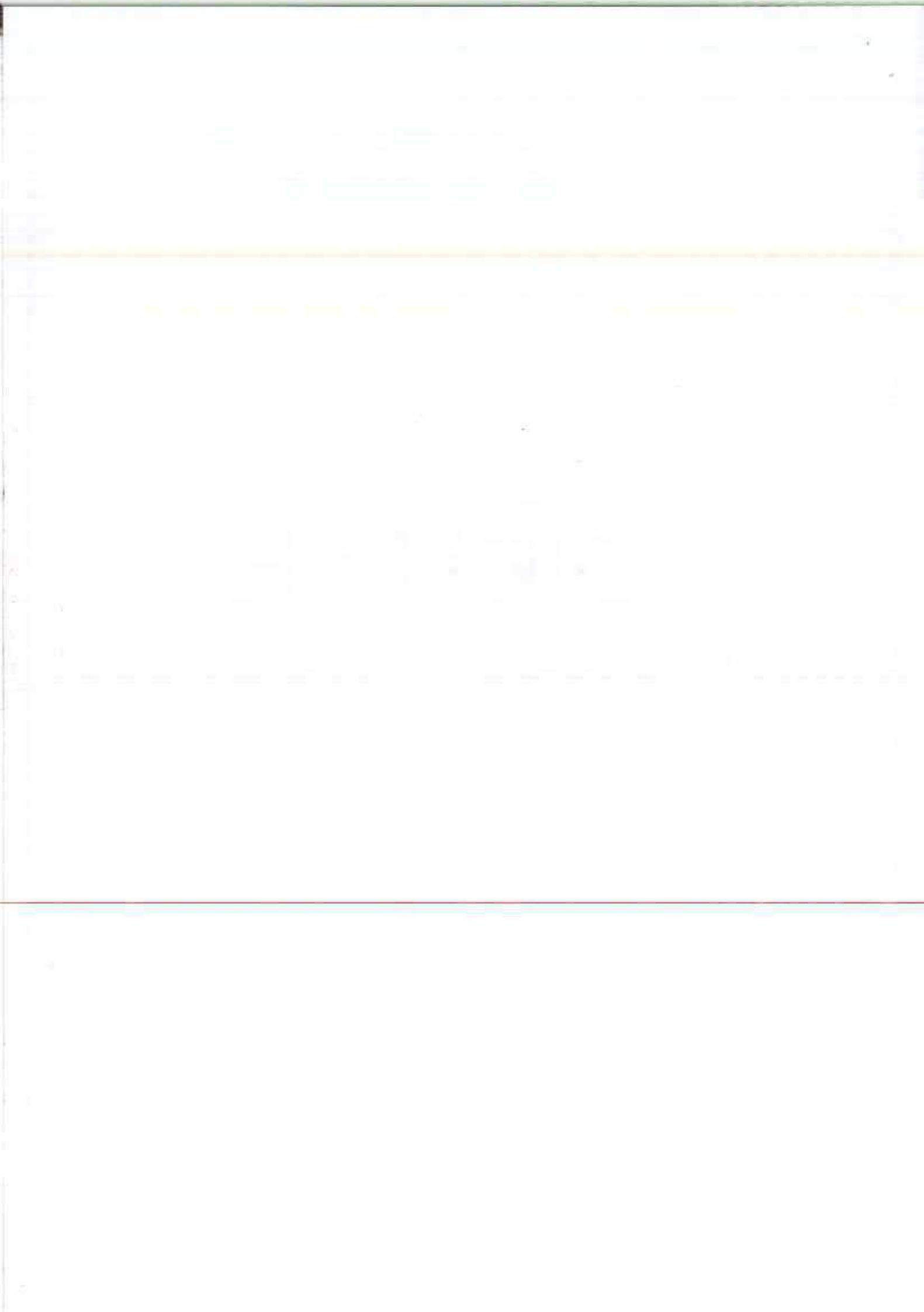
- Ban Kiểm soát (để biết);

Lưu Thư ký HĐQT.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

ĐIỀU LỆ

THÁNG 4/2021



ĐIỀU LỆ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín là Ngân hàng thương mại cổ phần (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 26/04/2021 và thay thế các Điều lệ trước đây.

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như sau:
 - a. Địa bàn kinh doanh: là phạm vi địa lý được ghi trong giấy phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mà tại đó Ngân hàng được thiết lập các điểm hoạt động theo quy định của pháp luật.
 - b. Vốn điều lệ: là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ này.
 - c. Cổ tức: là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Ngân hàng sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
 - d. Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
 - e. Ngày thành lập: là ngày mà Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - f. Cổ đông sáng lập: là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Ngân hàng.
 - g. Pháp luật: là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.
 - h. Luật CTCTD: là Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng.
 - i. Vốn pháp định: là vốn tối thiểu theo yêu cầu của pháp luật để thành lập Ngân hàng.
 - j. Cổ đông lớn: là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.
 - k. Người quản lý: bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ này.
 - l. Người điều hành: bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này.
 - m. NHNN: là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - n. Cổ phần: là vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.

- o. Cổ phiếu: là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng.
 - p. Cổ đông: tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một Cổ phần của Ngân hàng.
 - q. Sổ đăng ký cổ đông: có thể là văn bản, lập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật;
 - r. Thời hạn hoạt động: là thời gian Ngân hàng được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Ngân hàng có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.
 - s. Việt Nam: là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - t. Luật Phá sản: là Luật Phá sản được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2014.
 - u. Người có liên quan: là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 28 Điều 4 của Luật CTCTD, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
 - v. Địa chỉ liên lạc: là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Ngân hàng để làm địa chỉ liên lạc.
 - w. Giấy tờ pháp lý của cá nhân: là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.
 - x. Giấy tờ pháp lý của tổ chức: là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II THÔNG TIN CỦA NGÂN HÀNG

Điều 2. Tên, địa chỉ, thời hạn hoạt động và thông tin về cổ đông sáng lập của Ngân hàng

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín được phép hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006 do Thống đốc NHNN cấp và có:

1. Tên cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín
Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Việt Nam Thương Tín
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
Tên viết tắt bằng tiếng Anh: Vietbank
3. Trụ sở chính đặt tại: 47 Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
Điện thoại: 079 3 621008 Fax: 079 3 621858
Email: callcenter@vietbank.com.vn Trang web: www.vietbank.com.vn
4. Ngân hàng có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Ngân hàng phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Địa chỉ, tên gọi và một số thông tin về các chi nhánh



văn phòng đại diện, công ty con được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Vietbank khi có sự thay đổi.

5. Điều lệ tổ chức và hoạt động, các cơ quan quản lý và điều hành.
6. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN và các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN. Số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu của Ngân hàng do Hội đồng quản trị quyết định, việc quản lý, lưu giữ và sử dụng con dấu được thực hiện theo quy định của Tổng giám đốc.
7. Bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.
8. Thời hạn hoạt động là 50 năm.
9. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng:
 - a. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là:
 - i. Tổng giám đốc; hoặc
 - ii. Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian khuyết chức danh Tổng giám đốc mà chưa hoàn tất việc bổ nhiệm người khác thay thế.
 - b. Người đại diện theo pháp luật sẽ đại diện cho Ngân hàng thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Ngân hàng, đại diện cho Ngân hàng với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
 - c. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người quản lý, người điều hành của Ngân hàng đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
 - d. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định của Khoản này mà người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây: Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trở lại làm việc tại Ngân hàng hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.
 - e. Trường hợp người đại diện pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.
10. Họ, tên, địa chỉ và quốc tịch của cổ đông sáng lập của Ngân hàng:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch
1	Dương Ngọc Hòa	598 B Nguyễn Đình Chiểu, P.3, Q.3, TP.HCM	Việt Nam
2	Đặng Ngọc Lan	104 Tô Hiến Thành, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	Việt Nam
3	Cao Văn Đức	149 Tổ 13 Liễu Giai, P.Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	Việt Nam
4	Ngân hàng TMCP Á Châu	442 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, TP.HCM	Việt Nam



CHƯƠNG III

MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Ngân hàng

1. Lĩnh vực kinh doanh của Ngân hàng là: hoạt động kinh doanh tiền tệ, làm dịch vụ ngân hàng với nội dung nhận tiền gửi và sử dụng tiền gửi để cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ thanh toán, ngân quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Mục tiêu của Ngân hàng là:
 - a. Lợi nhuận;
 - b. Cung ứng cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao;
 - c. Tạo điều kiện cho nhân viên phát triển;
 - d. Góp phần xây dựng kinh tế xã hội của đất nước.
3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động:
 - a. Ngân hàng được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Ngân hàng.
 - b. Ngân hàng có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo quy định của NHNN, quy định của pháp luật và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - c. Ngân hàng không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy phép được NHNN cấp cho Ngân hàng.

Điều 4. Nội dung hoạt động chính

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a. Cho vay;
 - b. Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - c. Bảo lãnh ngân hàng;
 - d. Phát hành thẻ tín dụng;
 - e. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;
 - f. Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được NHNN chấp thuận.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:
 - a. Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chì hộ;
 - b. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được NHNN chấp thuận.

Điều 5. Các hoạt động khác

Ngoài các hoạt động chính quy định tại Điều 4, Ngân hàng được phép thực hiện các hoạt động khác kể từ thời điểm được Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định chấp thuận bổ sung ngành nghề, hoạt động vào Giấy phép hoạt động của Ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn đối với các hoạt động khác sau đây:



- Ngân hàng được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực như bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng. Ngoài các lĩnh vực này, trường hợp Ngân hàng muốn góp vốn, mua cổ phần vào các lĩnh vực khác thì phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của NHNN.
- Góp vốn với tổ chức tín dụng nước ngoài để thành lập lỗ tổ chức tín dụng liên doanh tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của lỗ tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam.
- Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của NHNN.
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng nhà nước quy định.
- Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, được thành lập công ty trực thuộc hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật.
- Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài sản bảo đảm, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
- Cung ứng các dịch vụ:
 - Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
 - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
 - Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
 - Dịch vụ môi giới tiền tệ.
 - Lưu ký chứng khoán, kinh doanh mua, bán vàng miếng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
- Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
- Cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Các hoạt động khác theo quy định pháp luật.

Điều 6. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước

Ngân hàng được vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 7. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính

Ngân hàng được vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Công ty cho thuê tài chính

Ngân hàng phải thành lập Công ty cho thuê tài chính khi hoạt động cho thuê tài chính.

Điều 9. Tài khoản tiền gửi của Ngân hàng

- Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại NHNN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng và duy trì tại đó số dư tiền gửi dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN.
- Chi nhánh của Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của chi nhánh.

Điều 10. Kinh doanh bất động sản

Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;
2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết, thuộc sở hữu của Ngân hàng;
3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 (ba) năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định theo quy định pháp luật.

Điều 11. Tỷ lệ an toàn

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VI Luật CTCĐD và theo quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản "có" và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ: 4.190.199.040.000 đồng (*bốn ngàn một trăm chín mươi lăm, một trăm chín mươi chín triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng*) được chia thành 419.019.904 (*Bốn trăm mươi chín triệu không trăm mươi chín ngàn chín trăm lẻ bốn*) cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (*Mười ngàn đồng*).
Mức vốn điều lệ nêu trên có thể thay đổi phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của NHNN trong từng thời kỳ. Trong trường hợp Ngân hàng có nhu cầu tăng vốn điều lệ thì tại thời điểm Ngân hàng nhận được Văn bản chấp thuận, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của Ngân hàng nhà nước về mức vốn điều lệ Vietbank, quy định về mức vốn điều lệ tại khoản này sẽ được tự động cập nhật theo Văn bản chấp thuận đó.
2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
3. Ngân hàng phải đảm bảo mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
4. Ngân hàng không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của chính Ngân hàng.
5. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích:
 - a. Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Ngân hàng không quá tỷ lệ quy định của NHNN;
 - b. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của NHNN;
 - c. Mua chứng chỉ quỹ đầu tư, thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật;
 - d. Cho vay;
 - e. Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thay đổi vốn điều lệ

1. Việc thay đổi điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được đăng ký, chấp thuận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật hiện hành.
2. Sau khi thay đổi vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Ngân hàng phải đăng ký với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vốn Điều lệ mới và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Vốn hoạt động của Ngân hàng

Vốn hoạt động của Ngân hàng gồm các nguồn sau:

1. Vốn điều lệ của Ngân hàng.
2. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch lô giá.
3. Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.
4. Vốn huy động theo các hình thức quy định tại Điều 4 của Điều lệ này.
5. Lợi nhuận được để lại chưa phân phối.
6. Vốn tài trợ, vốn ủy thác đầu tư để cho vay theo các chương trình, dự án có mục tiêu riêng của Chính phủ giao.
7. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

Điều 15. Cổ phần, cổ đông

1. Ngân hàng phải có số lượng và cơ cấu cổ đông, tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông phù hợp với quy định pháp luật. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua cổ phần của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác.
2. Các loại cổ phần, cổ đông: Ngân hàng có cổ phần phổ thông, người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.
3. Cổ phần của Ngân hàng có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác được quy định tại Điều lệ này và theo các quy định của pháp luật.
4. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.
5. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Ngân hàng;
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng quy định khác;
 - d. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ Ngân hàng quy định.
6. Bất kỳ cổ phần phổ thông mới nào được dự kiến phát hành sẽ được chào bán trước tiên cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông hiện có của cổ đông tại Ngân hàng. Việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn 20 ngày) đăng ký mua cổ phần. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Ngân hàng đúng thời hạn như thông báo thì cổ đông liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông



của Ngân hàng hoặc người khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được chào bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Ngân hàng có thể mua cổ phần do chính Ngân hàng đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Ngân hàng mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Ngân hàng có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 16. Giới hạn sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng.
2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ các trường hợp sau đây:
 - a. Sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
 - b. Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật CTCTD.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều này. Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% (năm phần trăm) trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.
4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.
5. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.

Điều 17. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu của Ngân hàng phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
 - b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - f. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng và ngày phát hành cổ phiếu;
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Ngân hàng phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Ngân hàng cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đền trả Ngân hàng để tiêu hủy;
 - b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

4. Mỗi cổ đông sẽ được Ngân hàng cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
5. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp miễn phí một giấy chứng nhận sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng 30 (ba mươi) ngày (hoặc thời hạn lâu hơn theo quy định của điều khoản phát hành hoặc của Hội đồng quản trị về việc chuyển nhượng).
6. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu, cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và Ngân hàng phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
7. Ngân hàng có thể quản lý cổ phiếu hộ cổ đông hoặc cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Ngân hàng cấp cổ phiếu mới.
8. Cổ phiếu của Ngân hàng không được dùng để đảm bảo cho các khoản cấp tín dụng tại chính Ngân hàng.
9. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, Ngân hàng phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua đối với Ngân hàng tăng vốn điều lệ.

Điều 18. Chào bán, chuyển nhượng cổ phần

1. Chào bán cổ phần:
 - a. Chào bán cổ phần là việc Ngân hàng tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
 - i. Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu;
 - ii. Chào bán cổ phần ra công chúng;
 - iii. Chào bán cổ phần riêng lẻ.
 - b. Việc chào bán cổ phần thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
 - c. Ngân hàng thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.
2. Cổ phần của cổ đông nắm giữ cổ phiếu được coi là đã chuyển nhượng khi các thông tin quy định tại Điều 21 của Điều lệ này được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông;
3. Thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký có số dư cổ phiếu Ngân hàng. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm lên và các thông tin của cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng.
4. Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng, danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký cung cấp cho Ngân hàng là căn cứ duy nhất để xác định quyền và nghĩa vụ của cổ đông.
5. Trừ khi pháp luật có quy định khác, việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.
6. Việc chuyển nhượng cổ phiếu được thực hiện căn cứ theo các quy định của Luật CTCTD, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định hướng dẫn thi hành. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng, hình thức chuyển nhượng được xác lập bằng văn bản do Hội đồng quản trị quy định cụ thể; văn bản chuyển nhượng được

chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng hay đại diện được ủy quyền hợp pháp của những người này ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin tại điểm d khoản 1 Điều 21 của Điều lệ này vào Sổ đăng ký cổ đông đối với cổ phiếu chưa lưu ký hoặc đã có sổ dư lưu ký chứng khoán tại một thành viên lưu ký; kể từ thời điểm đó, người nhận chuyển nhượng cổ phần được công nhận là cổ đông của Ngân hàng. Người chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông. Ngân hàng phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ công ty.

7. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.
8. Các cổ đông nước ngoài muốn chuyển nhượng cổ phần Ngân hàng phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị Ngân hàng. Thủ tục chuyển nhượng cổ phần của cổ đông nước ngoài do Hội đồng quản trị quy định.
9. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
10. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 19. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Ngân hàng.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Hội đồng quản trị quyết định kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán vào thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG VI CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Ngân hàng bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

MỤC I CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 21. Sổ đăng ký cổ đông

1. Ngân hàng phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Diễn biến tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, tổng số cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.
3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
4. Ngân hàng cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ.

Điều 22. Quyền hạn của cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Ngân hàng và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới khi Ngân hàng tăng vốn điều lệ theo quy định tại khoản 6 Điều 15 của Điều lệ này; được chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần cho người khác;

- d. Được chuyển nhượng cổ phần theo quy định trong Điều lệ này, phù hợp với các quy định của Luật CTCTD, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan;
 - e. Được nhận thông tin về tình hình hoạt động của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này; được xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình (bao gồm cả việc ủy quyền bằng văn bản cho người khác trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông) theo Điều lệ này; người được ủy quyền không được ủy quyền lại và không được ứng cử với tư cách của chính mình;
 - g. Khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần các tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào Ngân hàng theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản;
 - h. Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng hoặc theo quy định của pháp luật nếu Điều lệ không quy định. Danh sách ứng cử phải được gửi tới Hội đồng quản trị trong thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.
 - i. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Ngân hàng có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Ngân hàng công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ Nghị quyết, quyết định đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên ngoài những quyền quy định tại Khoản 2 Điều này còn có quyền sau đây:
- a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
 - b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này;
 - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phần phổ thông ngoài những quyền quy định tại Khoản 2, khoản 3 Điều này còn có thêm quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc đề cử thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử;
 - c. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - c. Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này.
6. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải thực hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, sổ giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc sổ giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.
2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Ngân hàng.
3. Chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
4. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp.
5. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để thu lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra với Ngân hàng.
7. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

8. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
9. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; nếu không cung cấp thông tin cho Ngân hàng, trong trường hợp Ngân hàng phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, Ngân hàng có quyền đình chỉ các quyền cổ đông liên quan đến số cổ phần không công khai chủ sở hữu thực sự.
10. Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
11. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

Điều 24. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng và tất cả các cổ đông có tên trong danh sách đăng ký cổ đông đều có quyền tham dự. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.
2. Đại hội đồng cổ đông được Hội đồng quản trị triệu tập, địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ này quy định.

Điều 25. Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.
 - b. Khi số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% số cổ phần phổ thông trở lên khi xảy ra các trường hợp quy định tại K5 Điều 22 Điều lệ này;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp các cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại khoản 1 Điều này.
3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như quy định, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng và cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

5. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Ngân hàng thanh toán, vì mục đích rõ ràng, các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự Đại hội đồng cổ đông, như chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí liên quan khác.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ và quyền hạn:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
 - b. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
 - c. Phê chuẩn quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
 - e. Quyết định mức thù lao, thường và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - f. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
 - g. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng;
 - h. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ;
 - i. Thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - j. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
 - k. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - l. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
 - m. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - n. Quyết định thành lập công ty con;
 - o. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức linh dụng khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p. Quyết định đầu tư, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - q. Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng;
 - r. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
 - s. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
 - t. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu biểu quyết quyết định của Đại hội đồng cổ đông về:

- a. Bất kỳ hợp đồng nào quy định tại điểm p khoản 1 Điều này và tại Điều 40 của Điều lệ này mà cổ đông đó hoặc một người có liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
 - b. Bất kỳ việc mua lại cổ phần nào từ cổ đông đó hoặc bất kỳ người có liên quan nào của cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
3. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết các quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 27. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và được lập xong không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Mỗi cổ đông đều có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Người quản lý Ngân hàng phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Điều 28. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền lại cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên người được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Trong trường hợp khác, giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 29. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập một danh sách các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết như quy định tại Điều 27 của Điều lệ này, chuẩn bị chương trình họp, các tài liệu phù hợp với quy định của pháp luật và các quy chế của Ngân hàng và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm Đại hội;
 - c. Gửi Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo và tài liệu phải được gửi chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi kèm chương trình họp và các tài liệu, thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Thông báo họp và tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi bằng phương thức bao dàm qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp. Trong trường hợp là nhân viên của Ngân hàng, thông báo có thể được gửi tới từng cá nhân trong các phòng bankin để tại nơi làm việc.
3. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông sẽ được đăng trên trang web của Ngân hàng đồng thời với việc gửi cho các cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội sẽ được gửi cho các cổ đông hoặc và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trong trường hợp chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan không được gửi kèm Giấy mời họp, Giấy mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử, cách thức tải tài liệu để các cổ đông tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 22 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Ngân hàng, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp thuận và đưa kiến nghị trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ này và không phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đính kèm thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông và biên bản

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp, không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp, tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.
2. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
 - a. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập bởi Ban kiểm soát hoặc cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 của Điều lệ này thì sau khi có đủ số cổ đông và người được ủy quyền đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định dự họp, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm điều khiển để Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết nhằm bầu một người làm chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông trong số các cổ đông và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu sẽ đề cử thư ký để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tọa sẽ cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
6. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
7. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi:
 - a. Trừ trường hợp được quy định tại Điểm b khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;



- b. Đối với quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
- d. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó;
8. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
9. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể thêm bằng tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - Đại biểu tham dự, họ tên chủ tọa và thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - Các vấn đề được thảo luận và các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua, và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua lương ứng và những vấn đề còn tồn đọng;
 - Tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
10. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và phải được gửi đến cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi

bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Biên bản sẽ là bằng chứng cho các nội dung công việc đã được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông.

11. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và các văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại các trụ sở của Ngân hàng. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi cho Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.
12. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành nhằm bảo đảm các cổ đông có quyền dự họp được đăng ký. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông phải làm thủ tục đăng ký, ký tên vào Sổ chữ ký có nêu rõ số cổ phần và loại cổ phần của mình.
13. Khi tiến hành đăng ký, Ngân hàng sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, tên của cổ đông và người đại diện ủy quyền và số phiếu biểu quyết mà cổ đông đó có. Biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ tán thành một quyết định và sau đó thu số thẻ phủ quyết quyết định đó, và sau đó đếm tổng số phiếu biểu quyết.
14. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội đó để cho những cổ đông này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
15. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trực xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
16. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
17. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 14 Điều này, ~~Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp~~ cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 31. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Ngoại trừ các vấn đề thuộc quy định tại các điểm a,b, d, f, h, I, p và r khoản 1 Điều 26 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện phải được sự đồng ý tán thành bằng văn bản của các cổ đông đại diện trên 75 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.
2. Để các quyết định được các cổ đông nhất trí thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:
 - a. Quyết định các vấn đề cần đưa ra xem xét lấy ý kiến của các cổ đông, cách thức và nội dung biểu quyết theo Điều lệ này và pháp luật;

- b. Gửi phiếu lấy ý kiến và các tài liệu liên quan đến vấn đề cần xin ý kiến biểu quyết, trong đó quy định ngày phải gửi trả lại ("Ngày hoàn trả") các tài liệu đó (nếu cần) kèm văn bản nêu rõ ý kiến biểu quyết của cổ đông cho Ngân hàng và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 27 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ này. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.
- c. Tổng hợp ý kiến biểu quyết để xác định quyết định của Đại hội đồng cổ đông và trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ Ngày hoàn trả, Hội đồng quản trị phải có văn bản thông báo kết quả biểu quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông gửi cho Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.
3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức sau đây:
- Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
4. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng.
5. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các quyết định đã được thông qua;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.



Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông trực tiếp biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này, trừ trường hợp theo quy định tại Khoản 8 Điều 30 Điều lệ này.
2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

MỤC II

ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 33. Nhiệm vụ chung

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
3. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Điều 34. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.

Điều 35. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.

Điều 36. đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.

Điều 37. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức

Được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.

Điều 38. Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

1. Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban, các thành viên Ban kiểm soát, người điều hành của Ngân hàng có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của mình theo quyết định của NHNN trong trường hợp vi phạm quy định tại Điều 35 của Điều lệ này, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; NHNN có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
2. Trường hợp Ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt tại Ngân hàng có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ quyền quản trị, điều hành, kiểm soát Ngân hàng của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban, thành viên Ban kiểm soát; người điều hành nếu xét thấy cần thiết.



3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

MỤC III

CÁC NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác có nghĩa vụ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo cách thức mà những người này xét là có lợi cho Ngân hàng phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này với mức độ thận trọng mà một người cẩn thận thông thường cũng sẽ thực hiện tương tự khi ở vào điều kiện và hoàn cảnh tương tự.

Điều 40. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác được ủy thác trách nhiệm không được sử dụng cho bản thân những cơ hội kinh doanh mà Ngân hàng có thể sử dụng để tạo lợi thế riêng cho Ngân hàng và không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ đang nắm giữ để thu lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác có nghĩa vụ khai báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ quyền lợi nào có thể gây xung đột mà họ có thể có ở các tổ chức kinh tế khác, các giao dịch hoặc cá nhân khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị (gồm các thành viên Hội đồng quản trị không có quyền lợi liên quan) đã xem xét và chấp thuận.
3. Các Hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật CTCTD, trừ các trường hợp quy định tại điểm p khoản 1 Điều 26, khoản 10 Điều 44 Điều lệ này với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng, công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng, các đối tượng quy định tại Điều 41 Điều lệ này chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:
 - a. Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được ~~Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi ký~~. Trường hợp này, người đại diện cho Ngân hàng ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch mà Điều lệ này quy định tỷ lệ biểu quyết cao hơn. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.
 - b. Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Hội đồng quản trị thông qua trước khi ký. Trường hợp này, người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng.



đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội đồng quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.

4. Trường hợp hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 3 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Ngân hàng phải có trách nhiệm bồi thường.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác không được mua, bán hoặc giao dịch cổ phiếu Ngân hàng hay các công ty trực thuộc khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.

Điều 41. Nghĩa vụ công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh, tỷ lệ và thời điểm mà mình hoặc/ và người có liên quan làm chủ hoặc đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác;
 - b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
4. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cảm và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường của Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.
2. Ngân hàng sẽ bồi thường các chi phí phát sinh (kể cả chi phí luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khiếu kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính mà không phải là việc kiện tụng do Ngân hàng thực hiện) nếu người đó thực hiện nhiệm vụ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác, cán bộ, nhân viên của Ngân hàng mà những người này phải tham gia hoặc đại diện được ngân hàng ủy quyền, với điều kiện những



người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của Ngân hàng một cách trung thực, cẩn trọng, mẫn cán với năng lực chuyên môn vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 43. Thành phần và nhiệm kỳ

- Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị với tỷ lệ trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 5 (năm) năm.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Ngân hàng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

- Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thông báo việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN. Kết quả bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải được thông báo cho NHNN theo quy định.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:
 - Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng;
 - Không làm thành viên Hội đồng quản trị tại tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam.

Điều 44. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

- Chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.

2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ này.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng.
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, người phụ trách quản trị công ty và người quản lý, người điều hành khác theo quy định của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng. Ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.
5. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
6. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người này.
7. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại điểm p khoản 1 Điều 26 Điều lệ này.
8. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật CTCTD, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm q khoản 1 Điều 26 của Điều lệ này.
9. Thông qua các hợp đồng của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Ngân hàng bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
11. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật CTCTD và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát (bao gồm chuẩn mực đạo đức đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ) hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
12. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
13. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc. Nội dung chi tiết được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Ngân hàng.
14. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên.
15. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
16. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
17. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
18. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.

19. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng.
20. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
21. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan (bao gồm Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị) để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
22. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
23. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
24. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
25. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
26. Giữa hai kỳ họp Hội đồng quản trị, một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị sẽ được giao cho Thường trực Hội đồng quản trị giải quyết theo quyết định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.

Điều 45. Quyền hạn, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền, nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
 - g. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị.
 - h. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.
 - i. Ít nhất mỗi năm 01 (một) lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
 - j. Các quyền, nghĩa vụ khác quy định tại khoản 2 Điều này và quy định tại Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền, nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông.
 - b. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
 - c. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường.
 - d. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.
 - e. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- f. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
- g. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho Ngân hàng các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng.
- h. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.
- i. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

Điều 46. Thủ lao của thành viên Hội đồng quản trị

Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương mà hưởng thù lao công vụ, thường và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Mức thù lao, thường do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng số thường, phí công vụ (thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và số phí công vụ mà mỗi thành viên Hội đồng quản trị đã nhận sẽ được nêu chi tiết trong Báo cáo hàng năm của Ngân hàng.

Điều 47. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiệm mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.
3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Điều lệ này, thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
6. Sau Đại hội đồng cổ đông đầu tiên, những người được bầu giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc triển khai và hoàn tất những công việc thành lập Ngân hàng.
7. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, sau khi được bầu, có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 48. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thi cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc

kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ hoặc bất thường. Trình tự, thủ tục triệu tập các cuộc họp, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
3. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quy định.
4. Số thành viên tham dự yêu cầu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).
Trường hợp triệu tập họp Hội đồng quản trị từ lần thứ hai trở đi, trình tự, thủ tục, lý lệ số thành viên tham dự được căn cứ theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
5. Nguyên tắc biểu quyết:
 - a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - b. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).
 - c. Những nội dung về biểu quyết, không được biểu quyết, xung đột lợi ích, tuyên bố quyền lợi,... được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
6. Biên bản: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và và có thể lập bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý ngang nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Chủ tọa, thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng quản trị.

7. Các hình thức họp Hội đồng quản trị:

Ngoài họp trực tiếp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được họp dưới các hình thức khác nhau như điện thoại, hội nghị trực tuyến (video conference),...

8. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị: Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi cho các Bộ phận/cá nhân liên quan để triển khai thực hiện.

Chi tiết về trình tự, thủ tục, ủy quyền tham dự họp, các nội dung của Biên bản họp và các nội dung khác của cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín và Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.

Điều 49. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị được phép sử dụng bộ máy giúp việc và con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ của mình.
2. Hội đồng quản trị sẽ có các nhân viên giúp việc chuyên trách và sẽ quy định cụ thể con số và các nhiệm vụ của mỗi thành viên giúp việc.

3. Hội đồng quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Hội đồng quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của NHNN.

Điều 50. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Ngân hàng bổ nhiệm ít nhất 01 người thực hiện nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty của Ngân hàng. Người phụ trách quản trị công ty có thể do Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị và/hoặc Thư ký Hội đồng quản trị đảm nhiệm. Tiêu chuẩn, chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thư ký chuyên trách và quy định chức năng, nhiệm vụ của thư ký. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm thư ký vào bất cứ thời điểm nào khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hai hoặc nhiều người có thể được bổ nhiệm là đồng thư ký; chức năng, nhiệm vụ của thư ký bao gồm:
 - a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
 - b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
 - c. Tham dự và ghi biên bản các cuộc họp.
 - d. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
 - e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông.
 - f. Các công việc khác theo quy định của Hội đồng quản trị.
 - g. Thư ký Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

MỤC V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 51. Tổng giám đốc

1. Điều hành hoạt động Ngân hàng là Tổng giám đốc, giúp việc Tổng giám đốc có một số Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn, nghiệp vụ.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định lương, thưởng, bồi thường, các quyền lợi và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc. Thông tin về mức lương, thưởng, trợ cấp, bồi thường và các quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Ngân hàng.
3. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.
4. Trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm; Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng giám đốc được thực hiện theo Luật CTCTD, quy định của NHNN.

Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Tổng giám đốc mới chưa được bổ nhiệm thì Tổng giám đốc của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Tổng giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.

- Phó Tổng giám đốc là người giúp Tổng giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công của Tổng giám đốc. Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công.
- Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị chỉ được ra quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc sau khi đã được NHNN có văn bản chấp thuận danh sách dự kiến việc bổ nhiệm. Trình tự, thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của NHNN.
- Tổng giám đốc sau khi được bổ nhiệm, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
- Trường hợp Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách thì Hội đồng quản trị phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 34 của Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có báo cáo bằng văn bản lên Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính theo quy định.
- Trong thời hạn tối đa 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị nhận được đơn xin từ chức của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới theo quy định của NHNN.
- Trường hợp Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 34 của Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng giám đốc gửi Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính giải quyết theo quy định hiện hành.

Điều 53. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc có quyền hạn và nhiệm vụ như sau:

- Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng.
- ~~Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.~~
- Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
- Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
- Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soá, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của tổ chức tín dụng.
- Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.
- Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
- Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.



10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
11. Ký kết hợp đồng nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng.
12. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Ngân hàng ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Ngân hàng theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
13. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng.
14. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.
15. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

MỤC VI BAN KIỂM SOÁT

Điều 54. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát với tỷ lệ trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có ít nhất 03 (ba) thành viên, trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác.
3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát sau khi được bầu có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
6. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.

Điều 55. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Nhiệm vụ đối với kiểm toán nội bộ bao gồm:



- a. Trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động của kiểm toán nội bộ.
 - b. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ;
 - c. Giám sát kiểm toán nội bộ trong việc:
 - i. Thực hiện kiểm toán nội bộ;
 - ii. Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;
 - iii. Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
 - iv. Các nội dung khác do Ban Kiểm soát quy định.
 - d. Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm toán nội bộ sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
 - e. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nội bộ phù hợp theo quy định pháp luật.
5. Thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
6. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
7. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông
8. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý tổ chức tín dụng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.
9. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
10. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.
11. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật CTCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao.
12. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
13. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, định chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
14. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng;

15. Giám sát tình hình tài chính của Ngân hàng, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
17. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
18. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 56. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát có quyền, nghĩa vụ như sau:
 - a. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 45 của Luật CTCTD.
 - b. Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
 - c. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
 - d. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Điều 25 của Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
 - e. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
 - f. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.
 - h. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
 - i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
 - j. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
 - k. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền hạn, nghĩa vụ như sau:
 - a. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.
 - b. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.
 - c. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.
 - d. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
 - e. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
 - f. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.
 - g. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
 - h. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.



3. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tinh chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.
- Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, di lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát và thư ký phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

Điều 57. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 35 và Điều 36 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của NHNN.
2. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành.
3. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
4. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 58. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau Ngày Thành lập. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 07 (bảy) ngày. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
3. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng.
4. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền.

Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát từ lần thứ hai trở đi, trình tự, thủ tục, tỷ lệ số thành viên tham dự được căn cứ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

5. Nguyên tắc biểu quyết:

- a. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát.
 - b. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).
 - c. Những nội dung về biểu quyết, không được biểu quyết, xung đột lợi ích, tuyên bố quyền lợi,... được quy định chi tiết tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
6. Biên bản: Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Ban kiểm soát.

Chi tiết về trình tự, thủ tục, ủy quyền tham dự họp và các nội dung khác của cuộc họp Ban kiểm soát được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VII CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NGÂN HÀNG

Điều 59. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng

1. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng chủ yếu bao gồm:
 - a. Trụ sở chính;
 - b. Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, kể cả tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính;
 - c. Chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.
2. Ngân hàng được phép mở Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, kể cả tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính, Chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài khi có nhu cầu theo quy định của NHNN. Cơ cấu tổ chức của các đơn vị trên sẽ do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 60. Bộ máy giúp việc của Tổng giám đốc

1. Các Phó Tổng giám đốc;
2. Kế toán trưởng;
3. Các Khối, Trung tâm, Phòng, Ban, Văn phòng.

CHƯƠNG VIII QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG

Điều 61. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ Ngân hàng

1. Cổ đông lớn được quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các cổ đông của Ngân hàng và các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Ngân hàng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được ủy quyền phải được kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ sách kế toán của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Ngân hàng vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- Ngân hàng phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung của Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo tài chính hàng năm đã được xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- Điều lệ sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử (website) chính thức của Ngân hàng.

CHƯƠNG IX NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 62. Người lao động và Công đoàn

Ngân hàng sẽ phải xây dựng quy chế liên quan đến việc tuyển dụng, sử dụng lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Ngân hàng cũng như quan hệ của Ngân hàng với tổ chức Công đoàn.

CHƯƠNG X PHẦN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 63. Cổ tức

- Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận rộng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng. Ngân hàng chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - Ngân hàng đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - Đã trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
 - Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- ~~Căn cứ theo kế hoạch và mức chi trả cổ tức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Ngân hàng.~~
- Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Ngân hàng hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật. Cổ tức được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Ngân hàng đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Ngân hàng đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ đông thì Ngân hàng không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
- Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:



- a. Tên và địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
 - b. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
 - c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
 - e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.
5. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Ngân hàng không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này. Ngân hàng phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.
6. Căn cứ theo kế hoạch và mức chi trả cổ tức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữ kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Ngân hàng.
7. Ngân hàng không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
8. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
9. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Ngân hàng.

CHƯƠNG XI

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUÝ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 64. Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng được xây dựng phù hợp với quy định của Luật CTCTD, hướng dẫn của NHNN và các quy định của pháp luật có liên quan và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức độ vốn và kiểm toán nội bộ.
2. Ngân hàng phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:
 - a. Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - b. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
 - c. Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.
3. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.

Điều 65. Kiểm toán nội bộ

1. Tổ chức của Kiểm toán nội bộ

Kiểm toán nội bộ được tổ chức thành Ban kiểm toán nội bộ, trực thuộc Ban kiểm soát và chịu sự chỉ đạo của Ban kiểm soát.

2. Mục tiêu hoạt động và chức năng cơ bản của Kiểm toán nội bộ

- a. Hoạt động vì sự an toàn, hiệu quả của Ngân hàng.



- b. Rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về mức độ đầy đủ, tinh thích hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của Vietbank.
- c. Phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và hoạt động của Ngân hàng.
- d. Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin và hoạt động liên tục của hệ thống thông tin hoạt động nghiệp vụ.
- e. Dưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy định, quy trình, góp phần bảo đảm Vietbank hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

Các nội dung chi tiết về tổ chức, mục tiêu hoạt động, chức năng của kiểm toán nội bộ được quy định cụ thể tại Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ.

Điều 66. Kiểm toán viên nội bộ

1. Kiểm toán viên nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ.
2. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp:

Kiểm toán viên nội bộ phải đảm bảo thực hiện đúng quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hiện công tác kiểm toán nội bộ và tư vấn. Các quy tắc đạo đức nghề nghiệp cơ bản gồm:

- a. Chính trực.
- b. Khách quan.
- c. Bảo mật.
- d. Trách nhiệm.
- e. Thận trọng.

Nội dung chi tiết của các quy tắc đạo đức nghề nghiệp được quy định tại Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ

3. Đối với Trưởng Ban kiểm toán nội bộ ngoài việc đảm bảo các quy tắc đạo đức nghề nghiệp quy định nêu trên và theo Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ, còn phải có biện pháp theo dõi, đánh giá, quản lý nhằm đảm bảo các kiểm toán viên nội bộ tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp.
4. Đối với Kiểm toán viên công nghệ, ngoài các tiêu chuẩn nêu tại Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ, đồng thời phải có kinh nghiệm làm việc trong ngành công nghệ thông tin tối thiểu là 02 (hai) năm.

Điều 67. Trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm toán nội bộ

1. Trách nhiệm của Ban kiểm toán nội bộ
 - a. Bảo mật tài liệu, thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.
 - b. Chịu trách nhiệm trước Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ được giao;
 - c. Kiểm toán viên nội bộ chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Trưởng kiểm toán nội bộ về nhiệm vụ kiểm toán được giao.
2. Quyền hạn của Ban kiểm toán nội bộ
 - a. Được trang bị đầy đủ các nguồn lực (nhân lực, tài chính, tài sản và các phương tiện khác) cần thiết;
 - b. Được cung cấp các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công tác kiểm toán nội bộ, bao gồm cả các văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - c. Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật, hoặc theo quy định tại Điều lệ này, quy định nội bộ của Ngân hàng;

- d. Được phỏng vấn các cá nhân về nội dung liên quan đến kiểm toán nội bộ; kiến nghị cấp có thẩm quyền theo quy định nội bộ của Ngân hàng xử lý đối với hành vi bất hợp tác của cá nhân, bộ phận trong quá trình thực hiện kiểm toán nội bộ.
- 3. Nhiệm vụ của Ban kiểm toán nội bộ:
 - a. Thực hiện kiểm toán nội bộ đối với trụ sở chính, chi nhánh và đơn vị phụ thuộc khác của Ngân hàng;
 - b. Xây dựng, rà soát đề trình Ban kiểm soát ban hành, sửa đổi, bổ sung: (i) Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ theo quy định của NHNN; (ii) Quy định nội bộ của Ban kiểm soát; (iii) Kế hoạch kiểm toán nội bộ;
 - c. Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, các cá nhân, bộ phận trực thuộc Ngân hàng;
 - d. Thực hiện các kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác đối với kiểm toán nội bộ;
 - e. Lập báo cáo về kiểm toán nội bộ theo quy định của NHNN.
- 4. Các trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ khác của Ban kiểm toán nội bộ được quy định cụ thể tại Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ.

Điều 68. Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 69. Sử dụng vốn

1. Ngân hàng được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.
2. Ngân hàng được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.
3. Ngân hàng được điều động vốn và tài sản giữa các công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập.

Điều 70. Các quỹ dự trữ

Ngân hàng được trích lập các quỹ sau:

1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
2. Quỹ dự phòng tài chính;
3. Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ;
4. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm;
5. Quỹ khen thưởng;
6. Quỹ phúc lợi.

Điều 71. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng

Ngân hàng tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 72. Chế độ Kế toán

1. Chế độ kế toán Ngân hàng sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

- Ngân hàng lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Ngân hàng lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Ngân hàng tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Ngân hàng.
- Ngân hàng sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
- Ngân hàng thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN quy định.

CHƯƠNG XII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 73. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

- Ngân hàng phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN. Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 75 Điều lệ này.
- Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Ngân hàng trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Ngân hàng tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
- Ngân hàng phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và NHNN/cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Ngân hàng phải được công bố trên website của Ngân hàng.
- Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Ngân hàng, tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
- Ngoài những báo cáo định kỳ, Ngân hàng báo cáo ngay với NHNN trong những trường hợp sau:
 - Điển biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Ngân hàng;
 - Thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức của Ngân hàng.
- Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng gửi các báo cáo hàng năm đến NHNN theo quy định của pháp luật.

Điều 74. Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng

Ngân hàng phải lập và công bố Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XIII

KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG

Điều 75. Kiểm toán

- Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. Trong quá trình kiểm toán, Ngân hàng có trách nhiệm cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời các thông tin theo yêu cầu của Kiểm toán viên. Ngân hàng phải chuẩn bị và gửi cho công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính bán niên (sau khi kết thúc kỳ báo cáo 06 tháng) và báo cáo tài chính năm (sau khi kết thúc mỗi năm tài chính).
4. Tổ chức kiểm toán độc lập của Ngân hàng kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Ngân hàng và phải lập Báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
5. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán phải được gửi định kèm báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm của Ngân hàng.
6. Kiểm toán viên của tổ chức kiểm toán độc lập được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán viên.
7. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Ngân hàng có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Ngân hàng có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
8. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật CTCTD, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN.

CHƯƠNG XIV ÁP DỤNG CAN THIỆP SỚM, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 76. Áp dụng can thiệp sớm

1. Ngân hàng Nhà nước xem xét áp dụng can thiệp sớm khi Ngân hàng lâm vào một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa được đặt vào kiểm soát đặc biệt:
 - a. Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 03 tháng liên tục theo quy định của Luật CTCTD;
 - b. Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn trong thời gian 06 tháng liên tục theo quy định của Luật CTCTD;
 - c. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước thực trạng, nguyên nhân, phương án khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này và tổ chức triển khai thực hiện. Thời hạn thực hiện phương án khắc phục tối đa là 01 năm, kể từ ngày có văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt áp dụng can thiệp sớm sau khi Ngân hàng khắc phục được tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này hoặc khi Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt.

Điều 77. Báo cáo và kiểm soát đặc biệt

1. Ngân hàng được xem xét đặt vào kiểm soát đặc biệt khi lâm vào một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - b. Số lỗ lũy kế của tổ chức tín dụng lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - c. Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn trong thời gian 12 tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% trong thời gian 06 tháng liên tục theo quy định của Luật CTCTD;



- d. Xếp hạng yếu kém trong 02 năm liên tục theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng thanh toán, Ngân hàng phải kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về thực trạng, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng, các biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục và các đề xuất, kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước.

Điều 78. Giải thể Ngân hàng

1. Ngân hàng bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản;
 - b. Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản;
 - c. Bị thu hồi Giấy phép.
2. Việc giải thể Ngân hàng trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của NHNN theo quy định.

Điều 79. Thanh lý Ngân hàng

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Ngân hàng hoặc sau khi có một quyết định giải thể Ngân hàng, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Ngân hàng hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Ngân hàng ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Ngân hàng.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho NHNN/Cơ quan đăng ký doanh nghiệp về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Ngân hàng trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Ngân hàng trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thời vụ, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Ngân hàng;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm a đến Điểm e Khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.
4. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản Ngân hàng quy định tại khoản 2 Điều này, nếu phát hiện Ngân hàng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, NHNN ra quyết định chấm dứt thanh lý và yêu cầu Ngân hàng nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng quy định tại Điều 155 của Luật CTCTD.

CHƯƠNG XV GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 80. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng, tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, do Luật CTCTD, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính giữa:
 - a. Cổ đông và Ngân hàng; hoặc

- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.
- Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi một) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung tâm hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án để giải quyết.
 3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XVI SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 81. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải gửi NHNN theo quy định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

CHƯƠNG XVII NGÀY HIỆU LỰC

Điều 82. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 17 chương 82 điều, có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Điều lệ được lập thành 05 (năm) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Ngân hàng và có giá trị như nhau.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Ngân hàng có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ HUY DŨNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DUONG NHAT NGUYEN

NGÂN HÀNG TMCP
VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3352/2021/CV-VB

Sóc Trăng, ngày 16 tháng 12 năm 2021

V/v: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của
Tổ Chức Phát Hành

**CAM KẾT THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ**

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ("Tổ Chức Phát Hành") dự kiến phát hành các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định hiện hành, có tổng mệnh giá tối đa là 3.000.000.000.000 VND (bằng chữ: Ba nghìn tỷ đồng) ("Trái Phiếu") theo các điều khoản và điều kiện cụ thể được nêu trong Bản Cáo Bạch đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng, Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu số 03.112021/HĐNĐD/VB-HDBS được ký kết ngày 15/11/2021 giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB với tư cách là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu ("Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu").

Tổ Chức Phát Hành bằng văn bản này cam kết với Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn ở các cam kết về (i) điều kiện phát hành Trái Phiếu, (ii) việc thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu, (iii) việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu và (iv) các điều kiện khác được nêu cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu được quy định tại Bản Cáo Bạch của Tổ Chức Phát Hành.

Trân trọng cảm ơn./.

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Dương Nhất Nguyên

Số 144/2022/CV-TGD

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 09 năm 2022

BÁO CÁO

KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 202/GCN-UBCK

do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/07/2022)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín
- Tên viết tắt: VietBank
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.
- Số điện thoại: (0299) 362 1454 Số fax: (0299) 362 1858 Website: <https://www.vietbank.com.vn/>
- Vốn điều lệ: 4.776.826.690.000 đồng (Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ, tám trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng)
- Mã cổ phiếu: VBB
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở Giao Dịch Ngân Hàng Nhà Nước
Số hiệu tài khoản: 120146 (Citad Code 79356001)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12/01/2007, cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 09/05/2022.
- Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Giấy phép thành lập số 2391/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 14/12/2006, Giấy phép hoạt động số 2399/QĐ/NHNN do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 15/12/2006 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung.

II. Phương án chào bán

- Tên trái phiếu: Trái phiếu VietBank chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 1).
- Loại trái phiếu: Trái Phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietBank theo quy định hiện hành.
- Mã trái phiếu: Sẽ được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp theo quy định hiện hành sau khi

VietBank hoàn tất đợt chào bán và thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD.

4. Mệnh giá trái phiếu: 10.000.000 VND (Mười triệu đồng)/Trái Phiếu

5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 300.000 (Ba trăm nghìn) Trái Phiếu, dự kiến phát hành 03 (ba) đợt; trong đó: số lượng trái phiếu chào bán Đợt 1 là: 100.000 (Một trăm nghìn) Trái Phiếu.

6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng); trong đó giá trị Trái Phiếu chào bán theo mệnh giá Đợt 1 là: 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).

7. Kỳ hạn trái phiếu: Trái Phiếu Đợt 1 có kỳ hạn: 07 (Bảy) năm.

8. Lãi suất:

Lãi suất áp dụng cho Trái phiếu Đợt 1 là lãi suất thả nổi được quy định như sau:

- Năm năm đầu: Lãi Suất Tham Chiếu + 2,50%.
- Hai năm cuối: Lãi Suất Tham Chiếu + 3,50%.

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.

Ngày Xác Định Lãi Suất:

- Đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Ngày Công Bố Thông tin .
- Đối với Kỳ Tính Lãi tiếp theo: Ngày Làm Việc thứ 07 (Bảy) trước Ngày Thanh Toán Lãi.
- Lãi Suất Tham Chiếu cho Kỳ Tính Lãi thứ 01: 5,58%. Lãi Suất Trái phiếu cho Kỳ Tính Lãi thứ 01: 8,08%.

9. Kỳ trả lãi: Định kỳ 01 (một) năm một lần.

10. Giá chào bán: 10.000.000 VND (Mười triệu đồng)/Trái Phiếu.

11. Phương thức phân phối: Phân phối trực tiếp cho Nhà Đầu Tư thông qua các kênh phân phối tại Chi nhánh/Phòng giao dịch của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tin.

12. Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền: Từ ngày 25/07/2022 đến 12h00 ngày 15/09/2022

13. Ngày kết thúc đợt chào bán: 15/09/2022

14. Ngày dự kiến chuyển giao trái phiếu: Trong vòng tối đa 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu, Nhà Đầu Tư sẽ nhận Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tại Tổ Chức Phát Hành hoặc chi nhánh/phòng giao dịch của Tổ Chức Phát Hành.

III. Kết quả chào bán trái phiếu

Đối tượng mua trái phiếu	Giá chào bán (đồng/trái phiếu)	Số trái phiếu chào bán	Số trái phiếu được đăng ký mua	Số trái phiếu đầu tư	Số nhà đầu tư đăng ký mua	Số nhà đầu tư được phân phổi	Số nhà đầu tư không được phân phổi	Số trái phiếu còn lại	Tỷ lệ trái phiếu
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9=3-5	10=5/3
1. Nhà đầu tư cá nhân, trong đó:		50.000	0	0	0	0	0	50.000	0%
- Nhà đầu tư trong nước	10.000.000	50.000	0	0	0	0	0	50.000	0%
- Nhà đầu tư nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	10.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0%
2. Nhà đầu tư tổ chức, trong đó:		50.000	10.000	10.000	1	1	0	40.000	20%
- Nhà đầu tư trong nước	10.000.000	50.000	10.000	10.000	1	1	0	40.000	20%
- Nhà đầu tư nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư	10.000.000	0	0	0	0	0	0	0	0%
Tổng số		100.000	10.000	10.000	1	1	0	90.000	10%

Trường hợp có bảo lãnh phát hành, nếu kết quả phân phổi trái phiếu cho tổ chức bảo lãnh phát hành theo cam kết tại hợp đồng (số lượng, giá, trường hợp có tổ chức bảo lãnh thì nếu từng tổ chức). Không có.

3/4

IV. Tổng hợp kết quả đợt chào bán trái phiếu

1. Tổng số trái phiếu đã phân phối: 10.000 trái phiếu, tương đương 10% tổng số trái phiếu chào bán.
2. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 100.000.000.000 đồng.
3. Tổng chi phí: 1.320.000.000 đồng.
 - Phí bảo lãnh phát hành (*nếu có*): 0 đồng.
 - Phí phân phối trái phiếu (*nếu có*): 0 đồng.
 - Phí kiểm toán (*nếu có*): 0 đồng.
 - Chi phí khác: 1.320.000.000 đồng.
4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 98.680.000.000 đồng.

V. Cơ cấu vốn của Tổ chức phát hành sau đợt chào bán

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Trước đợt chào bán (cuối ngày 24/07/2022)	Sau đợt chào bán (cuối ngày 16/09/2022)
1. Tổng nợ	74.681.871	73.023.999
- Nợ ngắn hạn	34.935.334	32.377.126
- Nợ dài hạn	36.161.367	36.961.703
- Trái phiếu chưa đáo hạn	3.585.170	3.685.170
2. Tổng vốn chủ sở hữu	6.062.527	6.156.238
3. Tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu	12,32	11,86

VI. Tài liệu gửi kèm

1. Văn bản xác nhận của ngân hàng/chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán;
2. Tài liệu khác (*nếu có*).

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 09 năm 2022

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



Nguyễn Hữu Trung

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

THU ĐƯỢC TỪ CÁC ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
MÃ TRÁI PHIẾU VBB122033 TẠI NGÀY 18/04/2023

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

(Đã được kiểm toán)



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
4. Báo cáo tình hình sử dụng vốn	06 - 11
5. Bản thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn	12 - 15

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng, mã trái phiếu VBB122033 tại ngày 18/04/2023 (gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn").

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Dương Nhất Nguyên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Trung	Phó Chủ tịch
	kiêm Thành viên HĐQT độc lập
Bà Quách Tô Dung	Thành viên
Bà Lê Thị Xuân Lan	Thành viên
Bà Lương Thị Hương Giang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hữu Trung	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Trần Đoan Trinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Danh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Khoa Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nguyễn Thế Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Huy Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Từ ngày 12 tháng 12 năm 2022
Từ ngày 21 tháng 03 năm 2022
Đến ngày 16 tháng 03 năm 2022
Từ ngày 13 tháng 02 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hứa Ngọc Nghĩa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung	Thành viên
Ông Mạc Hữu Danh	Thành viên chuyên trách

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Dương Nhất Nguyên, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán và Định giá ASCO đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng, mã trái phiếu VBB122033 tại ngày 18 tháng 04 năm 2023.

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn phù hợp với cơ sở lập được trình bày tại Thuyết minh số II và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số III phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn. Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán" trong việc lập và trình bày Báo cáo tiền độ sử dụng vốn, các yêu cầu của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về "Hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán" trong việc công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Trong việc lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn theo cơ sở lập được trình bày tại Thuyết minh số II và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số III phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Phê duyệt Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt Báo cáo tình hình sử dụng vốn đính kèm. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng, mã trái phiếu VBB122033 tại ngày 18 tháng 04 năm 2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình huy động và sử dụng vốn trái phiếu thu được cũng như phù hợp với các yêu cầu công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Quyền Tổng Giám đốc *[ký]*



Nguyễn Hữu Trung

Sóc Trăng, Ngày 19 tháng 04 năm 2023



CÔNG TY TNHH HÀNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

Số 2, ngõ 308 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
08 2509 2007 0102374170 ascogascovn wwwascovn



Số: 82/2023/ASCO-BCKT-NV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỘ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng, mã trái phiếu VBB122033 tại ngày 18 tháng 04 năm 2023 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (gọi tắt là "Ngân hàng"), được lập ngày 19 tháng 04 năm 2023, từ trang 06 đến trang 15, bao gồm Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng và bản Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn tại ngày 18 tháng 04 năm 2023 (sau đây gọi chung là "Báo cáo tình hình sử dụng vốn"). Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập phù hợp với cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng vốn được trình bày tại Thuyết minh số II và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số III phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng tại ngày 18 tháng 04 năm 2023 phù hợp với Thuyết minh số II – Cơ sở lập Báo cáo; Thuyết minh số III – Tóm tắt chính sách kế toán chủ yếu và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng vốn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng vốn của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Do đặc thù của các tổ chức tài chính nói chung và Ngân hàng nói riêng, số tiền thu được từ các kênh huy động vốn, bao gồm cả Trái phiếu sẽ được gộp và hòa vào tổng nguồn vốn huy động để sử dụng cho các mục đích của Ngân hàng. Do đó, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục phân tích, đối chiếu, bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng vốn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng vốn.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng, mã trái phiếu VBB122033 tại ngày 18 tháng 04 năm 2023 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tin, đã được lập, trên khía cạnh trọng yếu, phù hợp với cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn như đã trình bày tại Thuyết minh số II và các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số III của Báo cáo tình hình sử dụng vốn và các quy định pháp lý có liên quan.

Giới hạn về đối tượng nhận và sử dụng báo cáo kiểm toán

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II và Thuyết minh số III phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng vốn mô tả cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng vốn mà Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tình hình sử dụng vốn và tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu. Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập để Ngân hàng sử dụng cho mục đích cung cấp thông tin và đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước và Trái chủ sở hữu trái phiếu mã VBB122033 theo quy định của Pháp luật. Vì thế, Báo cáo tình hình sử dụng vốn này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Hàng Kiểm toán và Định giá ASCO

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Phạm Ngọc Quân

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4493-2019-149-1

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2023

Phan Đình Dũng

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4887-2019-149-1

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Địa chỉ: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng, mã trái phiếu VBB122033
tại ngày 18 tháng 04 năm 2023 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÁC ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tên tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
GCN đăng ký kinh doanh	Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2007, và lần điều chỉnh gần nhất ngày 09 tháng 05 năm 2022. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là thời hạn 50 năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2006.
Địa chỉ trụ sở chính	Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
Mã cổ phiếu	VBB
Điện thoại	(0299) 388 6666
Loại hình doanh nghiệp	Ngân hàng TMCP
Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính	Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm hoạt động sau đây: 1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác. 2. Cấp Tín dụng dưới các hình thức sau đây: Cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; bảo lãnh ngân hàng; phát hành thẻ Tín dụng; bao thanh toán trong nước. 3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng. 4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, Ủy nhiệm chi, nhờ thu, Ủy nhiệm thu, thư Tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ. 5. Mở tài khoản; Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; mở tài khoản tại tổ chức Tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác. 6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. 7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn. 8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư. 9. Tham gia đấu thầu, mua, bán Tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ. 10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. 11. Dịch vụ môi giới tiền tệ. 12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, Tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức Tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của



NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Địa chỉ: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)

Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức Tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 17. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. 18. Kinh doanh mua, bán vàng miếng. 19. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ. 20. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÁC ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Tên gọi Trái phiếu	: Trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín chào bán ra công chúng năm 2022 theo 3 đợt, có các tên gọi như sau (được gọi chung là "Trái phiếu"):
	<ul style="list-style-type: none">- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 1);- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 2);- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 3).
Loại Trái phiếu	: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được đảm bảo bằng tài sản của Tổ chức phát hành, thỏa mãn các điều kiện để được Tính vào vốn cấp 2 theo quy định hiện hành của pháp luật.
Mệnh giá	: Mệnh giá là mươi triệu đồng (10.000.000 VND).
Giá phát hành	: 100% mệnh giá.
Tổng mệnh giá phát hành tối đa dự kiến	: 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng).
Loại tiền tệ phát hành	: Đồng Việt Nam (VND).
Kỳ hạn	: Từ 06 đến 10 năm (Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Ngân hàng cân đối kỳ hạn phát hành trái phiếu theo từng đợt).
Phương thức phát hành	: Phát hành ra công chúng, thông qua phương thức trực tiếp phát hành và/hoặc các phương thức phát hành khác.
Đối tượng mua trái phiếu	: Đối tượng mua giấy tờ có giá là các tổ chức (bao gồm cá tổ

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Địa chỉ: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)

	chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân Việt Nam và tổ chức cá nhân nước ngoài.
Lãi suất trái phiếu hoặc nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu	: Lãi suất cố định; Lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa Lãi suất cố định và Lãi suất thả nổi.
	Tổ chức phát hành sẽ quyết định phương thức xác định và mức lãi suất trái phiếu phù hợp vào điều kiện thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành trong từng thời kỳ.
Số đợt phát hành	: Dự kiến 03 đợt phát hành: <ul style="list-style-type: none">- Đợt 1: 100.000 (Một trăm nghìn) trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng);- Đợt 2: 100.000 (Một trăm nghìn) trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng);- Đợt 3: 100.000 (Một trăm nghìn) trái phiếu tương đương 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).
	Đợt phát hành kéo dài tối thiểu 20 ngày, tối đa 90 ngày theo quy định của pháp luật. Khoảng cách giữa đợt chào bán sau với đợt chào bán trước không quá 12 tháng. Trường hợp đợt phát hành trước chưa chào bán hết lượng sẽ chuyển sang đợt phát hành sau.
Thời gian phát hành	: Dự kiến trong Quý I, Quý II & Quý III năm 2022, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán nhà nước.
Phương thức trả lãi và gốc	: Tiền gốc trái phiếu sẽ được thanh toán theo mệnh giá trái phiếu vào ngày đáo hạn của trái phiếu hoặc ngày đến hạn khác để thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn. Tiền lãi trái phiếu được trả sau, dự kiến định kỳ 01 (một) năm một lần.
	Ngân hàng được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ.
Tài sản đảm bảo	: Không có.

II. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VÀ TRÀ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

MÃ TRÁI PHIẾU VBB122033

- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 15/2022/NQ – HĐQT ngày 14/03/2022 thông qua phương án phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 1 như sau:
 - Mục đích phát hành**
 - Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn cấp 2 của Ngân hàng, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Địa chỉ: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)

của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

- Số tiền thực tế giải ngân đối với từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh trong từng Đợt phát hành phụ thuộc vào khối lượng trái phiếu phát hành thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế.

b. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được

- Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu sau khi trừ đi các chi phí liên quan đến đợt phát hành (nếu có) sẽ được Tổ chức phát hành sử dụng phù hợp với các mục đích phát hành nêu trên.

- Theo thẩm quyền được giao bởi Hội đồng quản trị Tổ chức phát hành có quyền quyết định mức phân bổ số tiền thu được từ việc chào bán các trái phiếu cho mục đích và phương án nêu trên trên cơ sở linh hoạt và phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ của Tổ chức phát hành.

c. Tổng khối lượng các trái phiếu dự kiến phát hành đợt 1

- Tổng mệnh giá phát hành tối đa: 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng).

Theo đó, Ngân hàng đã hoàn tất việc phát hành:

- Tổng số trái phiếu đã phát hành: 10.000 Trái phiếu;
- Tổng số tiền thu được từ phát hành: 100.000.000.000 VND.

d. Những thay đổi, điều chỉnh (nếu có) và nguyên nhân, lý do điều chỉnh: Không có.

2. Điều kiện và điều khoản chính của mã trái phiếu

Tên gọi Trái phiếu	:	Trái phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín chào bán ra công chúng năm 2022 (Đợt 1).
Mã số trái phiếu	:	VBB122033 (Mã phát hành trước khi đăng ký trung tâm lưu ký VSD là VBBL2229003).
Tổ chức phát hành	:	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
Nhà đầu tư	:	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt
Ngày phát hành	:	16/09/2022
Kỳ hạn	:	07 năm
Ngày đáo hạn	:	16/09/2029
Lãi suất (%/năm)	:	Năm năm đầu: Lãi suất tham chiếu +2,50%/năm Hai năm cuối: Lãi suất tham chiếu + 3,50%/năm

Lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi kỳ tính lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại ngày xác định lãi suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 Ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Địa chỉ: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.
Lãi suất tham chiếu được làm tròn 2 chữ số sau phần thập phân.

Lãi suất tham chiếu cho kỳ tính lãi thứ 01: 5,58%

Lãi suất trái phiếu cho kỳ tính lãi thứ 01: 8,08%

Phương thức thanh toán gốc và lãi : Tiền gốc trái phiếu sẽ được thanh toán theo mệnh giá trái phiếu vào ngày đáo hạn của trái phiếu hoặc ngày đến hạn khác theo quy định trong điều kiện và điều khoản của trái phiếu tại Bản cáo bạch;

Tiền lãi trái phiếu: Thanh toán trả sau, 01 (một) năm 01 (một lần) định kỳ vào ngày tròn năm kể từ ngày phát hành.

Mệnh giá của trái phiếu : 10.000.000 VND (Mười triệu đồng)

Số lượng trái phiếu : 10.000 trái phiếu

Tổng giá trị mệnh giá : Bằng số: 100.000.000.000 VND;

Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn.

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT 1 PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

1. Số tiền thu được từ đợt phát hành mã trái phiếu VBB122033

- Hợp đồng mua bán Trái phiếu với Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Theo Hợp đồng mua bán Trái phiếu giữa Ngân hàng và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt số 15092022/TRAIPHIEU/VB-TVAM ngày 15/09/2022:

- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt mua 10.000 Trái phiếu tương đương 100.000.000.000 VND;
- Toàn bộ giá trị Trái phiếu này đã được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt chuyển khoản vào tài khoản của Ngân hàng ngày 15/09/2022.

2. Tình hình sử dụng vốn thu được

Mã trái phiếu	Mục đích sử dụng vốn trái phiếu theo phương án phát hành	Sử dụng vốn theo thực tế	
		Phương án sử dụng thực tế	Số tiền đã sử dụng (VND)
VBB122033	Tăng quy mô vốn cấp 2 của Ngân hàng, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.	Sử dụng phù hợp với mục đích theo phương án phát hành.	100.000.000.000

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Địa chỉ: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)**3. Tình hình thực hiện và sử dụng vốn tại ngày 18 tháng 04 năm 2023**

Nội dung	Số lượng trái phiếu	Tổng mệnh giá trái phiếu (VND)
Theo phương án phát hành đợt 1	100.000	1.000.000.000.000
Số lượng trái phiếu đã phát hành	10.000	100.000.000.000
Số lượng trái phiếu đã sử dụng thực tế theo mục đích phát hành	10.000	100.000.000.000

IV. Phê duyệt Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị sẽ trình Báo cáo tình hình sử dụng vốn này để sử dụng cho mục đích đã nêu tại Thuyết minh số II của Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 04 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thành Chung

Kế toán trưởng

Võ Nguyễn Thanh Nhiên

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Trung

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Địa chỉ: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng, mã trái phiếu VBB122033
tại ngày 18 tháng 04 năm 2023 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Khái quát về tổ chức phát hành

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký hoạt động tại Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động số: 2399/QĐ/NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15 tháng 12 năm 2006; Giấy phép thành lập và hoạt động được cấp đổi ngày 24 tháng 03 năm 2023, số 05/GP – NHNN và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ 27 ngày 09 tháng 05 năm 2022. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là thời hạn 50 năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2006.

Vốn điều lệ của Ngân hàng: Tại ngày 18 tháng 04 năm 2023, vốn điều lệ của Ngân hàng là: 4.776.827 triệu VND. Mệnh giá của một cổ phần là: 10.000 VND.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.
- Điện thoại : (0299) 388 6666
- Fax : (0299) 3615 666

Cổ phiếu của Ngân hàng được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Upcom với mã chứng khoán là VBB từ ngày 30 tháng 07 năm 2019.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Tài chính ngân hàng.

3. Ngành nghề kinh doanh :

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm hoạt động sau đây: 1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác. 2. Cấp Tín dụng dưới các hình thức sau đây: Cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; bảo lãnh ngân hàng; phát hành thẻ Tín dụng; bao thanh toán trong nước. 3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng. 4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư Tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ. 5. Mở tài khoản: Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; mở tài khoản tại tổ chức Tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác. 6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia. 7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn. 8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư. 9. Tham gia đấu thầu, mua, bán Tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ. 10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. 11. Dịch vụ môi giới tiền tệ. 12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, Tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức Tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức Tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Địa chỉ: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn

nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 17. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. 18. Kinh doanh mua, bán vàng miếng. 19. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ. 20. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

4. Cấu trúc Ngân hàng

Tại ngày 18 tháng 04 năm 2023, Ngân hàng có 1 trụ sở chính, 25 chi nhánh và 93 phòng giao dịch trên toàn quốc.

Tại ngày 18 tháng 04 năm 2023, Ngân hàng có một công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín	0310898270	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín ("công ty con") được thành lập và hoạt động theo Quyết định Thành lập số 3158/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 29 tháng 12 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310898270, được sửa đổi lần thứ 6, ngày 12 tháng 6 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị đến ngày 15 tháng 12 năm 2056 với vốn điều lệ là 5 tỷ VND và có thời gian hoạt động là thời gian hoạt động còn lại của Ngân hàng trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Vốn điều lệ đã được góp tại ngày 18 tháng 04 năm 2023 là 5 tỷ VND. Trụ sở chính của công ty con đặt tại 90 Cao Thắng, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động chính của công ty con là quản lý các khoản nợ vay; quản lý và khai thác tài sản bảo đảm nợ vay; quản lý hồ sơ tài sản bảo đảm; tái cơ cấu các khoản nợ vay; mua từ và bán các khoản nợ cho các tổ chức tín dụng khác.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Ngân hàng không quá 12 tháng.

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Địa chỉ: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

1. Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng vốn

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập phù hợp với quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán" trong việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn, các yêu cầu của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 về "Hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán" và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng vốn, và phù hợp các chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh số III.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập trên cơ sở thực thu – thực chi và là một bộ phận trong tổng dòng tiền của Ngân hàng.

2. Ký kế toán

Báo cáo tình hình sử dụng vốn được lập cho việc sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng đến ngày 18 tháng 04 năm 2023.

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

4. Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập và chỉ được sử dụng để báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng tại ngày 18 tháng 04 năm 2023 theo các Nghị quyết: Nghị quyết số 02/2021/NQ - ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 10 năm 2021; Nghị quyết số 92/2021/NQ - HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2021; Nghị quyết số 15/2022/NQ - HĐQT ngày 14 tháng 03 năm 2022; Nghị quyết 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2022 và các Bản công bố thông tin phát hành trái phiếu được Ngân hàng phát hành.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn này được lập để giúp Ngân hàng đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến đợt phát hành trái phiếu ra công chúng của Ngân hàng. Vì thế, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

III. TÓM TẮT CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Số tiền thu được từ đợt phát hành

Số tiền mà Công ty thu được từ đợt chào bán trái phiếu riêng trên đã được hạch toán ghi nhận vào tổng dòng tiền thu của Ngân hàng theo số tiền thực thu.

Số tiền chi từ nguồn vốn huy động thu được từ đợt phát hành trái phiếu

Số tiền chi từ nguồn vốn huy động thu được từ các đợt phát hành trái phiếu nêu trên được ghi nhận theo số tiền giải ngân thực tế cho các hoạt động: "Tăng quy mô vốn cấp 2 của Ngân hàng, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước" theo mục đích phát hành trái phiếu và kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành theo quy định trong phương án phát hành trái phiếu, Bản công bố thông tin trước đợt phát hành và các văn kiện trái phiếu liên quan.

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Địa chỉ: Số 47 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN (tiếp theo)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tình hình sử dụng vốn

IV. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng vốn này.

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 04 năm 2023

Người lập biếu

Nguyễn Thành Chung

Kế toán trưởng

Võ Nguyễn Thanh Nhiên

Quyền Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Trung

